ISO 9001 : 2008

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI

Địa chỉ: 42 Tô Hiến Thành - ĐT: 024.22200518 - Fax: 024.22200526

*Số công trình: 19-26/HAPEC*

# BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

## CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

### TẬP II: CÁC BẢN VẼ - BẢNG KÊ

HAPEC

HÀ NỘI, NĂM 2026

ISO 9001 : 2008

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**Địa chỉ: 42 Tô Hiến Thành - ĐT: 024.22200518 - Fax: 024.22200526**

***Số công trình: 19-26/HAPEC***

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số 1348/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

# BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

## CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số 1853/BC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

### TẬP II: CÁC BẢN VẼ - BẢNG KÊ

*Chủ nhiệm đề án:* ***Tạ Thị Thanh Hoa***
*Chủ trì thiết kế phần điện:* ***Bùi Duy Hoàng***
*Chủ trì thiết kế phần xây dựng:* ***Đặng Văn Tú***

***Hà Nội, ngày tháng năm 2026***

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HÀ NỘI
*Nguyễn Thanh Hải*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC
*Phạm Huy Hiệu*

HÀ NỘI, NĂM 2026

# MỤC LỤC BẢN VẼ

## CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

| STT | TÊN BẢN VẼ | KÝ HIỆU |
|---|---|---|
| **I** | **CÁC BẢN VẼ MẶT BẰNG; SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR, TRỤ PHÂN DÂY LẮP MỚI TẠI CÁC TBA** | |
| 1 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG) | 19-26-HAPEC-MBHT-01 |
| 2 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG) | 19-26-HAPEC-MBCT-01 |
| 3 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG) | 19-26-HAPEC-HTCT-01 |
| 4 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG) | 19-26-HAPEC-MBĐR-01 |
| 5 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-MBHT-02 |
| 6 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-MBCT-02 |
| 7 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-HTCT-02 |
| 8 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-MBĐR-02 |
| 9 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ) | 19-26-HAPEC-MBHT-03 |
| 10 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ) | 19-26-HAPEC-MBCT-03 |
| 11 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ) | 19-26-HAPEC-HTCT-03 |
| 12 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ) | 19-26-HAPEC-MBĐR-03 |
| 13 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN) | 19-26-HAPEC-MBHT-04 |
| 14 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN) | 19-26-HAPEC-MBCT-04 |
| 15 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN) | 19-26-HAPEC-HTCT-04 |
| 16 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN) | 19-26-HAPEC-MBĐR-04 |
| 17 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA BÔNG NHUỘM (KHU VỰC NGÕ 51 THỢ NHUỘM VÀ NGÕ 57 THỢ NHUỘM) | 19-26-HAPEC-MBHT-05 |
| 18 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA BÔNG NHUỘM (KHU VỰC NGÕ 51 THỢ NHUỘM VÀ NGÕ 57 THỢ NHUỘM) | 19-26-HAPEC-MBCT-05 |
| 19 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA BÔNG NHUỘM (KHU VỰC NGÕ 51 THỢ NHUỘM VÀ NGÕ 57 THỢ NHUỘM) | 19-26-HAPEC-HTCT-05 |
| 20 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-MBHT-06 |

# MỤC LỤC BẢN VẼ

## CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI


| STT | TÊN BẢN VẼ | KÝ HIỆU |
|---|---|---|
| 21 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-MBCT-06 |
| 22 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-HTCT-06 |
| 23 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-MBĐR-06 |
| 24 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC) | 19-26-HAPEC-MBHT-07 |
| 25 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC) | 19-26-HAPEC-MBCT-07 |
| 26 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC) | 19-26-HAPEC-HTCT-07 |
| 27 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC) | 19-26-HAPEC-MBĐR-07 |
| 28 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG) | 19-26-HAPEC-MBHT-08 |
| 29 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG) | 19-26-HAPEC-MBCT-08 |
| 30 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG) | 19-26-HAPEC-MBĐR-08 |
| 31 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA ĐINH LỄ 1 (KHU VỰC NGÕ 39 TRÀNG TIỀN VÀ NGÕ 57 TRÀNG TIỀN) | 19-26-HAPEC-MBHT-09 |
| 32 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA ĐINH LỄ 1 (KHU VỰC NGÕ 39 TRÀNG TIỀN VÀ NGÕ 57 TRÀNG TIỀN) | 19-26-HAPEC-HTCT-09 |
| 33 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN) | 19-26-HAPEC-MBHT-10 |
| 34 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN) | 19-26-HAPEC-MBCT-10 |
| 35 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN) | 19-26-HAPEC-HTCT-10 |
| 36 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN) | 19-26-HAPEC-MBĐR-10 |
| 37 | MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH) | 19-26-HAPEC-MBHT-11 |
| 38 | MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH) | 19-26-HAPEC-MBCT-11 |
| 39 | MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH) | 19-26-HAPEC-HTCT-11 |
| 40 | MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH) | 19-26-HAPEC-MBĐR-11 |
| 41 | SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ) | 19-26-HAPEC-1S-01 |

# MỤC LỤC BẢN VẼ

## CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

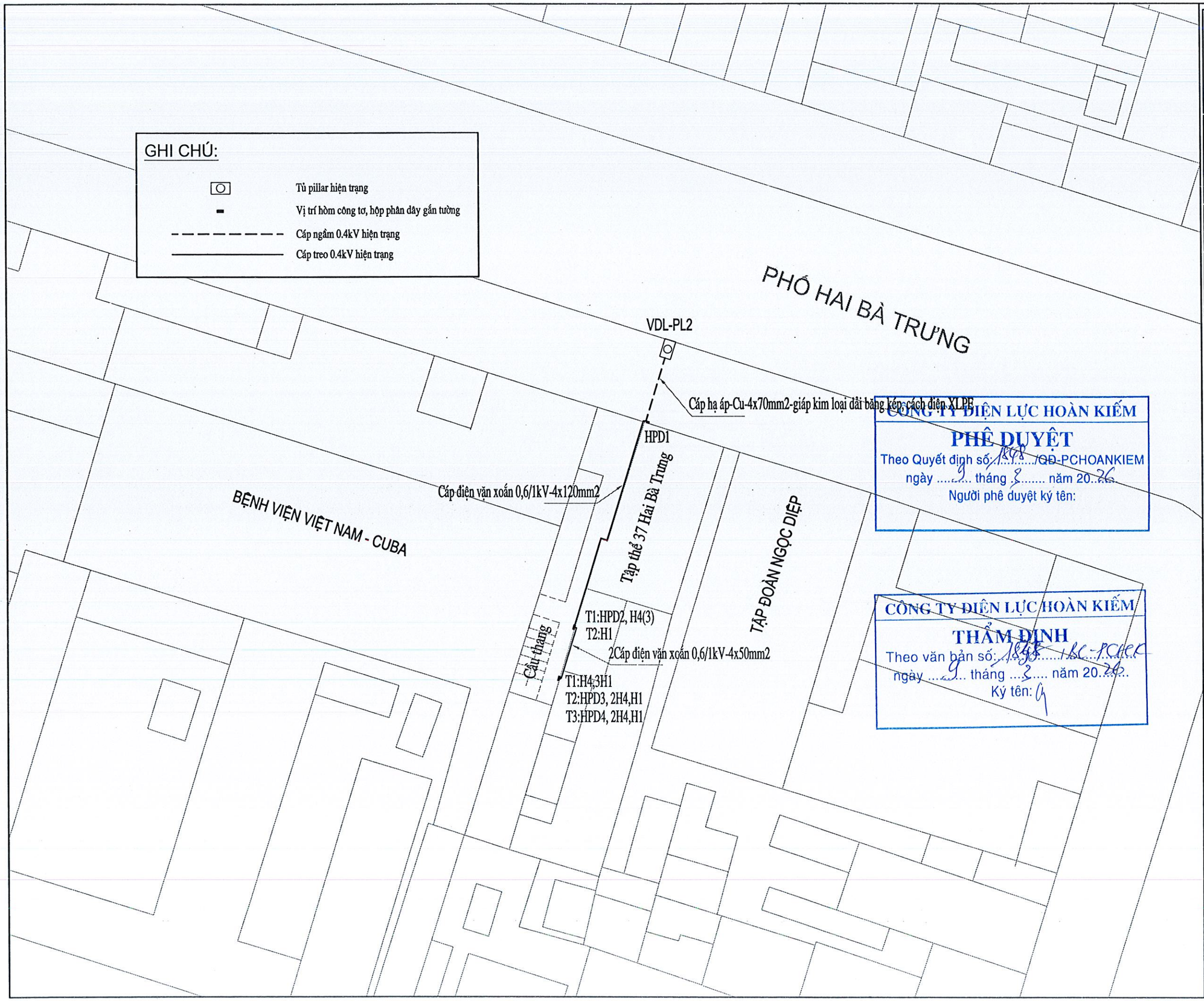

| STT | TÊN BẢN VẼ | KÝ HIỆU |
|---|---|---|
| 42 | SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN) | 19-26-HAPEC-1S-02 |
| 43 | SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG) | 19-26-HAPEC-1S-03 |
| 44 | SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR, TRỤ PHÂN DÂY LẮP MỚI TẠI TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC) | 19-26-HAPEC-1S-04 |
| 45 | SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG) | 19-26-HAPEC-1S-05 |
| 46 | SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN) | 19-26-HAPEC-1S-06 |
| 47 | SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR, TRỤ PHÂN DÂY LẮP MỚI TẠI TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH) | 19-26-HAPEC-1S-07 |
| **II** | **CÁC BẢN VẼ CHI TIẾT** | |
| 1 | MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG | 19-26-HAPEC-CT-01 |
| 2 | MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG | 19-26-HAPEC-CT-02 |
| 3 | MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ GẠCH ĐỎ | 19-26-HAPEC-CT-03 |
| 4 | MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ GẠCH ĐỎ | 19-26-HAPEC-CT-04 |
| 5 | MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ ĐÁ XẺ | 19-26-HAPEC-CT-05 |
| 6 | MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ GẠCH TERRAZZO | 19-26-HAPEC-CT-06 |
| 7 | SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425)-2 MẶT (1MCCB 3P 400A + 2MCCB 3P 250A) | 19-26-HAPEC-CT-07 |
| 8 | BỐ TRÍ THIẾT BỊ TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425)-2 MẶT (1MCCB 3P 400A + 2MCCB 3P 250A) | 19-26-HAPEC-CT-08 |
| 9 | SƠ ĐỒ 1 SỢI TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170) | 19-26-HAPEC-CT-09 |
| 10 | BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170) | 19-26-HAPEC-CT-10 |
| 11 | MÓNG TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425) | 19-26-HAPEC-CT-11 |
| 12 | KHUNG MÓNG TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425) | 19-26-HAPEC-CT-12 |
| 13 | MÓNG TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170) | 19-26-HAPEC-CT-13 |
| 14 | KHUNG MÓNG TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170) | 19-26-HAPEC-CT-14 |

# MỤC LỤC BẢN VẼ

## CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI


| STT | TÊN BẢN VẼ | KÝ HIỆU |
|---|---|---|
| 15 | TIẾP ĐỊA TỦ PILLAR | 19-26-HAPEC-CT-15 |
| 16 | TIẾP ĐỊA TRỤ PHÂN DÂY | 19-26-HAPEC-CT-16 |
| 17 | QUY CÁCH BIỂN BÁO | 19-26-HAPEC-CT-17 |
| 18 | CHI TIẾT ĐẶT MỐC BÁO HIỆU CÁP | 19-26-HAPEC-CT-18 |
| 19 | CÁP NGẦM RẼ NGOẶT 90 ĐỘ | 19-26-HAPEC-CT-19 |
| 20 | CÁP NGẦM GIAO CHÉO ĐƯỜNG Ô TÔ | 19-26-HAPEC-CT-20 |
| 21 | CÁP NGẦM ĐI SONG SONG VỚI TƯỜNG NHÀ | 19-26-HAPEC-CT-21 |
| 22 | CÁP NGẦM QUA ỐNG CỐNG, HỐ GA, RÃNH THOÁT NƯỚC | 19-26-HAPEC-CT-22 |
| 23 | BỐ TRÍ CÁP LÊN TƯỜNG NHÀ DÂN | 19-26-HAPEC-CT-23 |

# CÁC BẢN VẼ MẶT BẰNG; SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR, TRỤ PHÂN DÂY LẮP MỚI TẠI CÁC TBA




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1268/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1895/HC-PCHEC
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-01 |

## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây gắn tường
- Đoạn tuyến cáp ngầm hiện trạng
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.

PHỐ HAI BÀ TRƯNG

VDL-PL2

Cáp hạ áp-Cu-4x95mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE
từ tủ VDL-PL2 đến HPD1 (tầng 1)

BỆNH VIỆN VIỆT NAM - CUBA

Tập thể 37 Hai Bà Trưng

TẬP ĐOÀN NGỌC DIỆP

Cây thang

T1:HPD1*

T2:HPD2*

T3:HPD3*

Cáp hạ áp-Cu-4x35mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, từ HPD1 đến HPD2 (tầng 2), cáp treo
Cáp hạ áp-Cu-4x35mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, từ HPD1 đến HPD3 (tầng 3), cáp treo

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1828 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1827 /PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-01 |

## GHI CHÚ:

| | |
|---|---|
| ▭ | Tủ pillar hiện trạng |
| ▭ | Tủ pillar lắp đặt mới |
| ▭ | Trụ phân dây lắp đặt mới |
| ▬ | Vị trí hộp phân dây, hộp bảo vệ công tơ |
| —·—·—·— | Đoạn tuyến cáp rải mới |

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.

PHỐ HAI BÀ TRƯNG

VDL-PL2

BỆNH VIỆN VIỆT NAM - CUBA

Tập thể 37 Hai Bà Trưng

TẬP ĐOÀN NGỌC DIỆP

Cầu thang

Cáp hạ áp-Cu-2x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD1 (tầng 1) đến H4 (tầng 1), cáp treo

2Cáp hạ áp-Cu-2x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD2 (tầng 2) đến 2H4 (tầng 2), cáp treo
Cáp hạ áp-Cu-2x16mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD2 (tầng 2) đến H1 (tầng 2), cáp treo
2Cáp hạ áp-Cu-2x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD3 (tầng 3) đến 2H4 (tầng 3), cáp treo
Cáp hạ áp-Cu-2x16mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD3 (tầng 3) đến H1 (tầng 3), cáp treo

T1:HPD1*,H4*(3)
T2:H1*

T1:H4*,3H1*
T2:HPD2*,2H4*,H1*
T3:HPD3*,2H4*,H1*

Cáp hạ áp-Cu-2x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD1 (tầng 1) đến H4 (tầng 1), cáp treo
3Cáp hạ áp-Cu-2x16mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD1 (tầng 1) đến 3H1 (tầng 1), cáp treo
Cáp hạ áp-Cu-2x16mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE, Từ HPD2 (tầng 2) đến H1 (tầng 2), cáp treo

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 182/PC-PCHOA
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

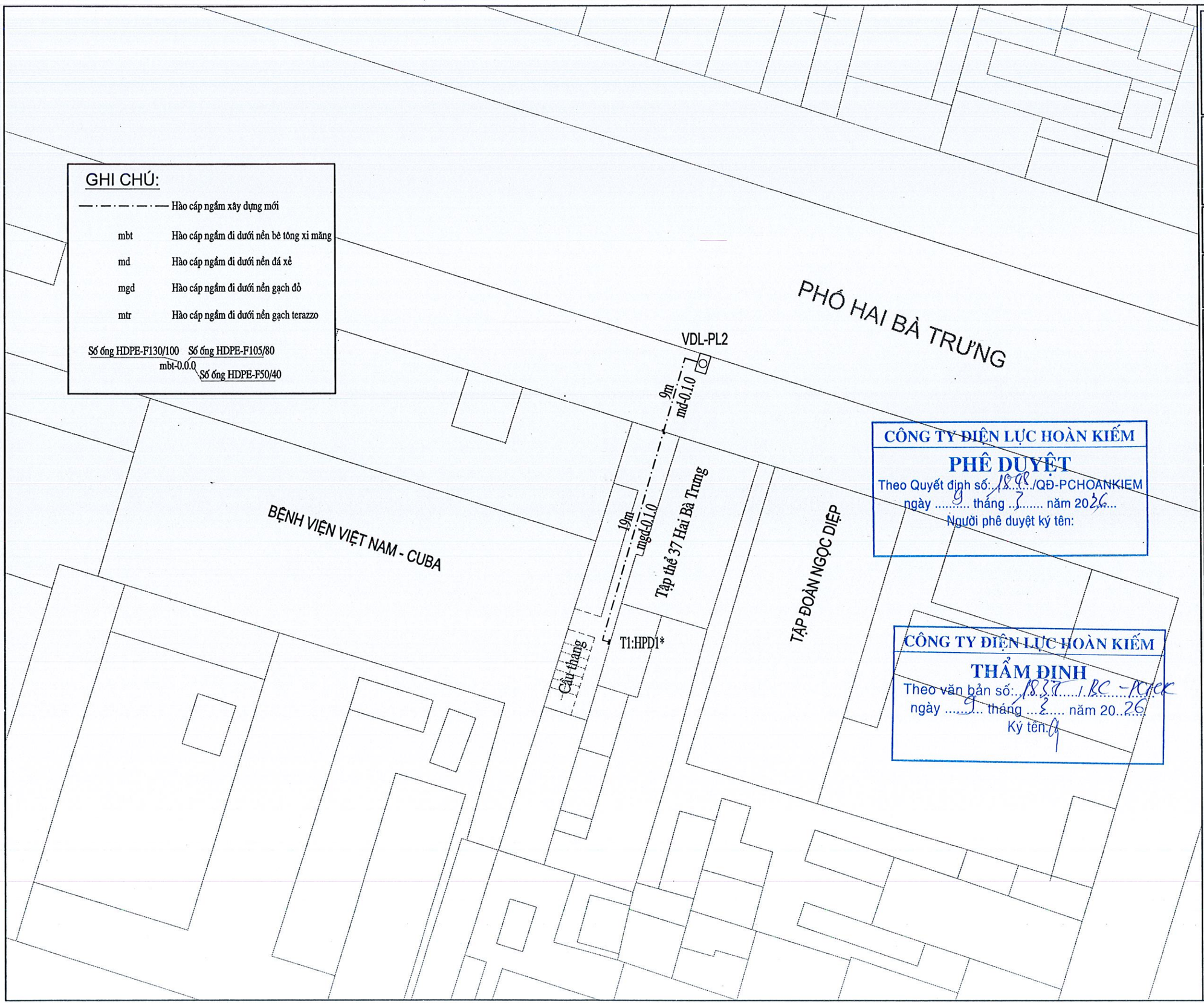
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-01 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1899/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1837/PC-PCHK
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

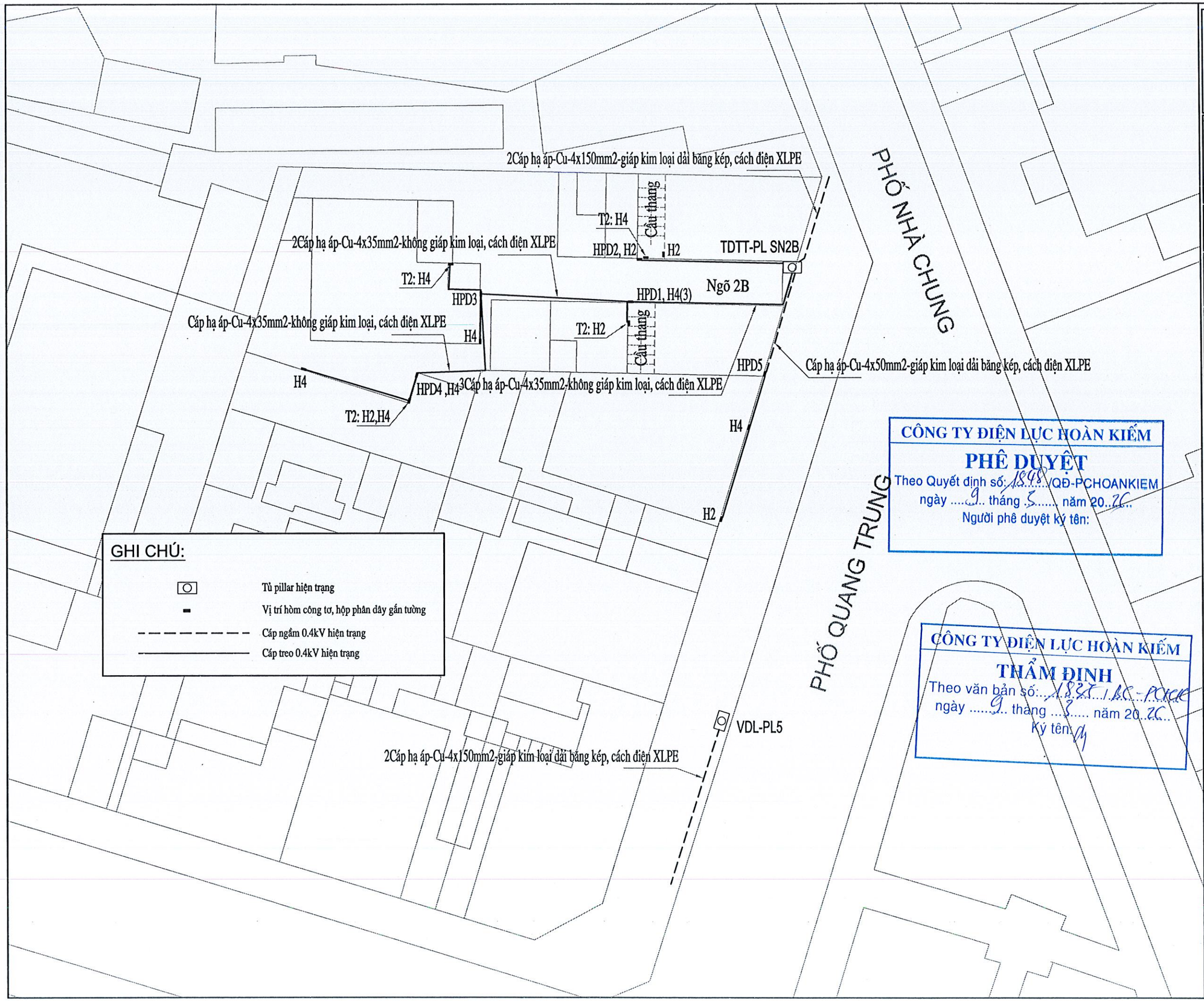
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA VIỆN DƯỢC LIỆU (KHU VỰC TẬP THỂ 37 HAI BÀ TRƯNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-01 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1898 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 5 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 1827 /HC-PCHK

ngày 9 tháng 5 năm 2026

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

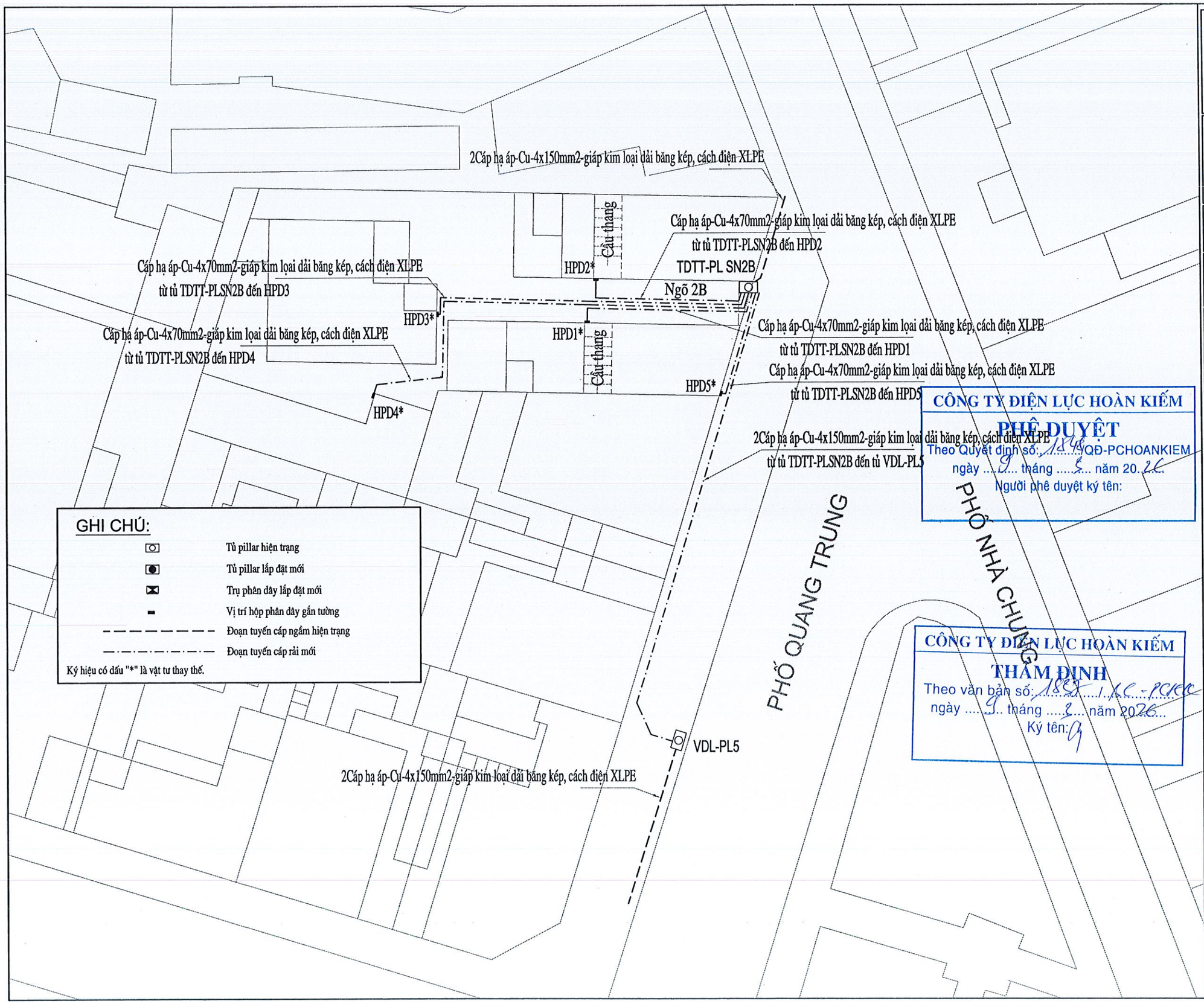
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-02 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1148/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1883/HK-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

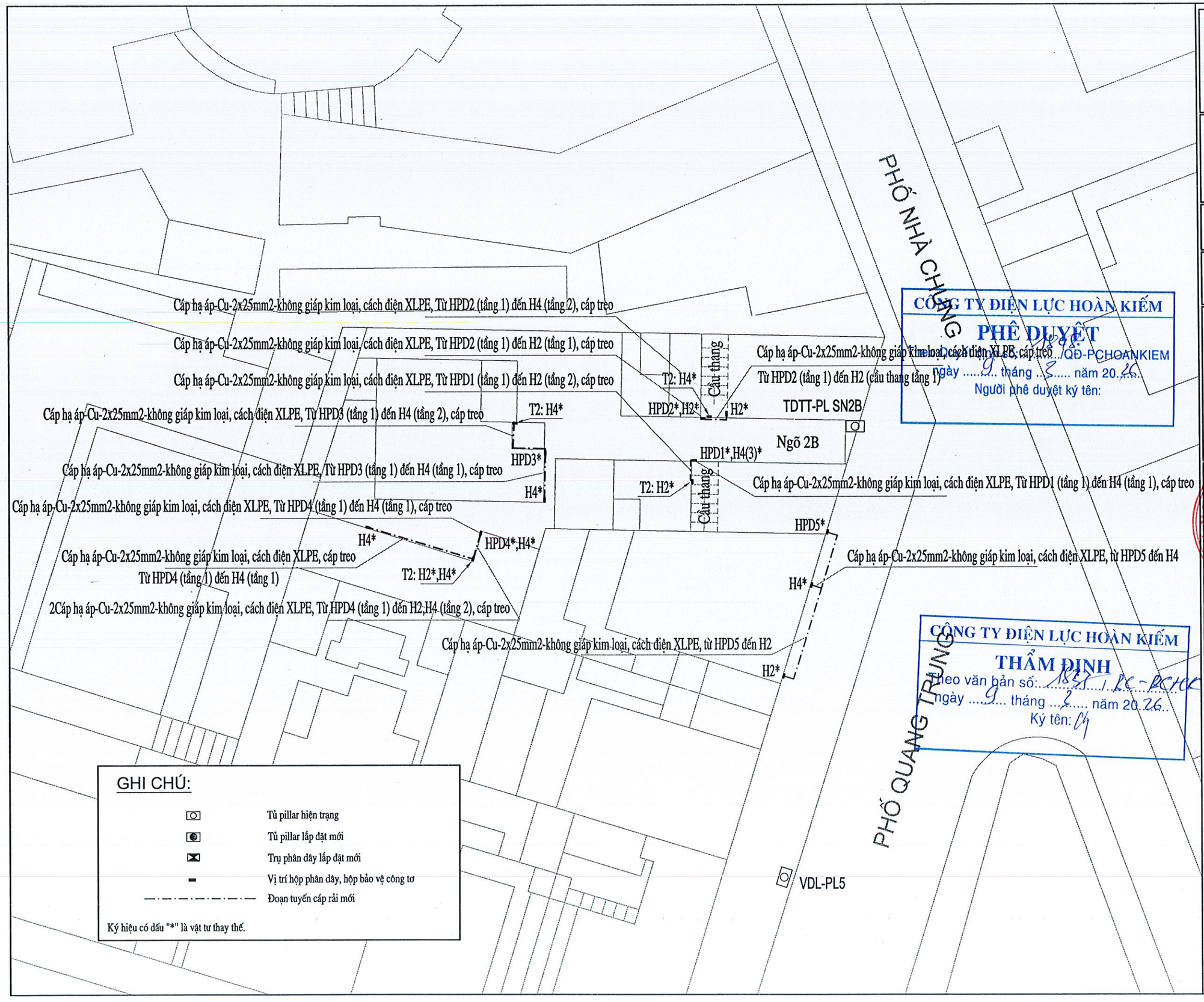
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-02 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo văn bản số: 1898/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1857/TĐ-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

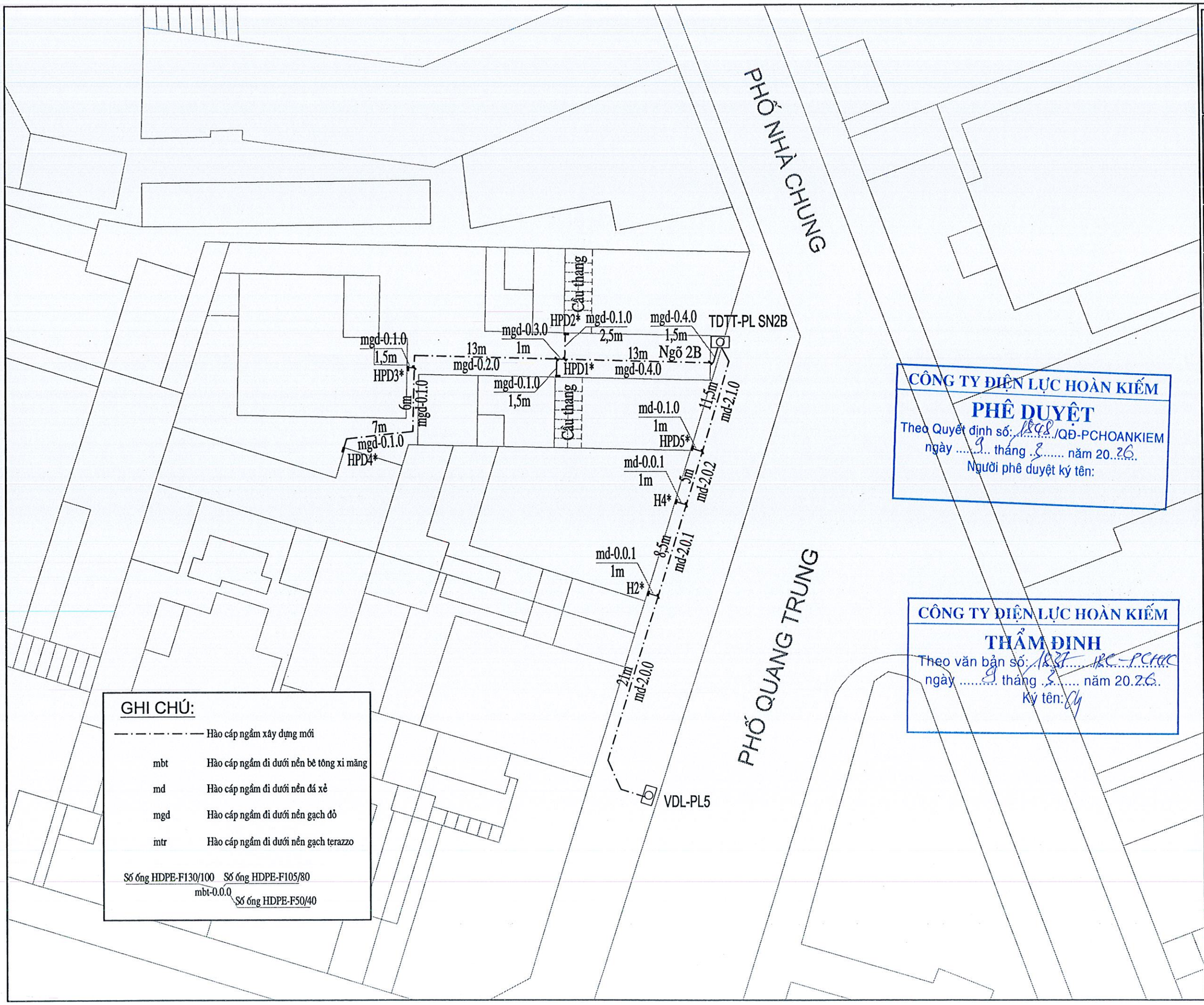
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-02 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 1868 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 1827 /HC-PCHOC

ngày 9 tháng 3 năm 2026.

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

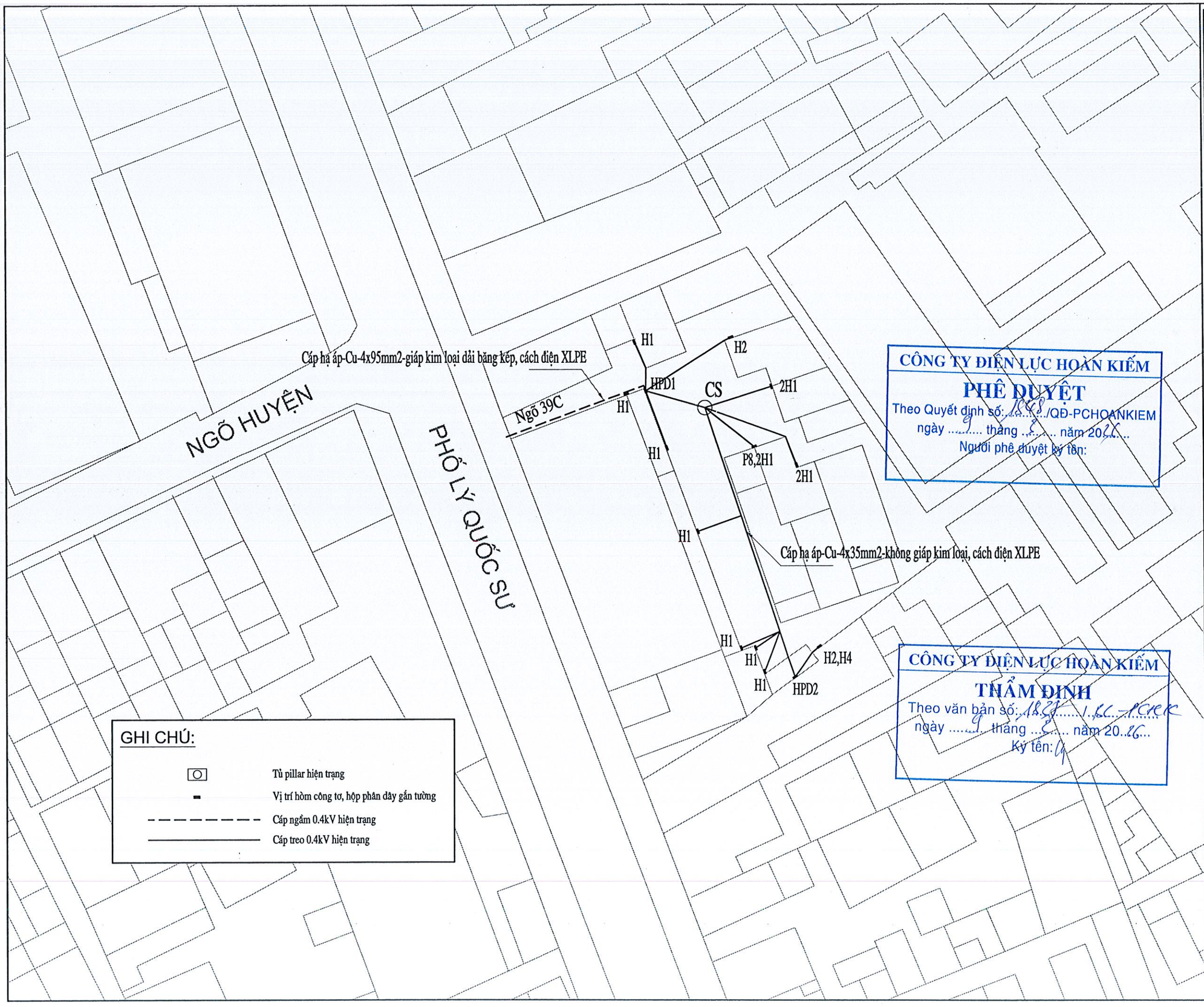
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO (KHU VỰC NGÕ 2B QUANG TRUNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-02 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 148/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1827/PCHK-KT
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TỐ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

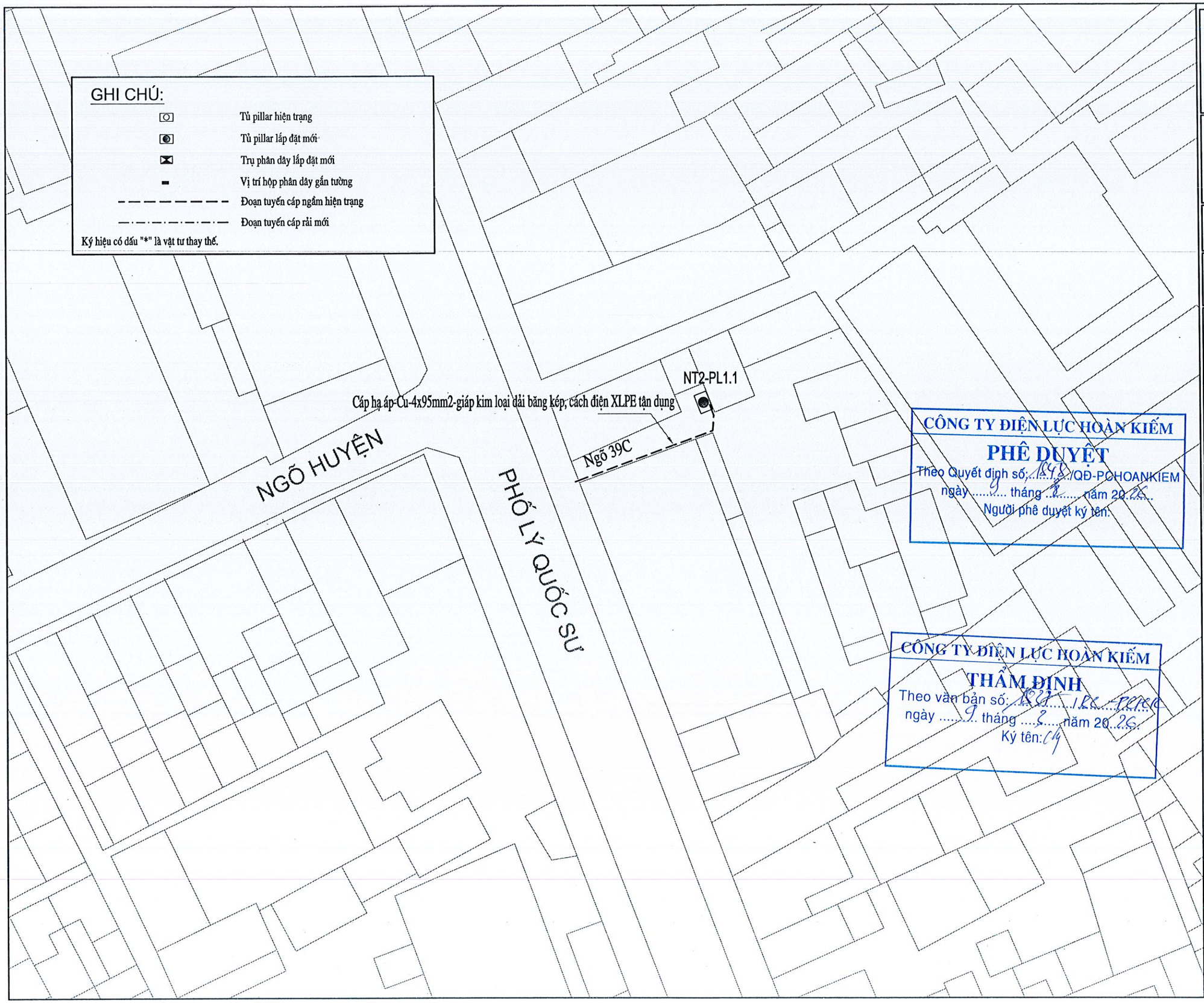
TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SU)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-03 |

## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây gắn tường
- Đoạn tuyến cáp ngầm hiện trạng
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 147/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1823/TTr-HAPEC
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

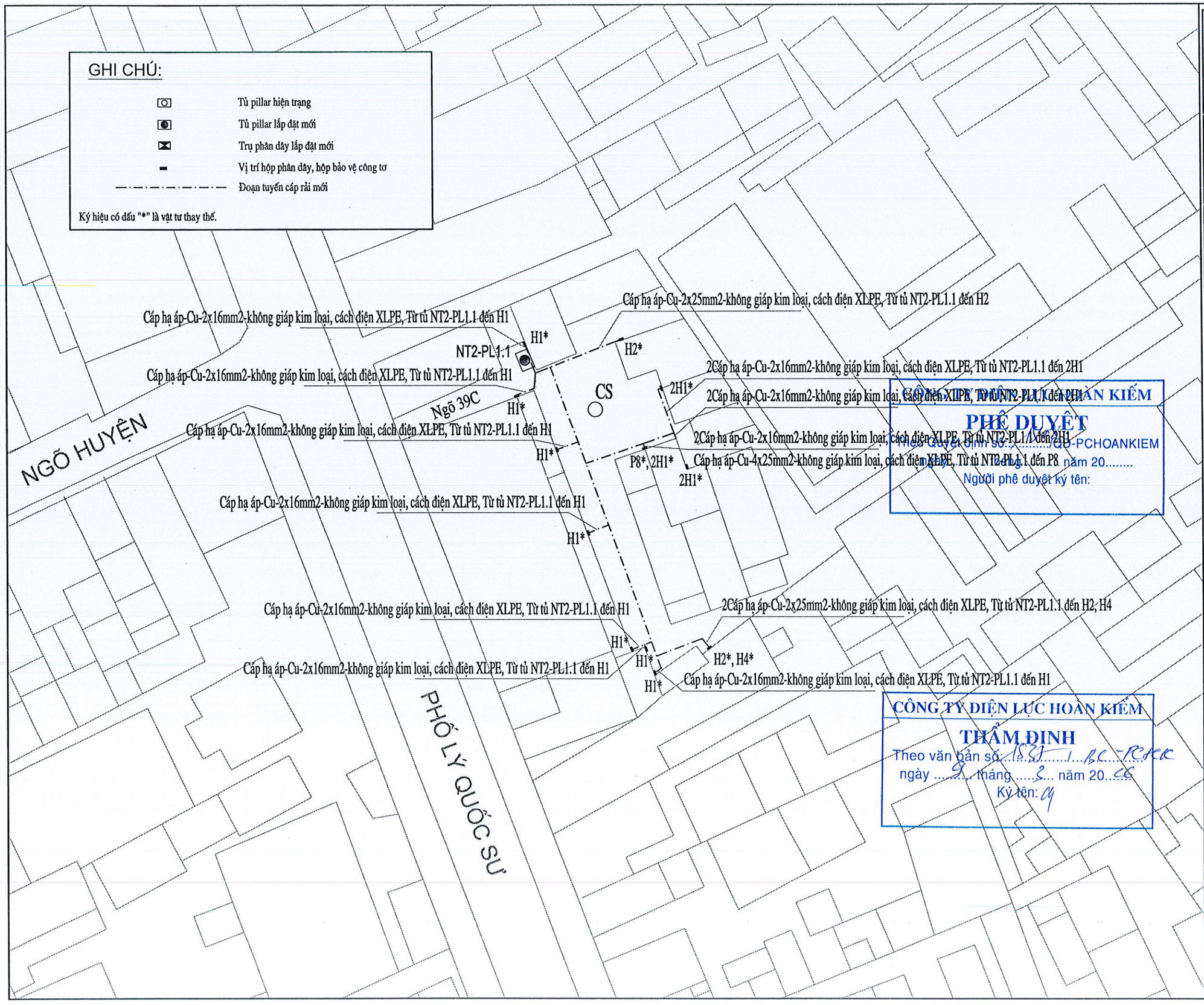
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-03 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

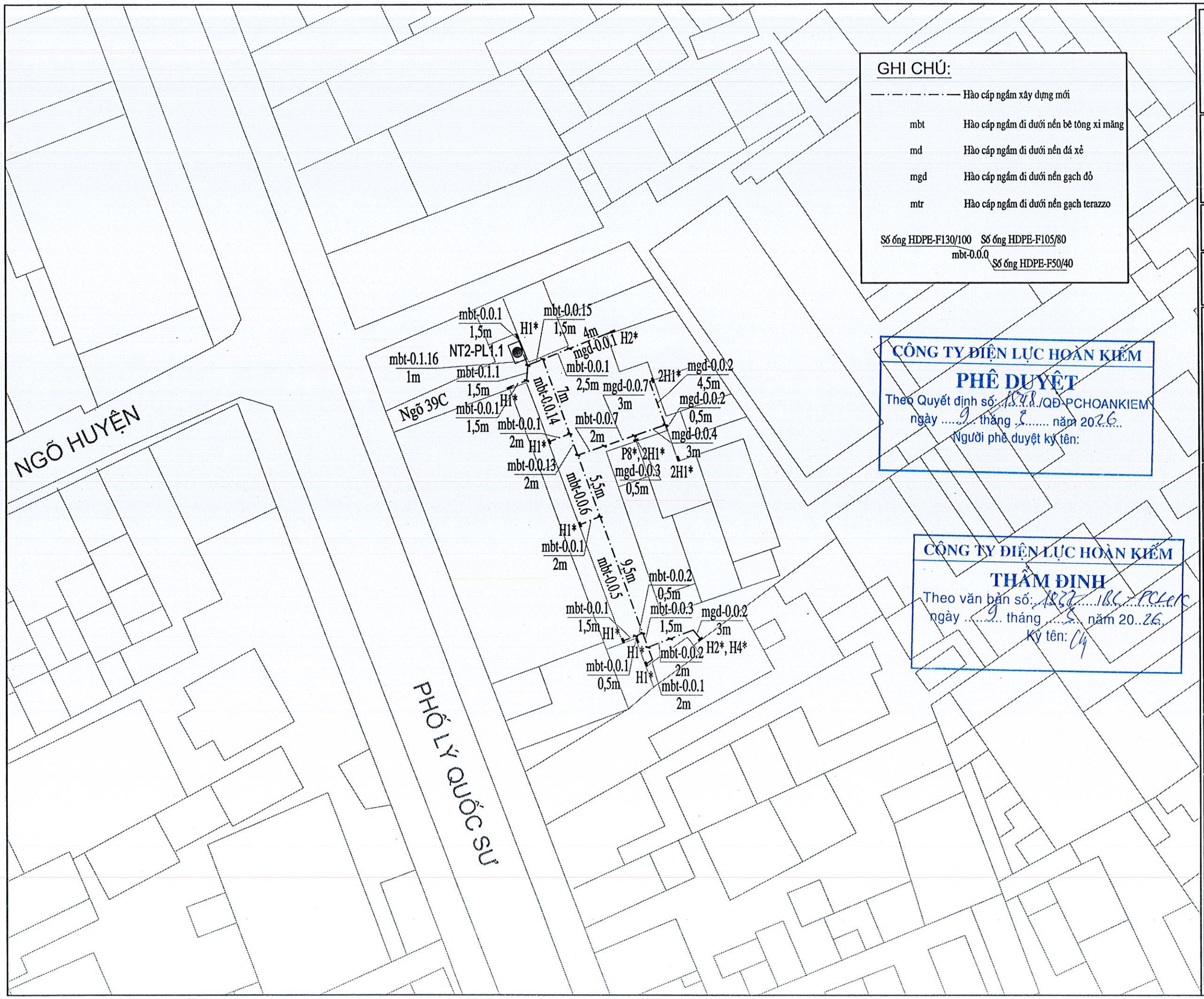
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-03 |




## GHI CHÚ:

| | |
|---|---|
| —·—·—·—·— | Hào cáp ngầm xây dựng mới |
| mbt | Hào cáp ngầm đi dưới nền bê tông xi măng |
| md | Hào cáp ngầm đi dưới nền đá xẻ |
| mgd | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch đỏ |
| mtr | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch terazzo |

Số ống HDPE-F130/100 Số ống HDPE-F105/80
mbt-0.0.0 Số ống HDPE-F50/40

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1578./QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1822/IBC-PCHAIC
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

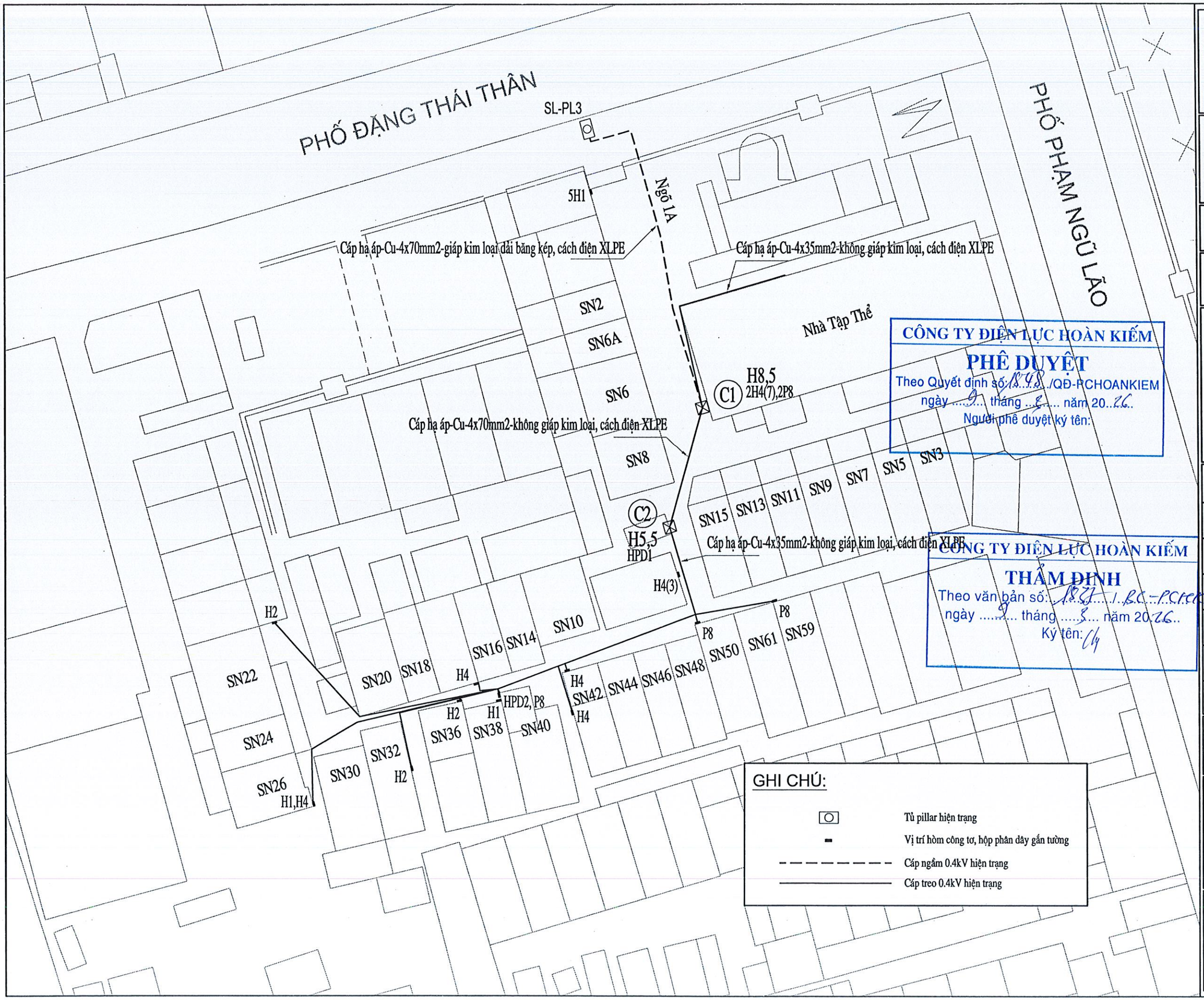
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-03 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

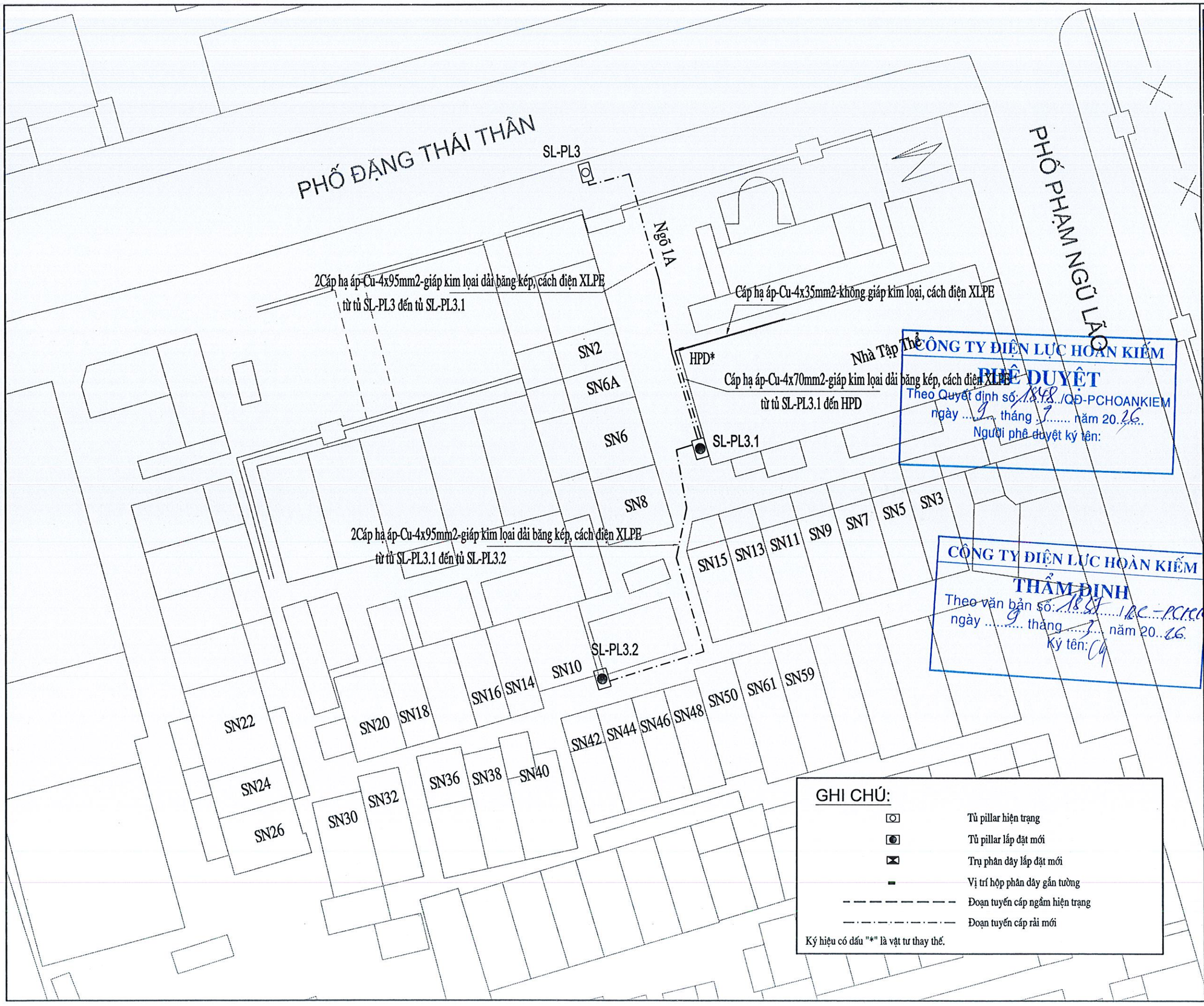
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-04 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1858 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 7 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1857 /HC-PCHK
ngày 9 tháng 7 năm 2026
Ký tên:

## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây gắn tường
- Đoạn tuyến cáp ngầm hiện trạng
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.

CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

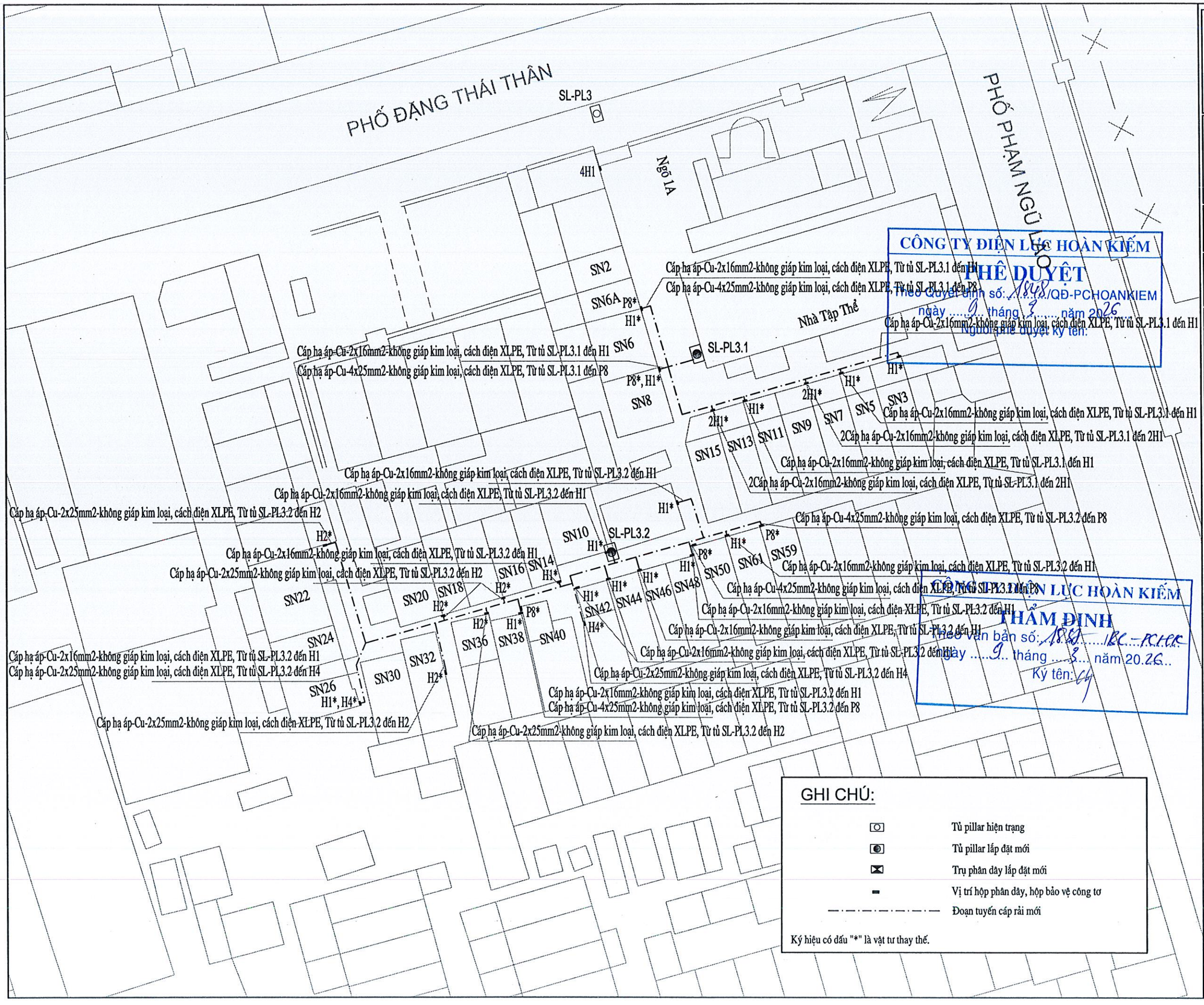
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-04 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1847/PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây, hộp bảo vệ công tơ
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

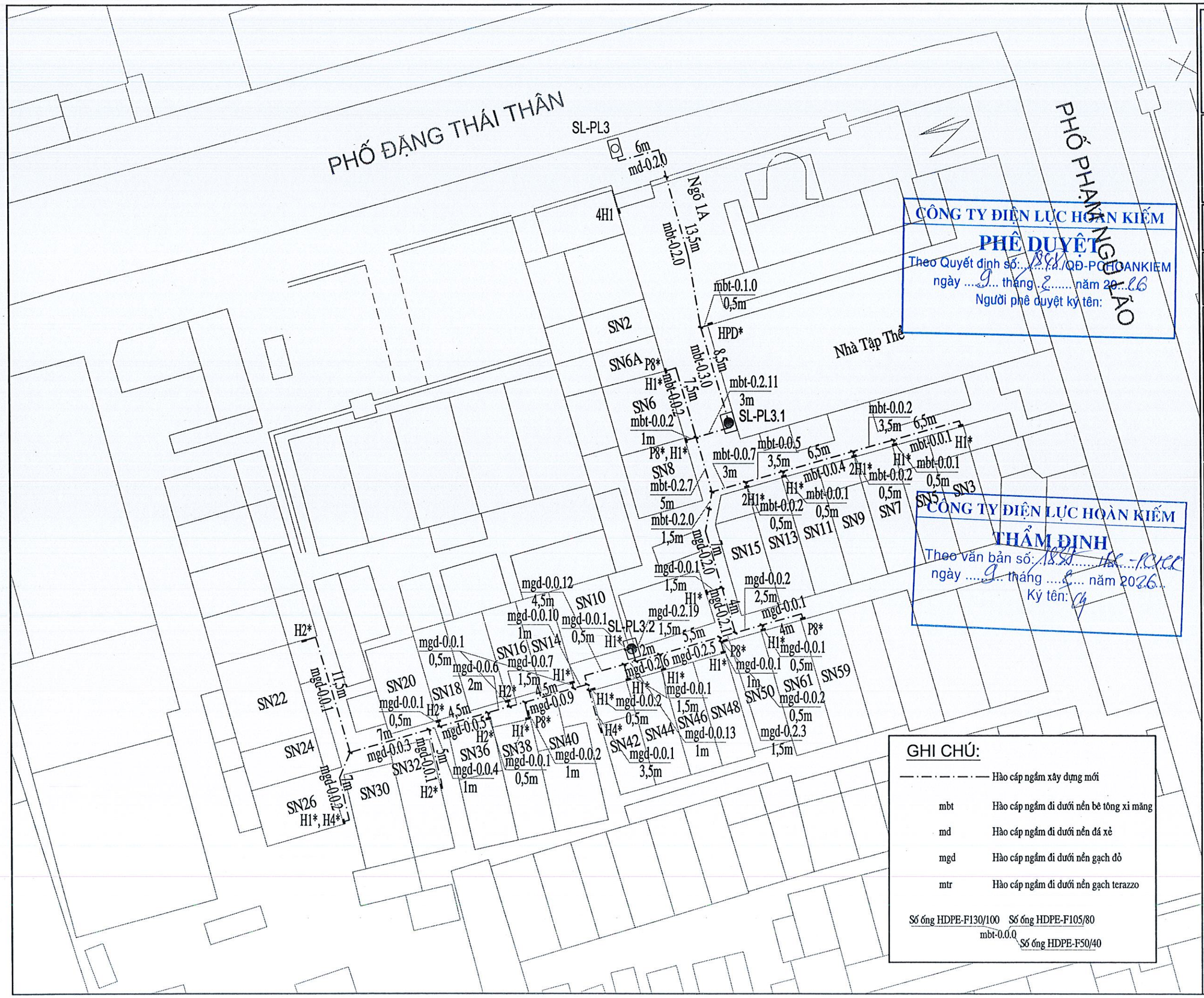
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-04 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 184/QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 2 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 185/ĐL-PCHK

ngày 9 tháng 2 năm 2026

Ký tên:

## GHI CHÚ:

- Hào cáp ngầm xây dựng mới

| | |
|---|---|
| mbt | Hào cáp ngầm đi dưới nền bê tông xi măng |
| md | Hào cáp ngầm đi dưới nền đá xẻ |
| mgd | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch đỏ |
| mtr | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch terazzo |

Số ống HDPE-F130/100 Số ống HDPE-F105/80

mbt-0.0.0

Số ống HDPE-F50/40

CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

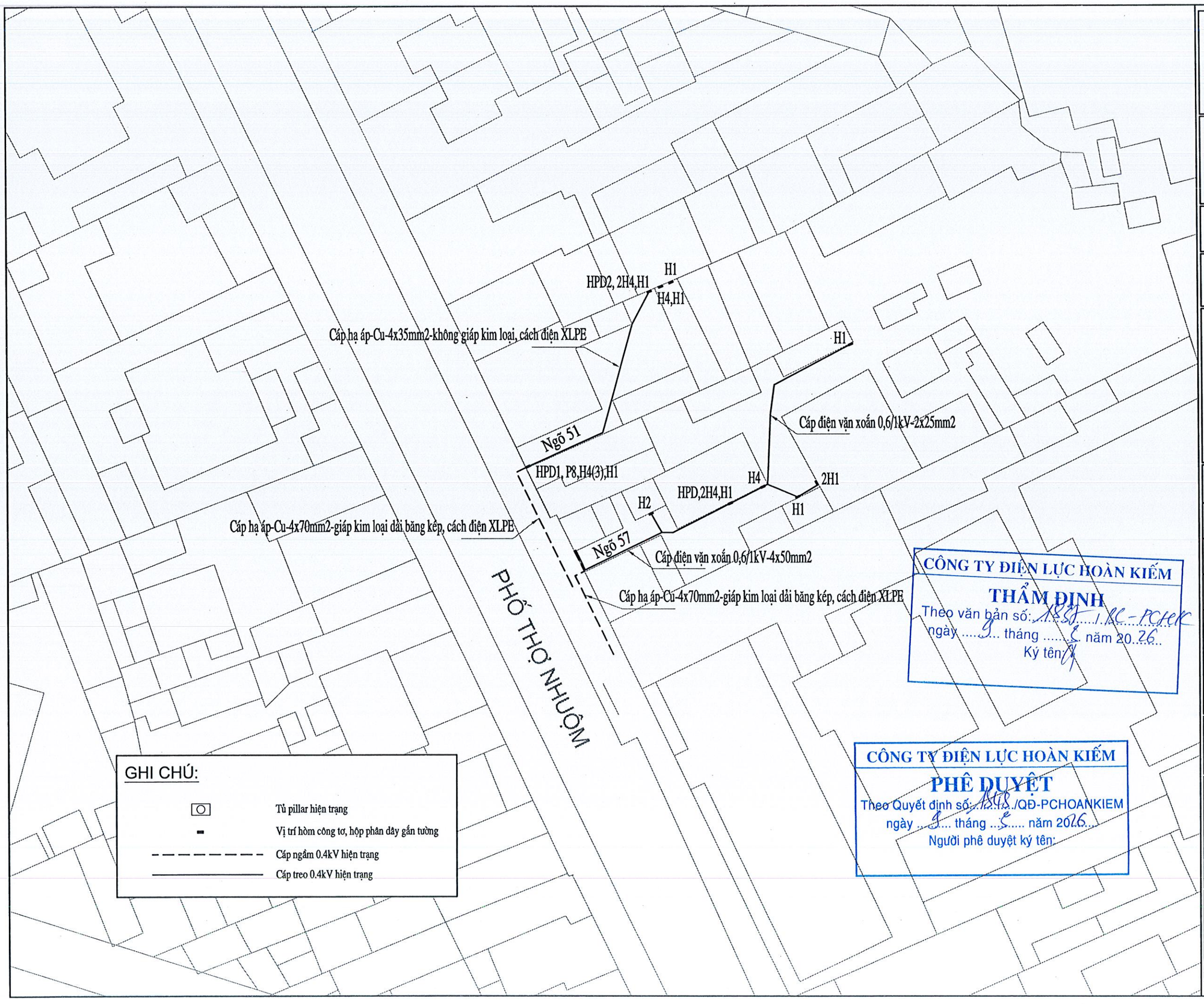
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-04 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1858/PC-PCHK
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1858/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

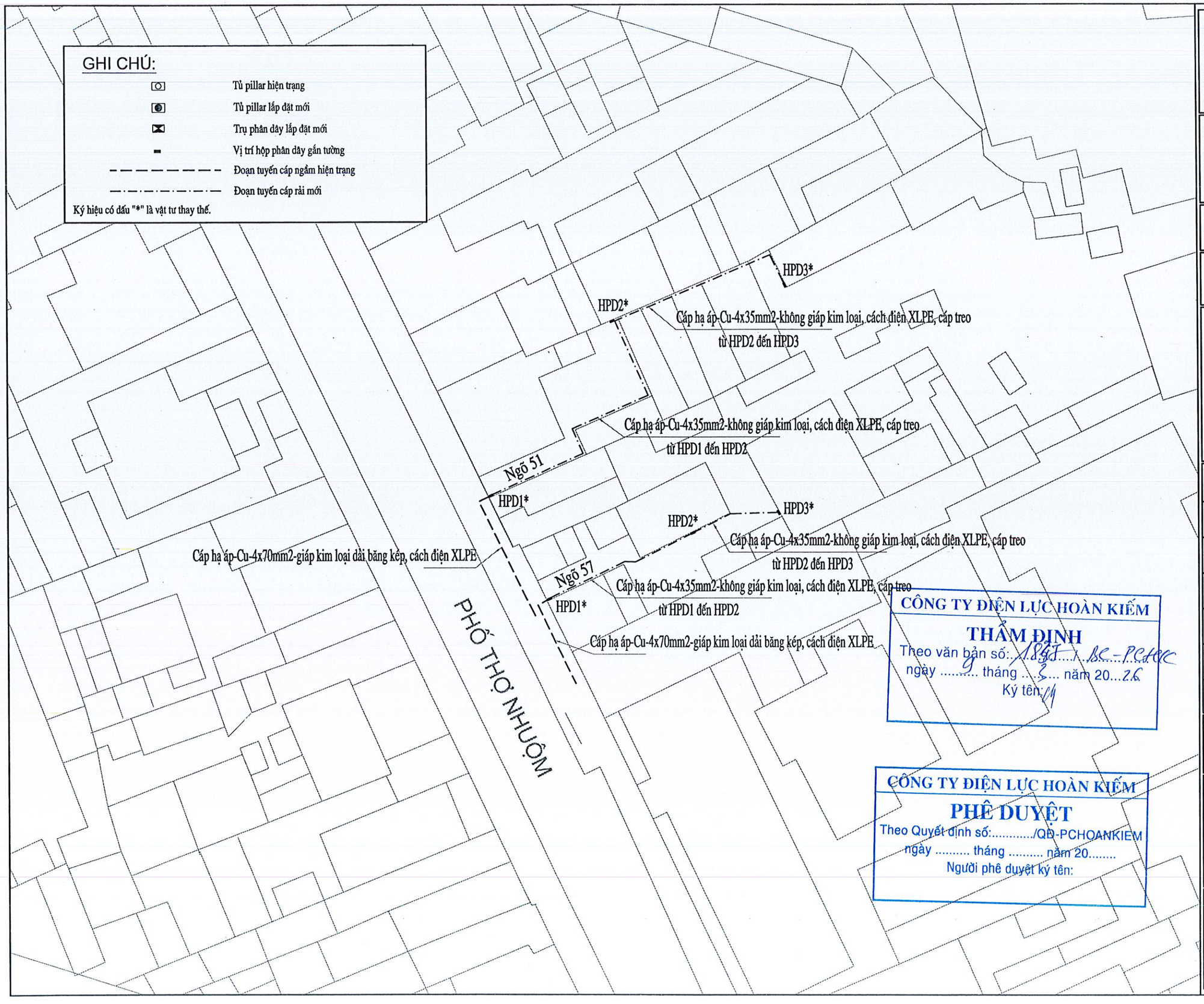
**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA BÔNG NHUỘM (KHU VỰC NGÕ 51 THỢ NHUỘM VÀ NGÕ 57 THỢ NHUỘM)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-05 |

## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây gắn tường
- Đoạn tuyến cáp ngầm hiện trạng
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số: 1847/.../BC-PCHOANKIEM
ngày ..... tháng ...2... năm 20...26
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
**PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số:...../QĐ-PCHOANKIEM
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

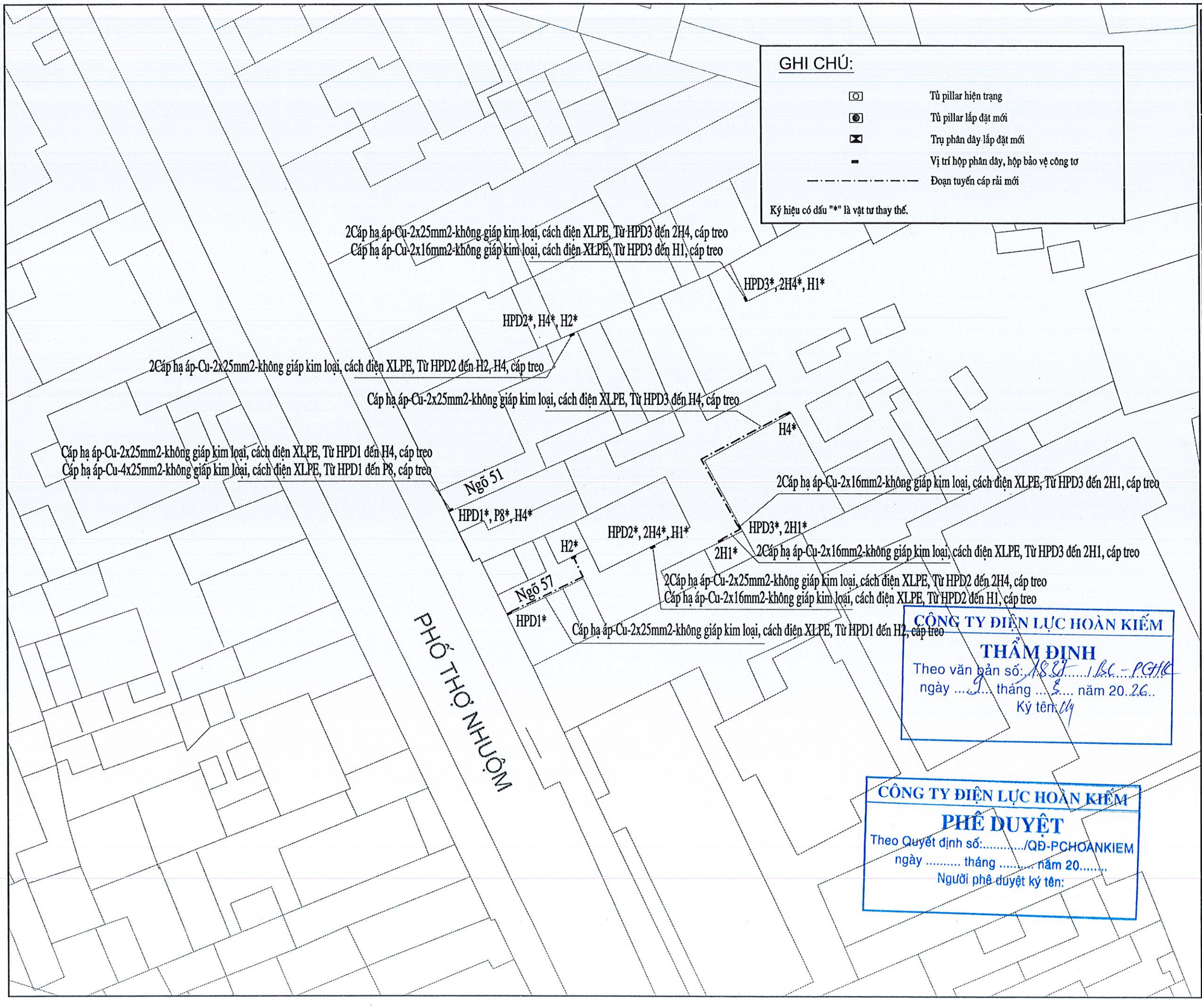
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA BÔNG NHUỘM (KHU VỰC NGÕ 51 THỢ NHUỘM VÀ NGÕ 57 THỢ NHUỘM)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-05 |




CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

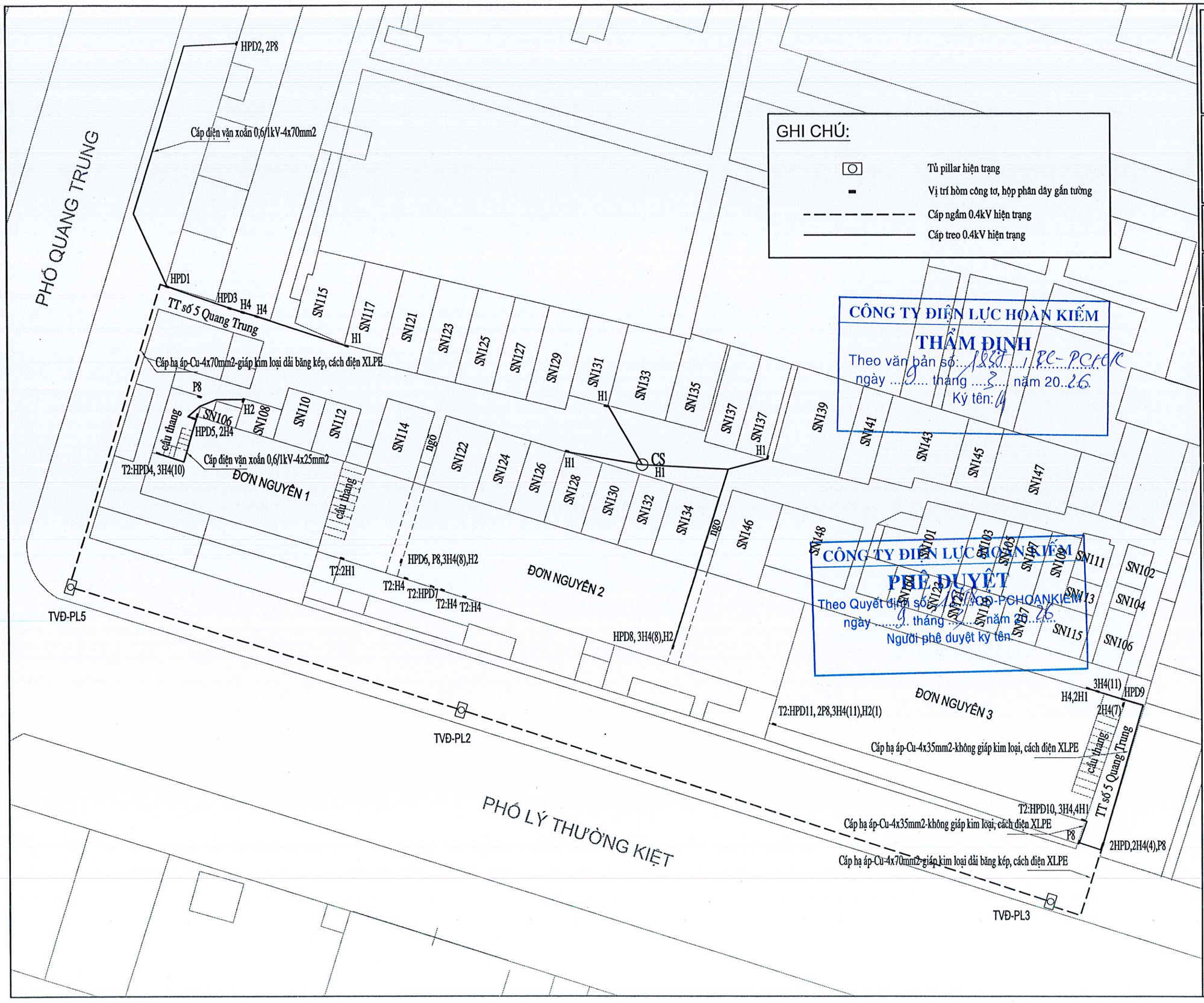
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA BÔNG NHUỘM (KHU VỰC NGÕ 51 THỢ NHUỘM VÀ NGÕ 57 THỢ NHUỘM)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-05 |




## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Vị trí hòm công tơ, hộp phân dây gắn tường
- Cáp ngầm 0.4kV hiện trạng
- Cáp treo 0.4kV hiện trạng

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1950 /PC-PCHOANKIEM
ngày 19 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1950/PC-PCHOANKIEM
ngày 19 tháng 3 năm 26
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

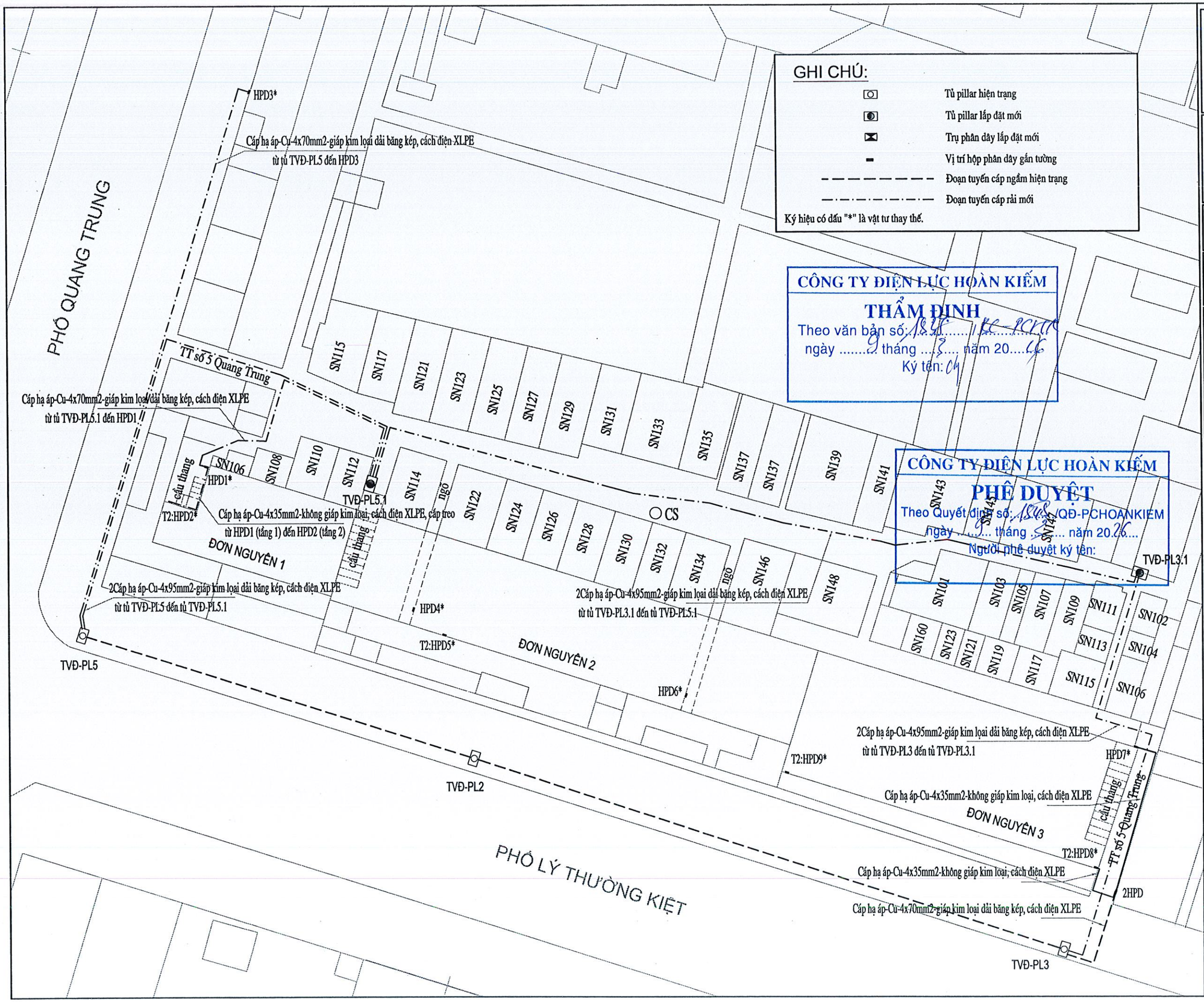
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-06 |




## GHI CHÚ:

| | |
|---|---|
| | Tủ pillar hiện trạng |
| | Tủ pillar lắp đặt mới |
| | Trụ phân dây lắp đặt mới |
| | Vị trí hộp phân dây gắn tường |
| | Đoạn tuyến cáp ngầm hiện trạng |
| | Đoạn tuyến cáp rải mới |

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 1848/.....TTr-PCHK

ngày 9 tháng 12 năm 2025

Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM

ngày 15 tháng 12 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

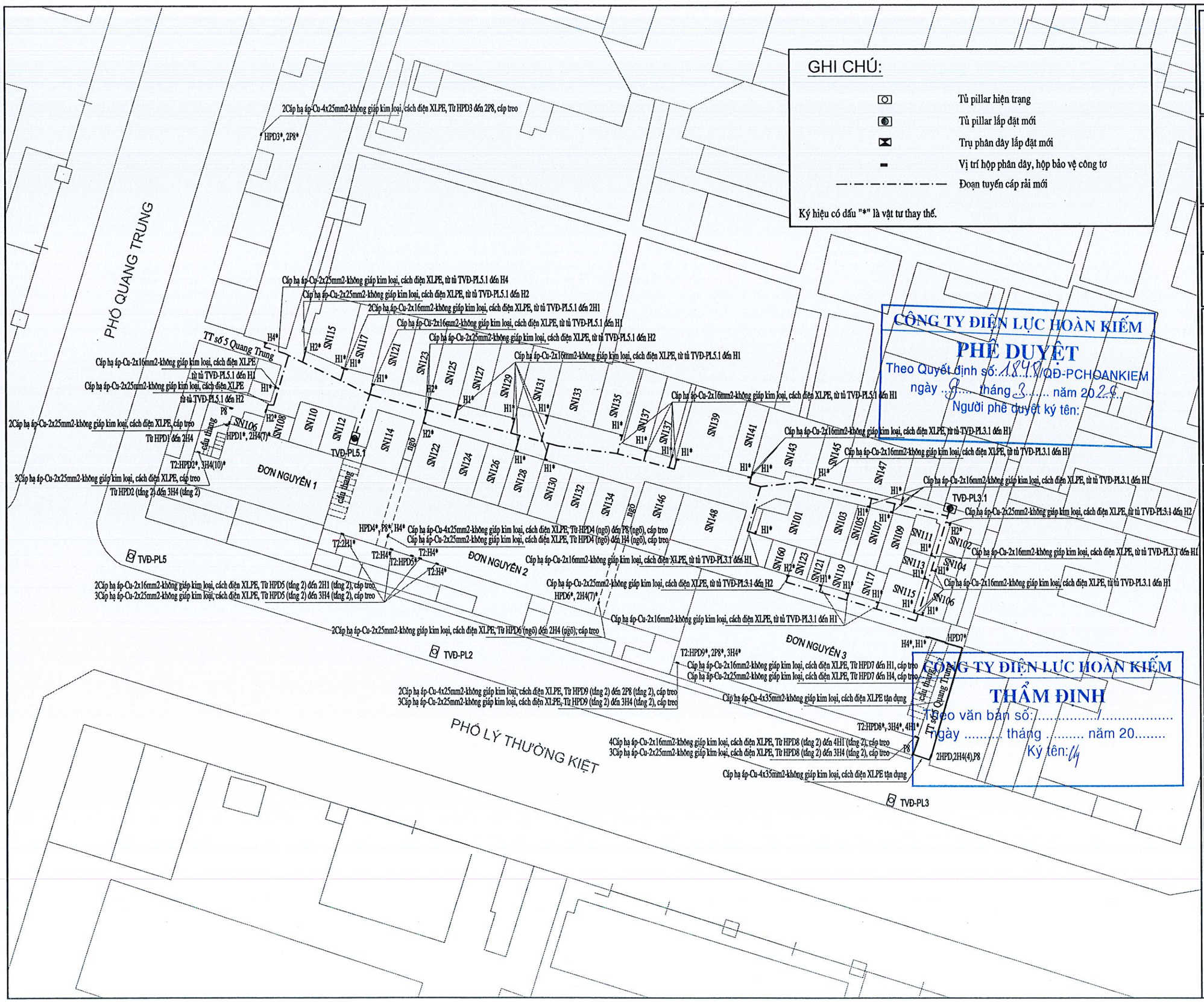
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-06 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM

ngày 3 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số:.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

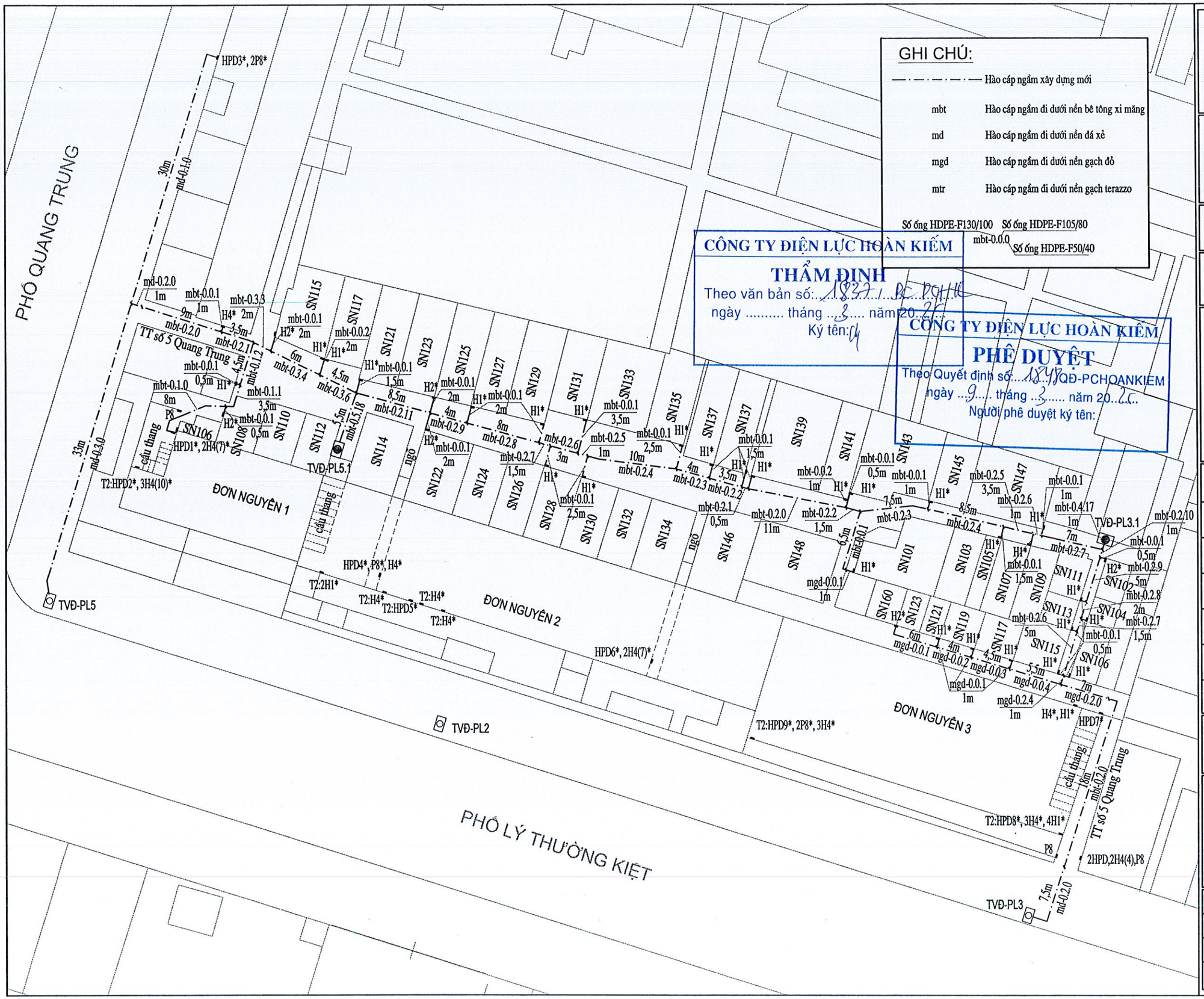
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-06 |




## GHI CHÚ:

— · — · — · — Hào cáp ngầm xây dựng mới

| | |
|---|---|
| mbt | Hào cáp ngầm đi dưới nền bê tông xi măng |
| md | Hào cáp ngầm đi dưới nền đá xẻ |
| mgd | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch đỏ |
| mtr | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch terazzo |

Số ống HDPE-F130/100 Số ống HDPE-F105/80 mbt-0.0.0 Số ống HDPE-F50/40

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1822 / PC.PCHK
ngày ..... tháng ..3.... năm 20..26
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1847/QĐ-PCHOANKIEM
ngày ..9..... tháng ..3..... năm 20..26..
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

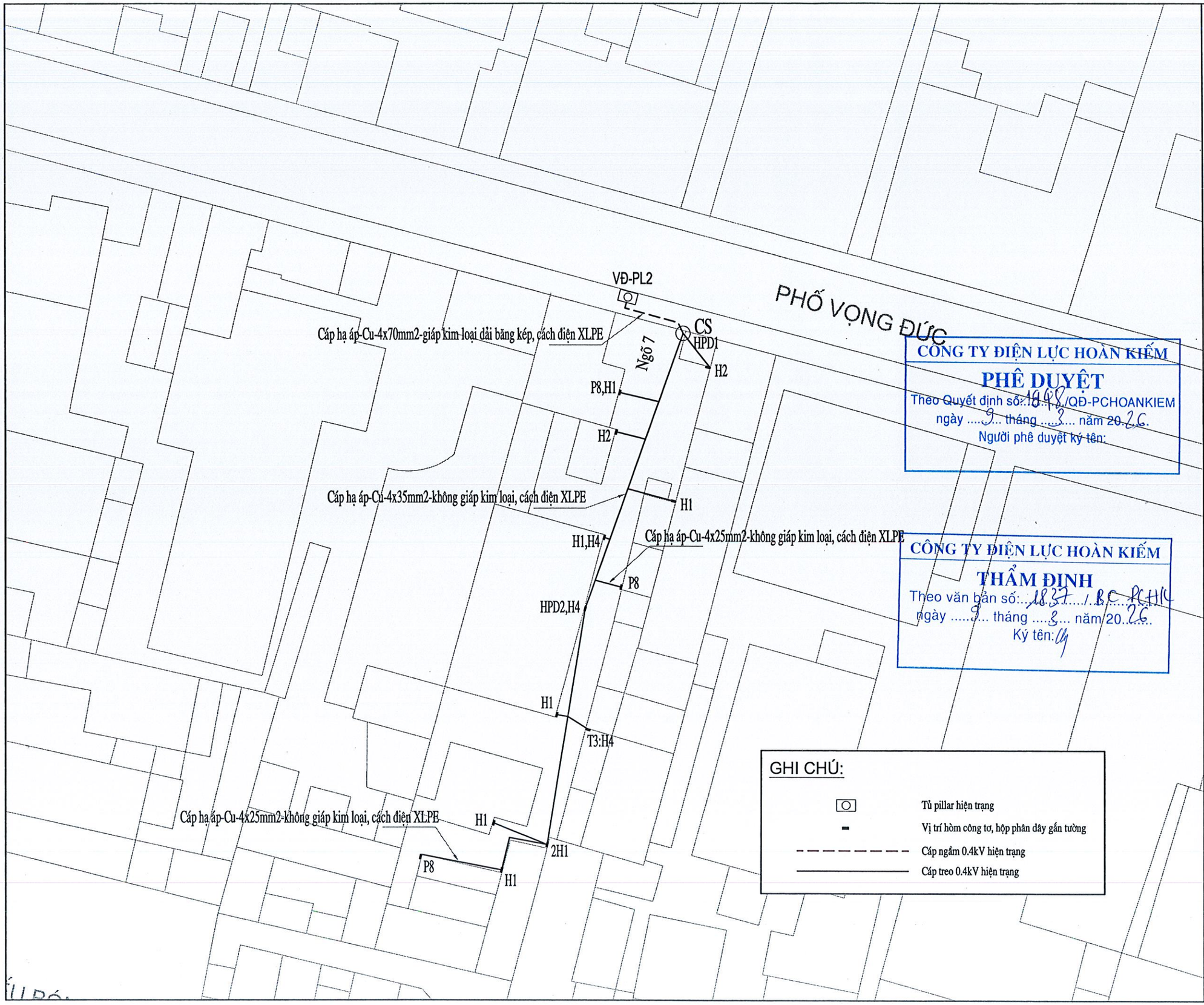
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-06 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1068/QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 1837/PCHK

ngày 9 tháng 8 năm 2026

Ký tên:

**GHI CHÚ:**

- Tủ pillar hiện trạng
- Vị trí hòm công tơ, hộp phân dây gắn tường
- Cáp ngầm 0.4kV hiện trạng
- Cáp treo 0.4kV hiện trạng

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

CÔNG TY CỔ PHẦN

TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI

HAPEC

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

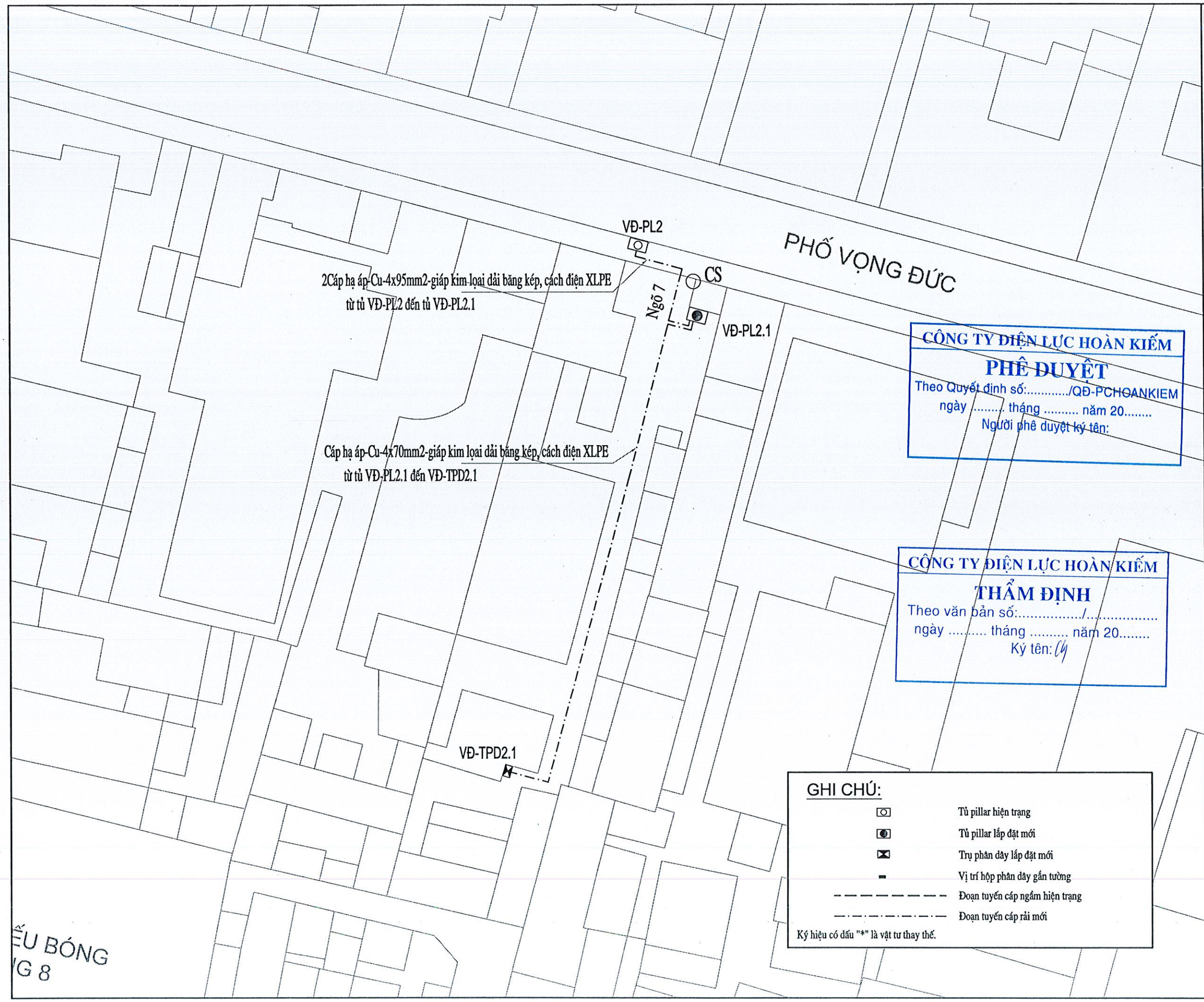
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-07 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
**PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số:...../QĐ-PCHOANKIEM
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số:...../.....
ngày ..... tháng ..... năm 20.....
Ký tên:

**GHI CHÚ:**

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây gắn tường
- Đoạn tuyến cáp ngầm hiện trạng
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.

CHỦ ĐẦU TƯ
**EVNHANOI**
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

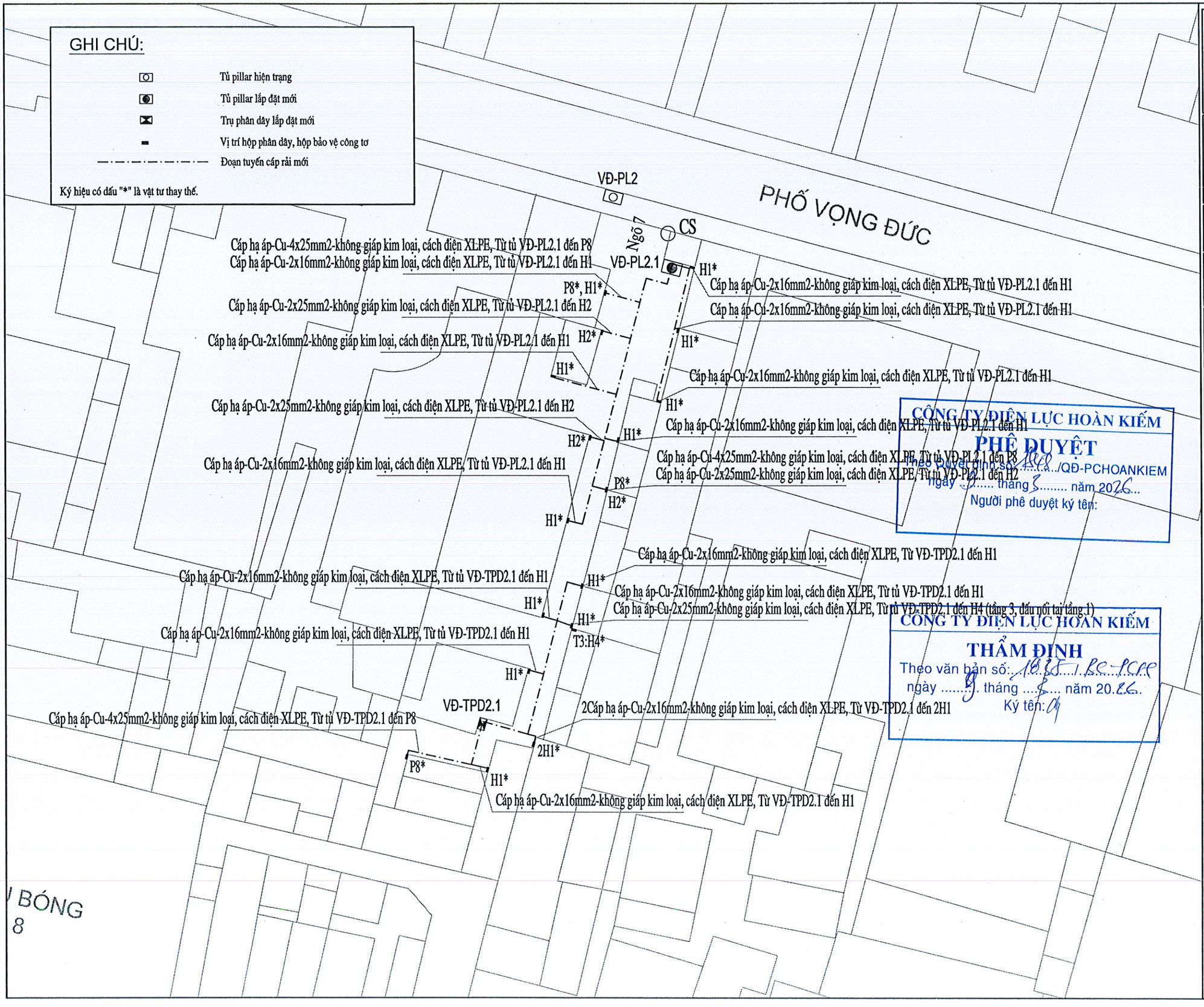
TÊN BẢN VẼ
**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-07 |

## GHI CHÚ:

- Tủ pillar hiện trạng
- Tủ pillar lắp đặt mới
- Trụ phân dây lắp đặt mới
- Vị trí hộp phân dây, hộp bảo vệ công tơ
- Đoạn tuyến cáp rải mới

Ký hiệu có dấu "*" là vật tư thay thế.




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 468 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 03 tháng 8 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1035 /PCHK
ngày 03 tháng 8 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

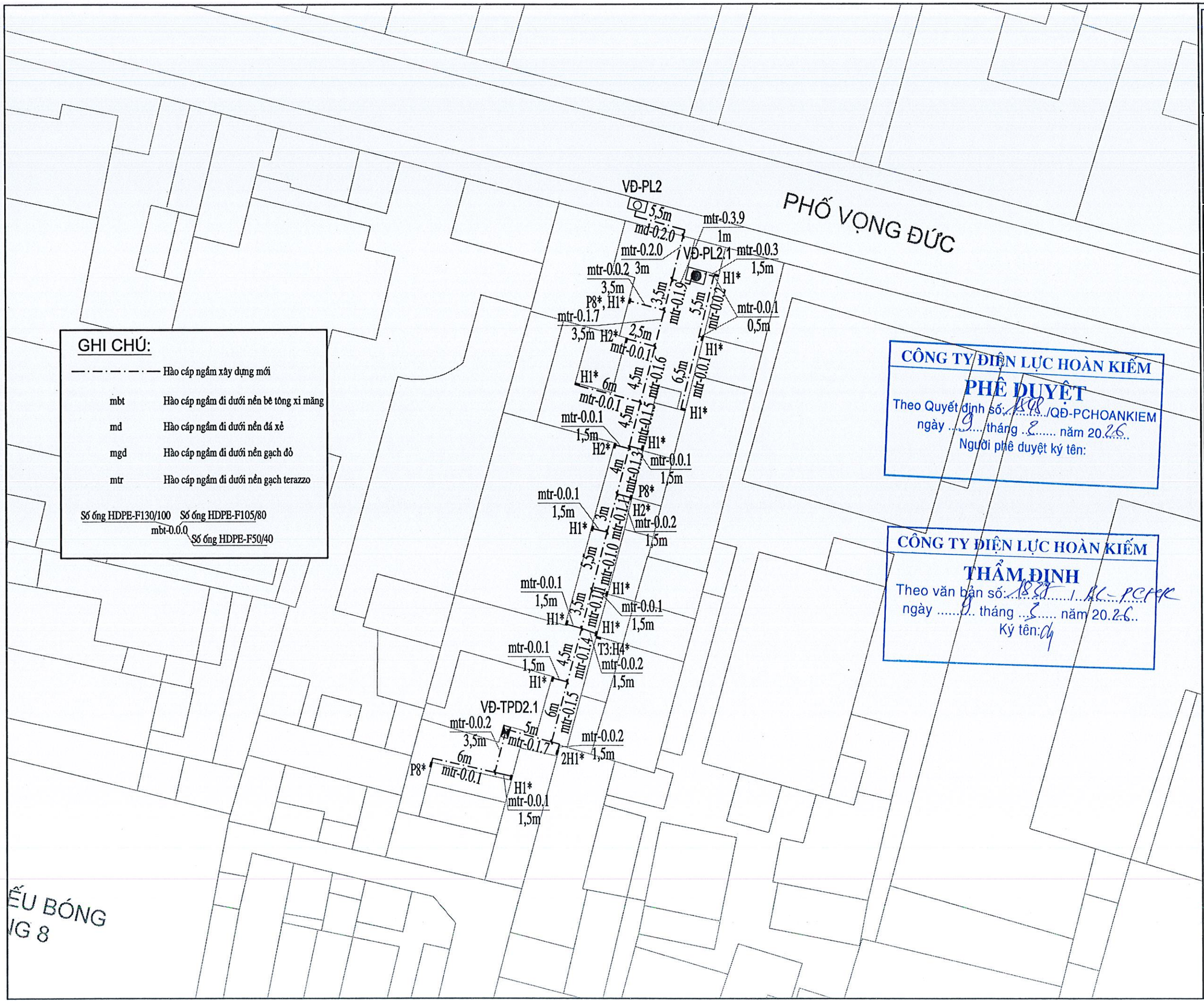
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-07 |




## GHI CHÚ:

| | |
|---|---|
| —·—·—·— | Hào cáp ngầm xây dựng mới |
| mbt | Hào cáp ngầm đi dưới nền bê tông xi măng |
| md | Hào cáp ngầm đi dưới nền đá xẻ |
| mgd | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch đỏ |
| mtr | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch terazzo |

Số ống HDPE-F130/100 Số ống HDPE-F105/80
mbt-0.0.0
Số ống HDPE-F50/40

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM**
**PHÊ DUYỆT**
Theo Quyết định số: 1498/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM**
**THẨM ĐỊNH**
Theo văn bản số: 1829/PC-PCHK
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

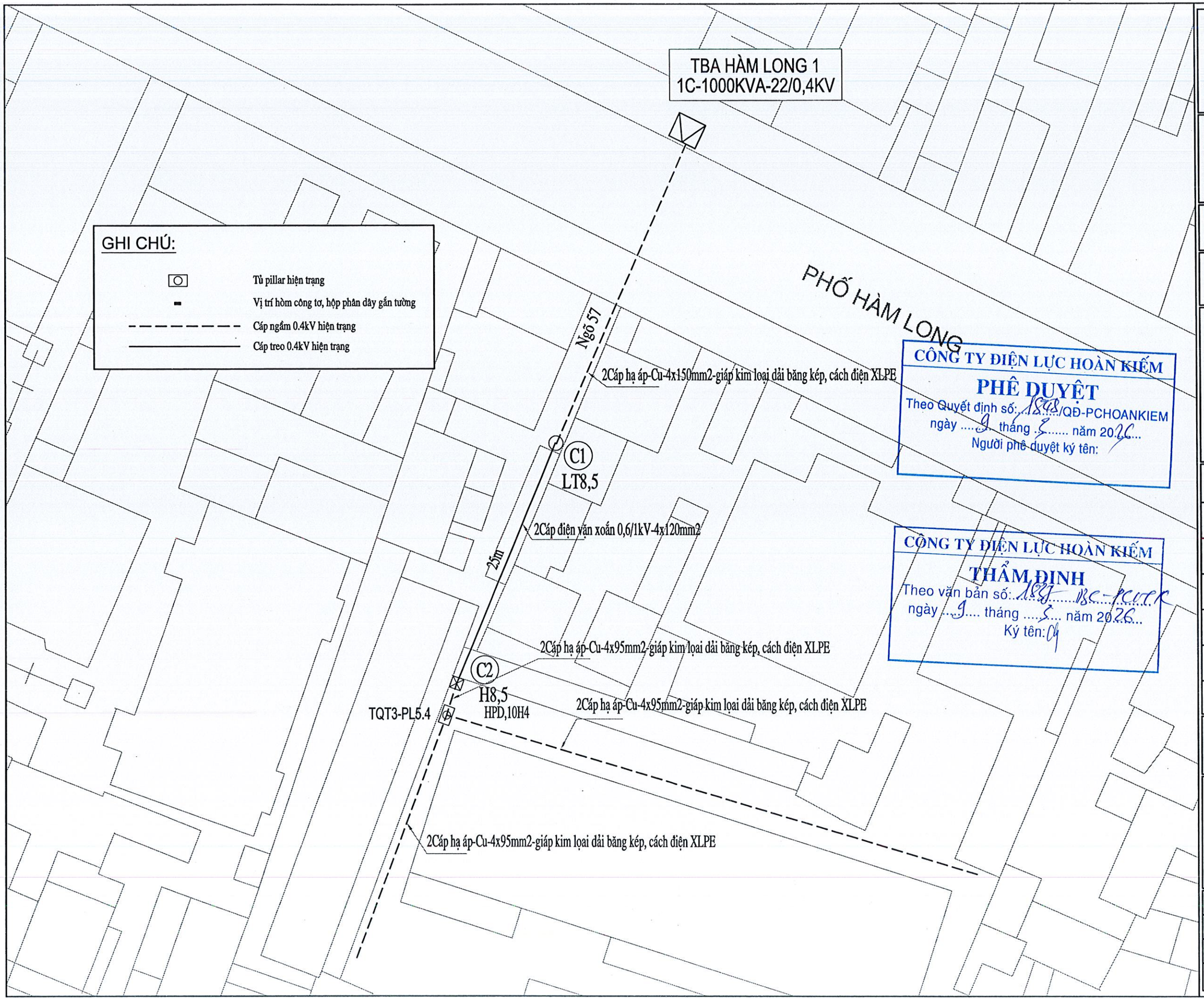
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
**MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-07 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

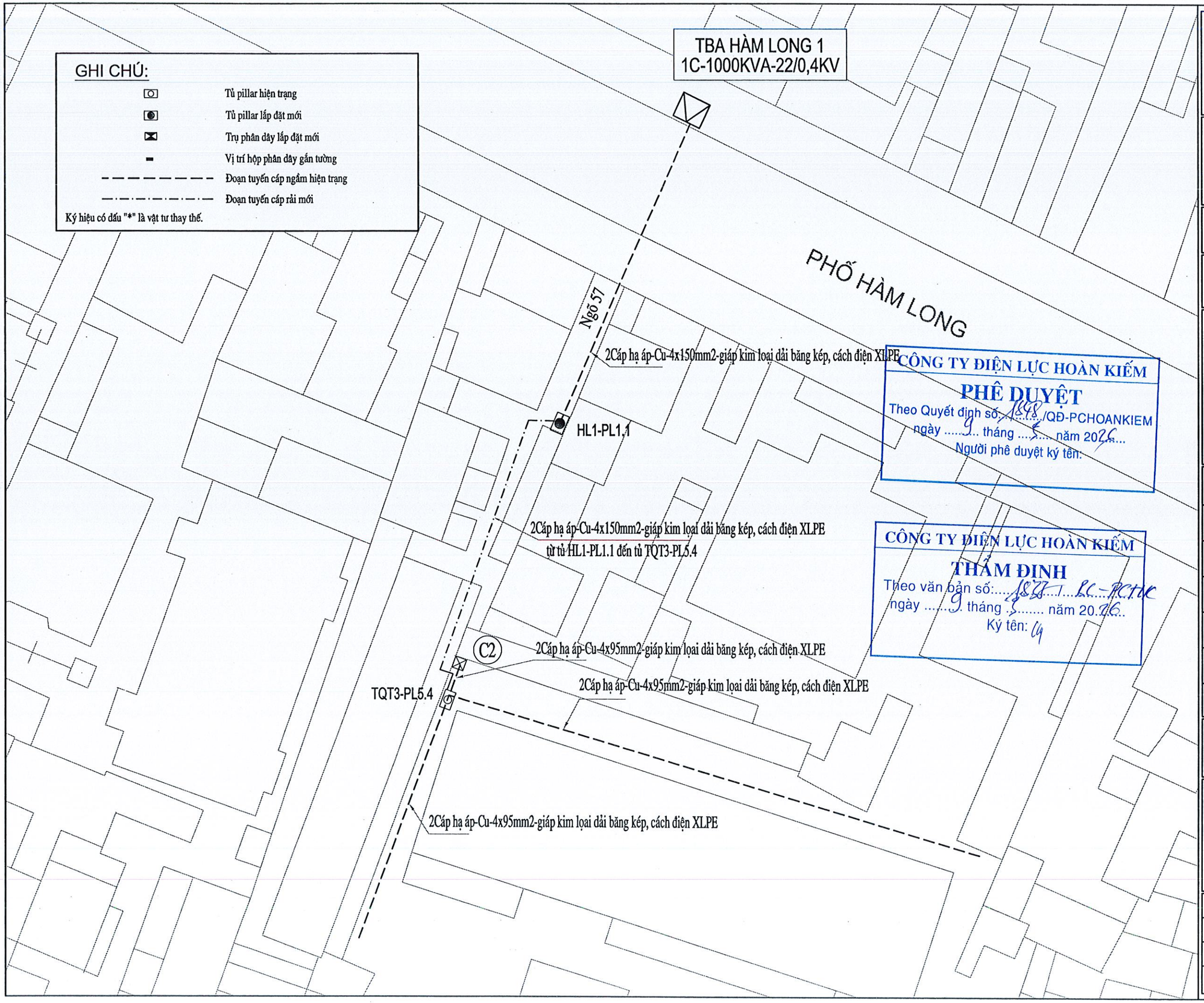
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-08 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

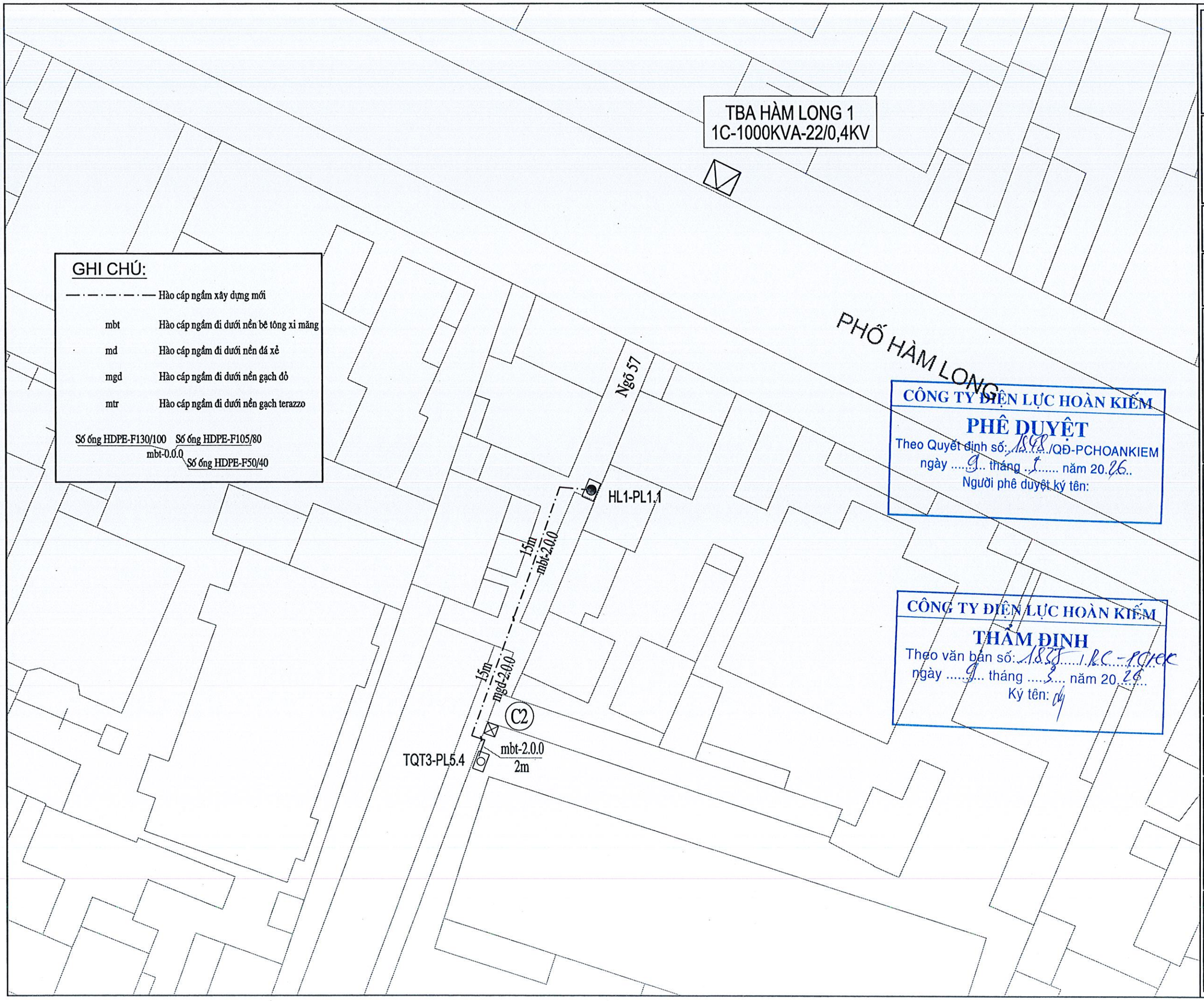
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-08 |




## GHI CHÚ:

| | |
|---|---|
| —·—·—·— | Hào cáp ngầm xây dựng mới |
| mbt | Hào cáp ngầm đi dưới nền bê tông xi măng |
| md | Hào cáp ngầm đi dưới nền đá xẻ |
| mgd | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch đỏ |
| mtr | Hào cáp ngầm đi dưới nền gạch terazzo |

Số ống HDPE-F130/100 Số ống HDPE-F105/80
mbt-0.0.0
Số ống HDPE-F50/40

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1878/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1878 /PCHK-KHVT
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

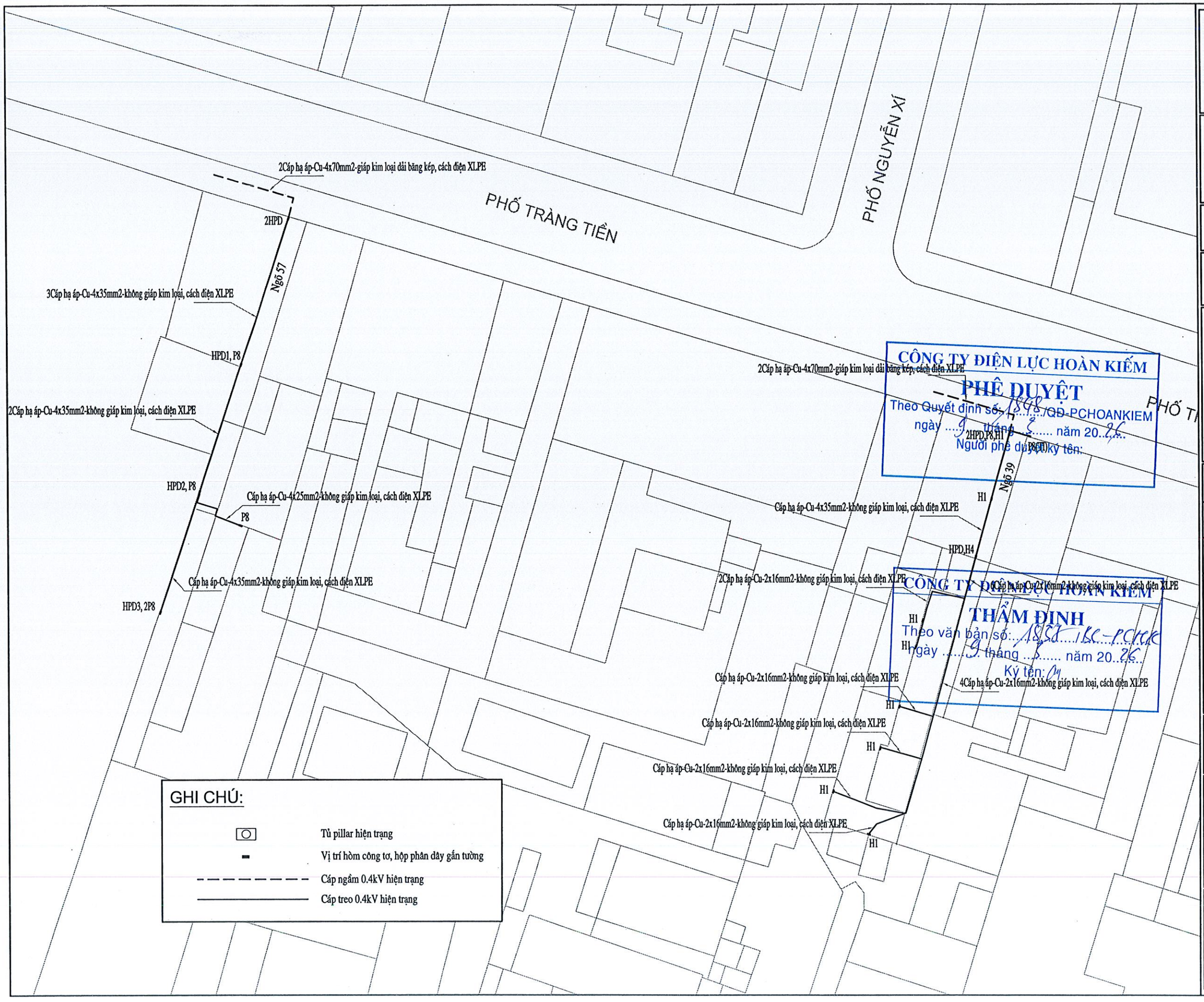
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HÒA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-06 |




CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

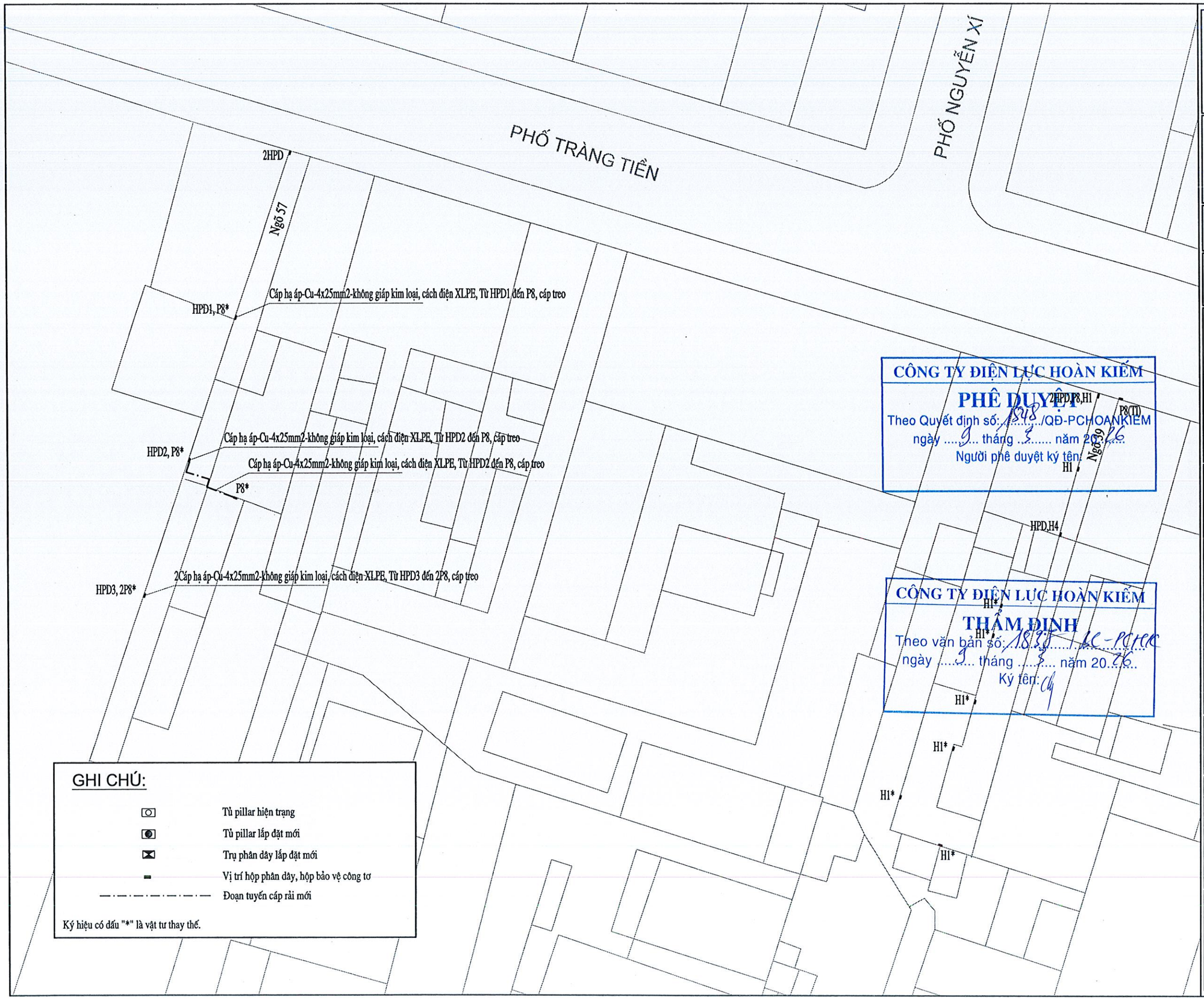
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA ĐÌNH LỄ 1 (KHU VỰC NGÕ 39 TRÀNG TIỀN VÀ NGÕ 57 TRÀNG TIỀN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-09 |




CHỦ ĐẦU TƯ

**EVNHANOI**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

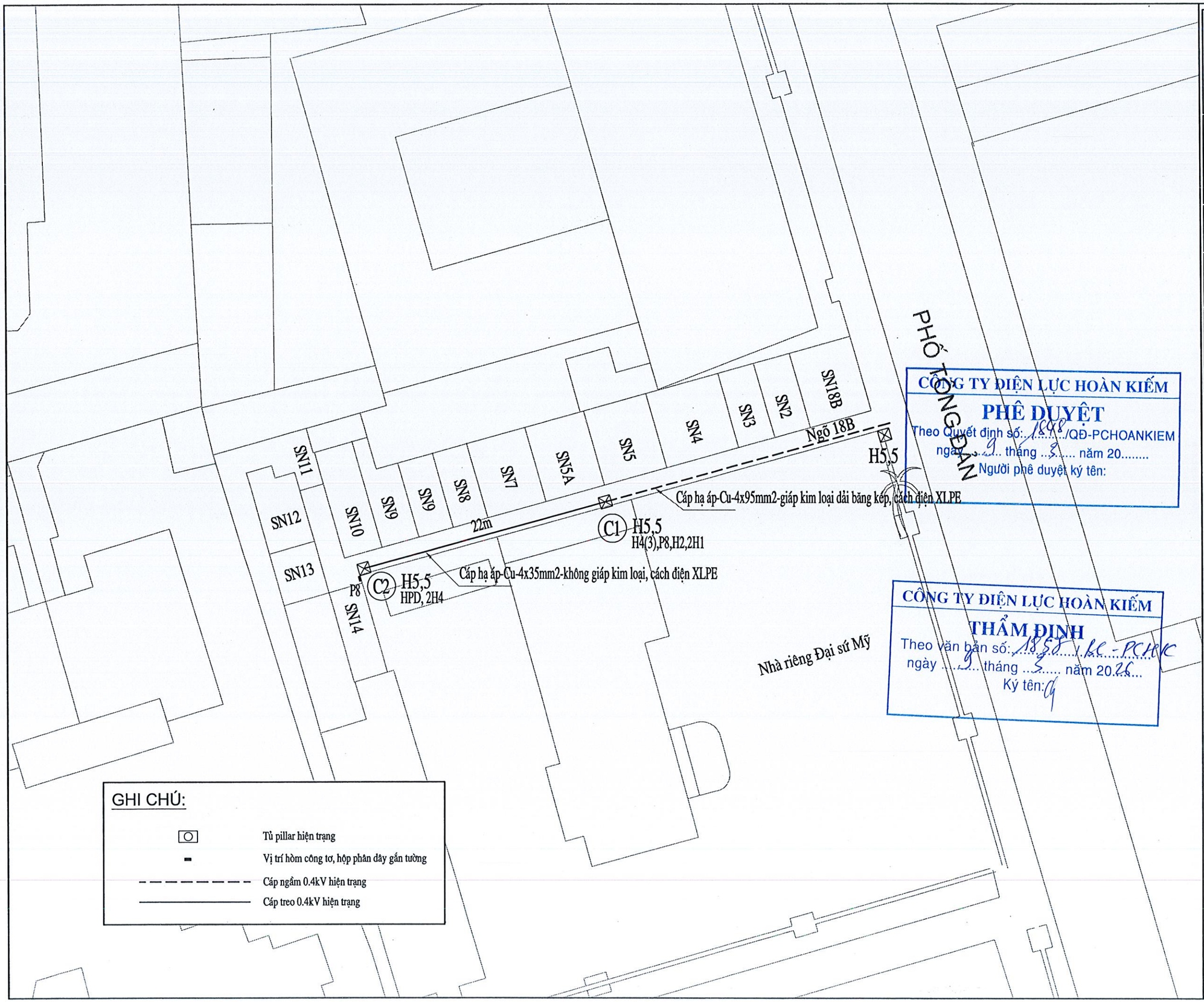
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA ĐÌNH LỄ 1 (KHU VỰC NGÕ 39 TRÀNG TIỀN VÀ NGÕ 57 TRÀNG TIỀN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-09 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1688/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 20.....
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1855/KC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

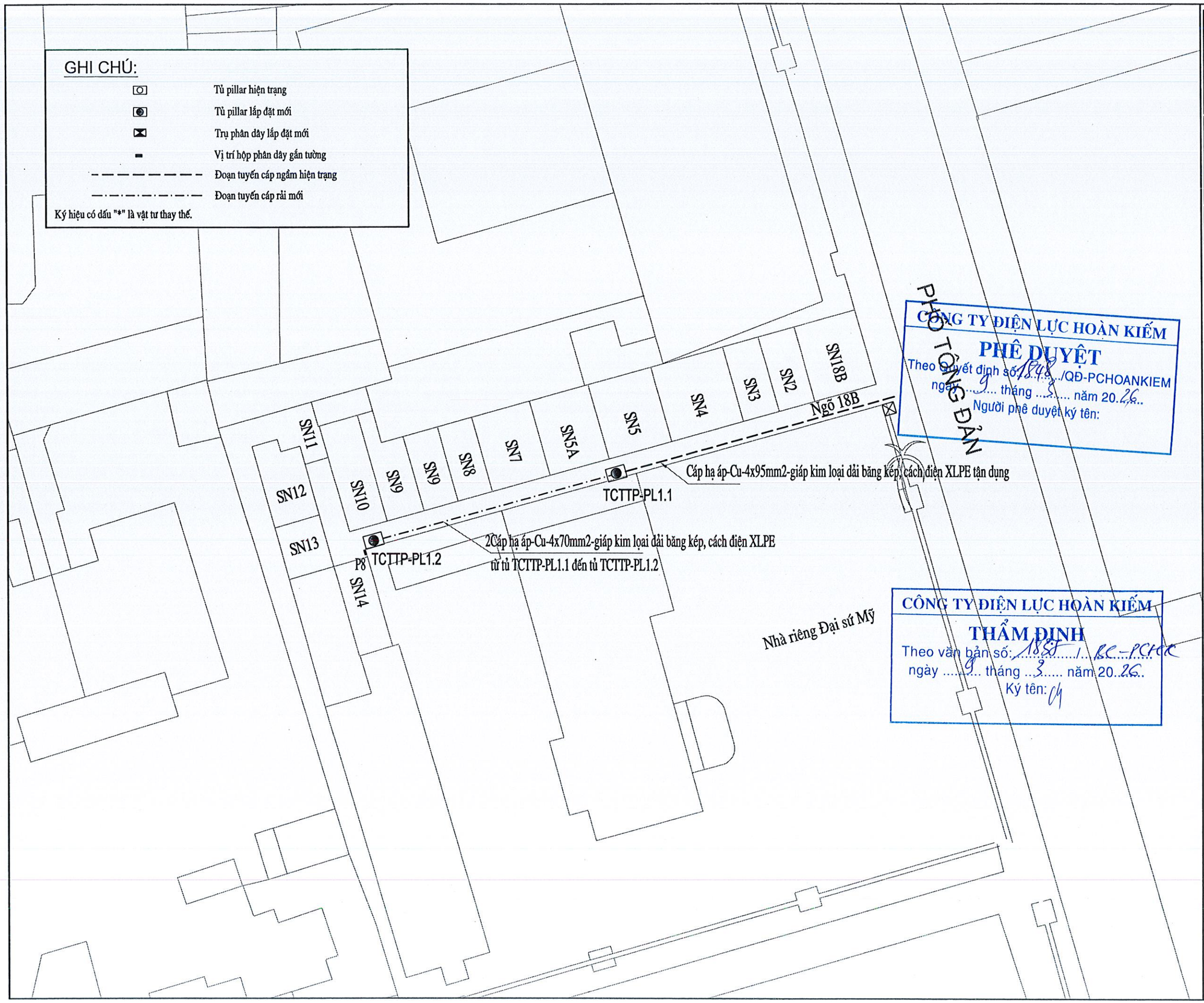
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-10 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

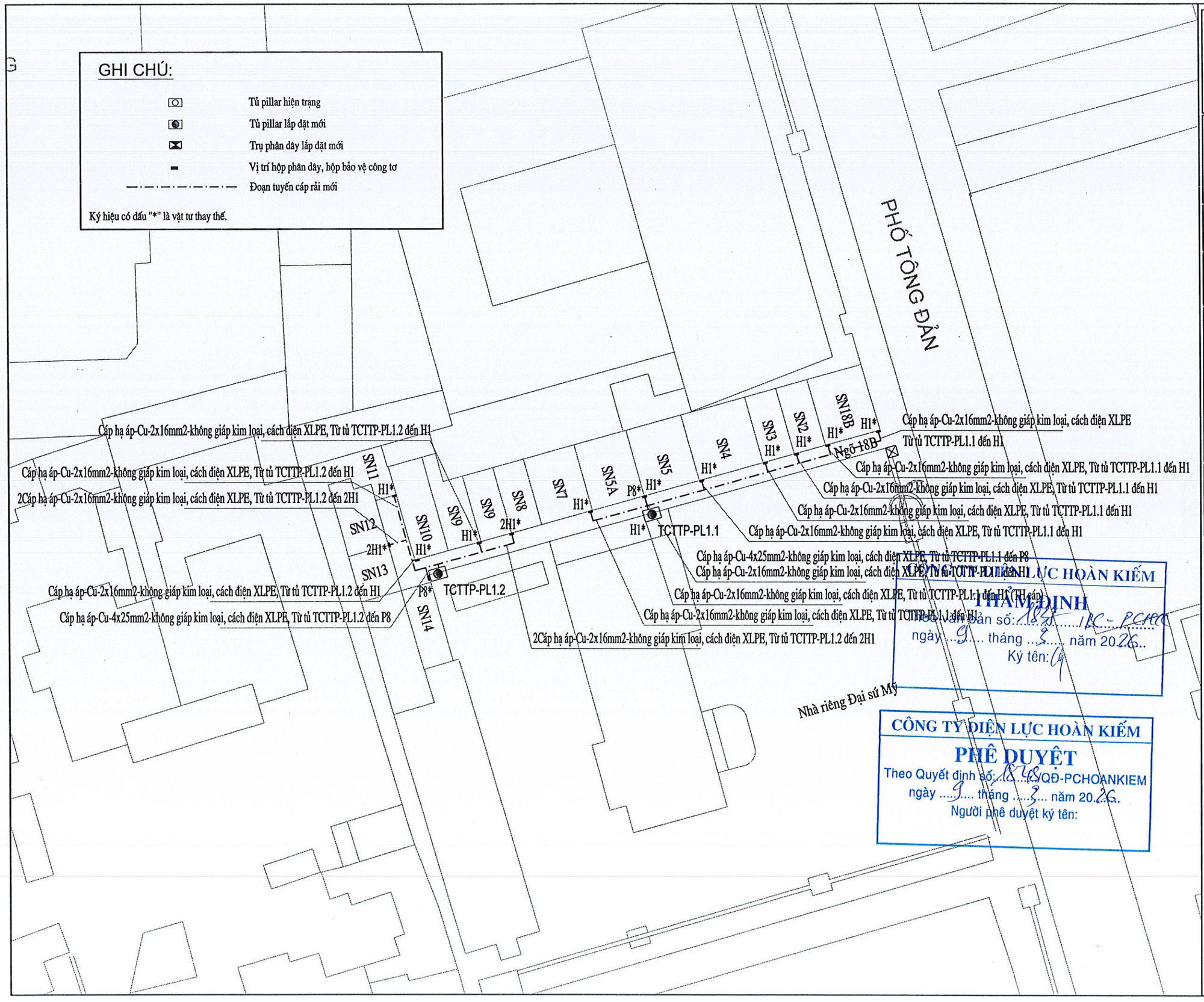
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-10 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

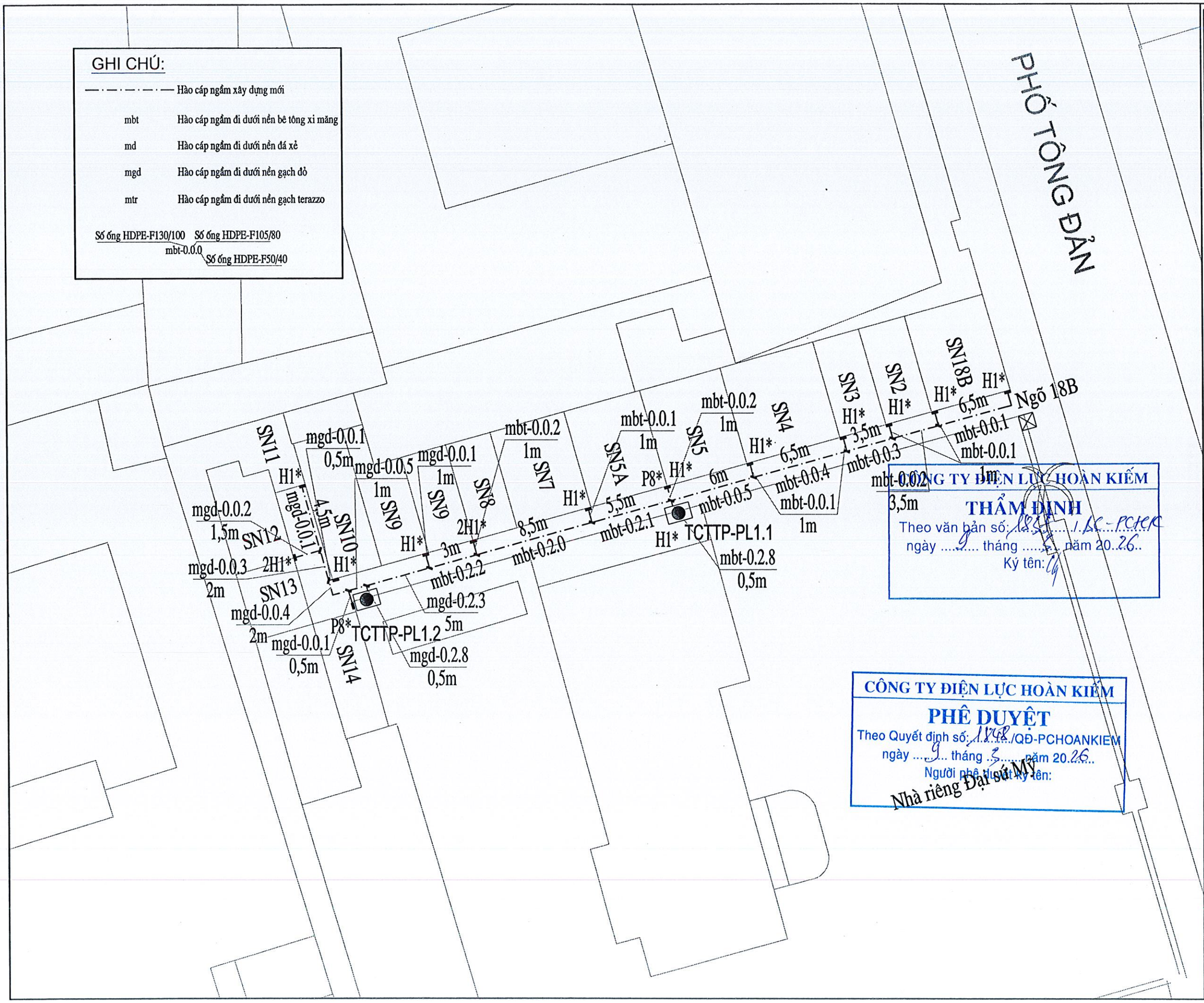
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-10 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1824/PCHK-DC
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1268/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:
Nhà riêng Đại sứ Mỹ

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

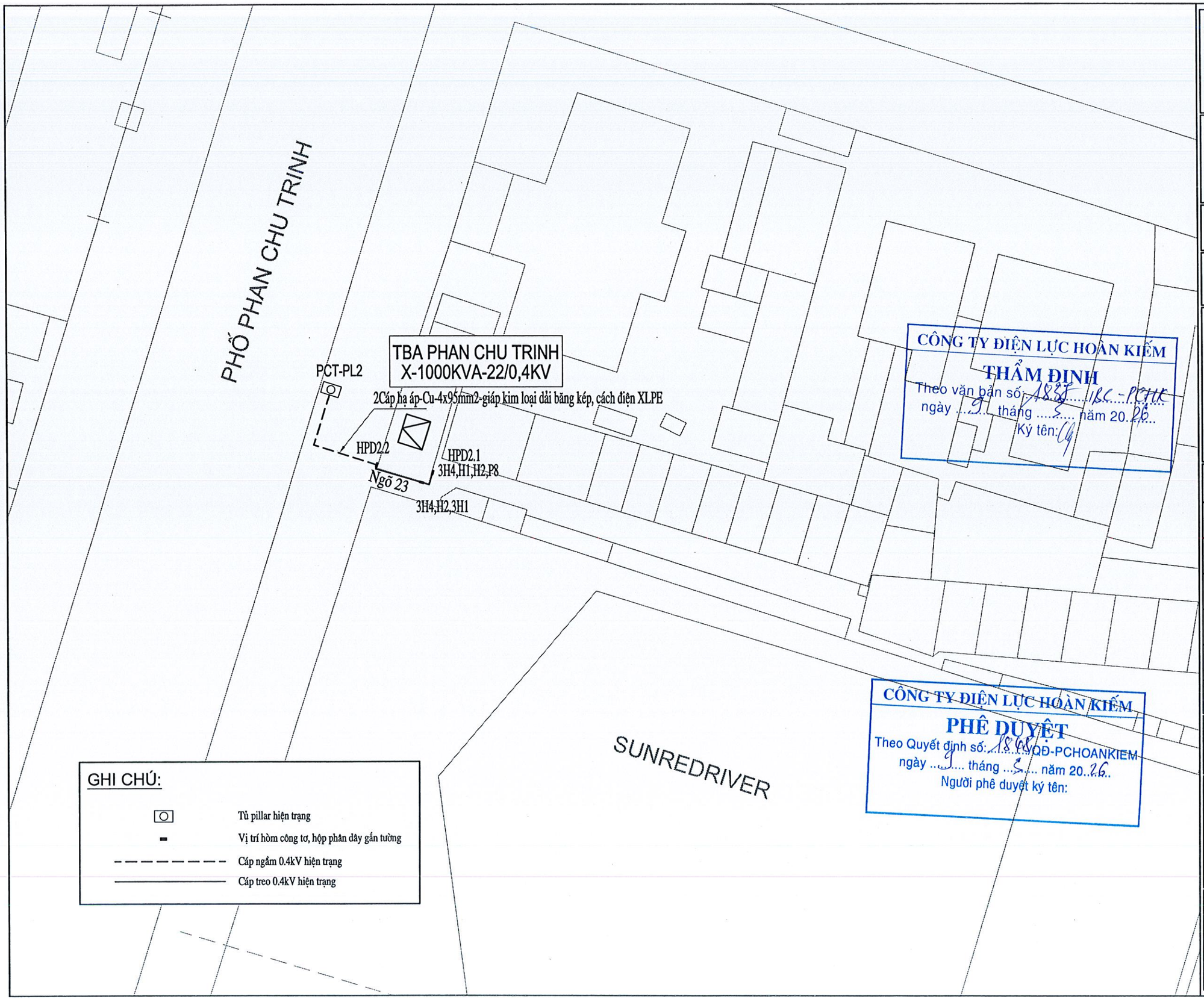
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA TỔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-10 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1887/HBC-PCTK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1868/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TỐ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

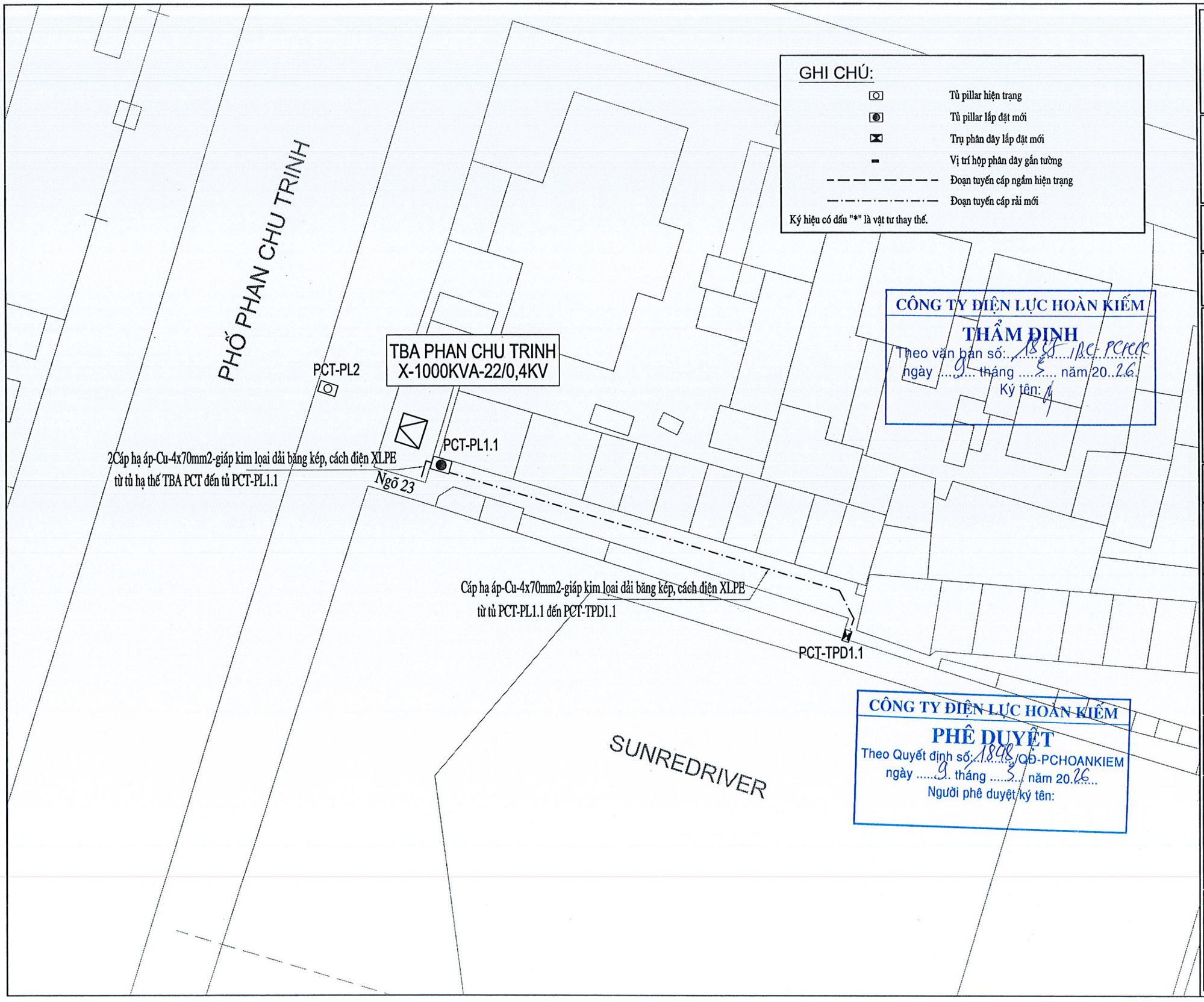
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBHT-11 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

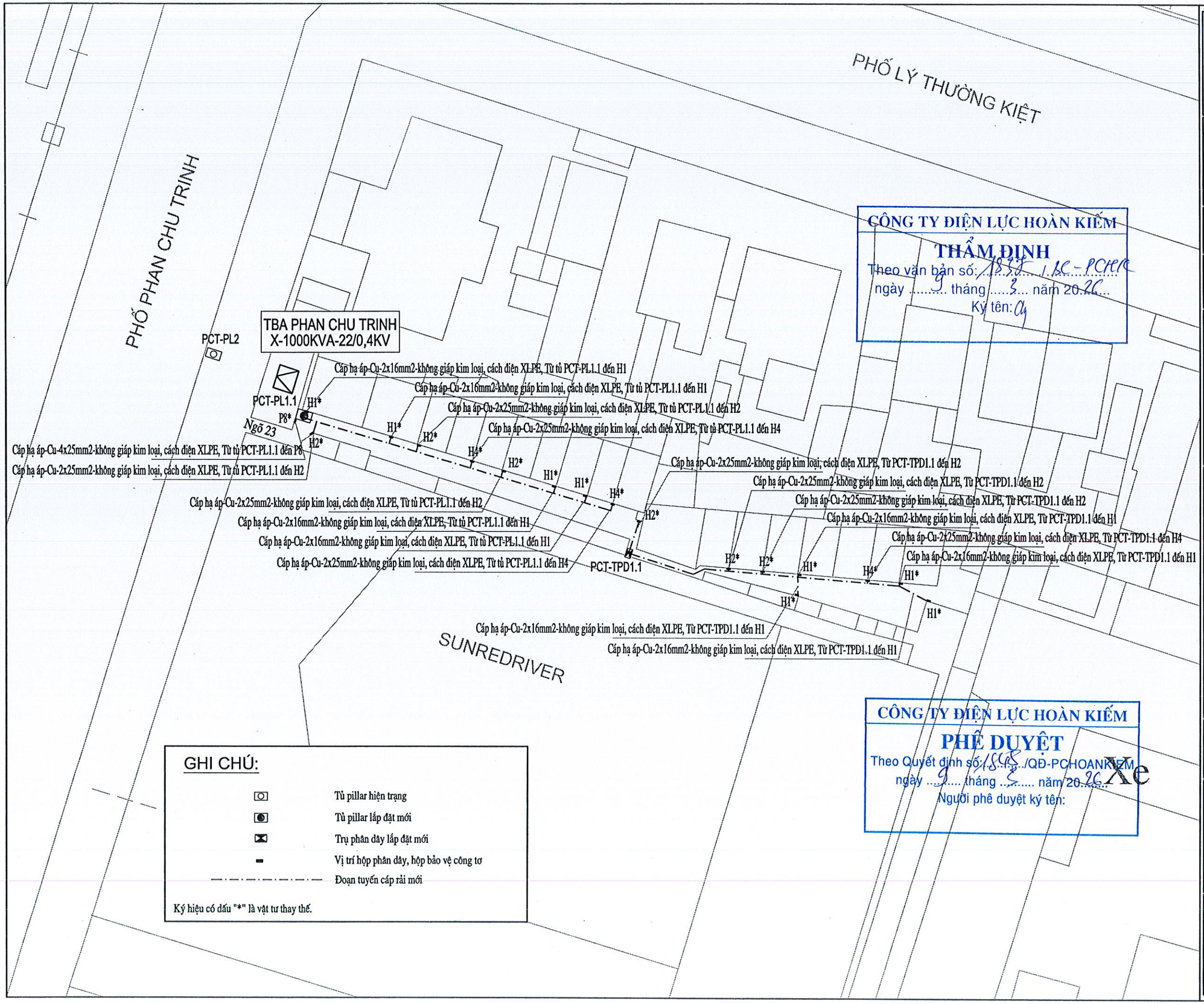
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ ĐƯỜNG TRỤC SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBCT-11 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1858.../PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1148.../QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

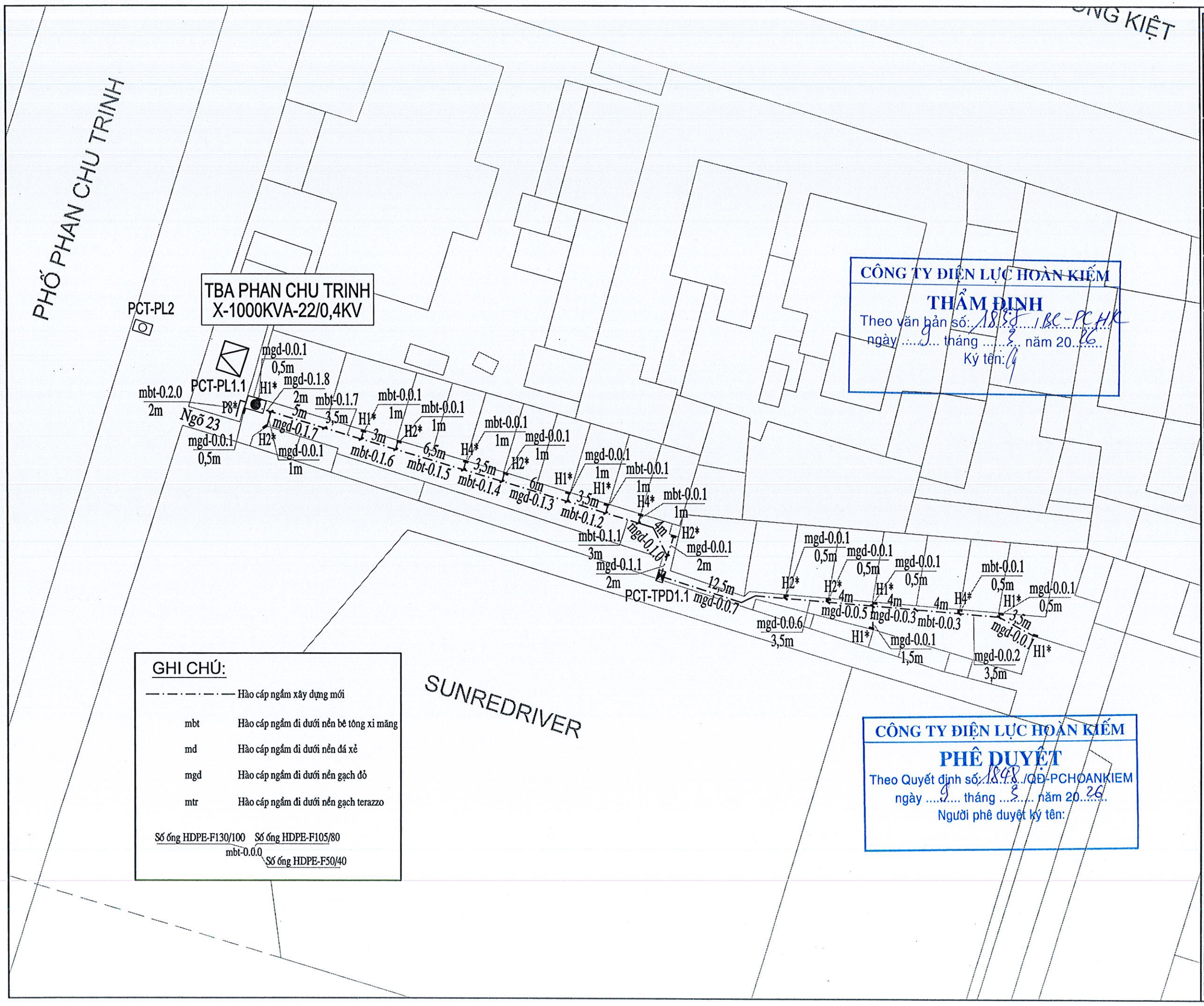
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TỐ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG CÔNG TƠ SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- HTCT-11 |




CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

**PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

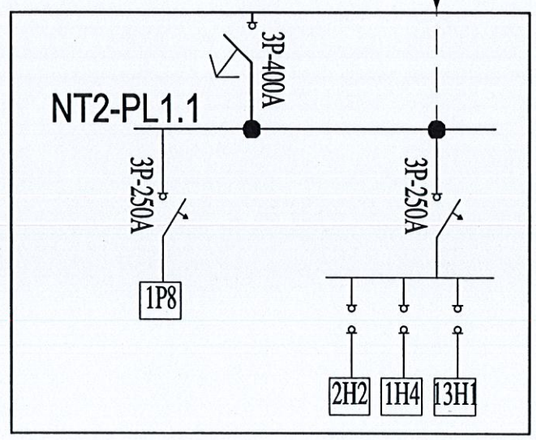
**MẶT BẰNG ĐÀO, ĐẮP, HOÀN TRẢ SAU TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH)**

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/500 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-MBĐR-1 |

Cáp hạ áp-Cu-4x95mm2-giáp kim loại giải băng kép, cách điện XLPE tận dụng

Từ tủ pillar mặt phố Lý Quốc Sư đến

(TPL-425-2MCCB250-2M)




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 1858 /PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 8 năm 2026

Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 1878 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 8 năm 2026.

Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

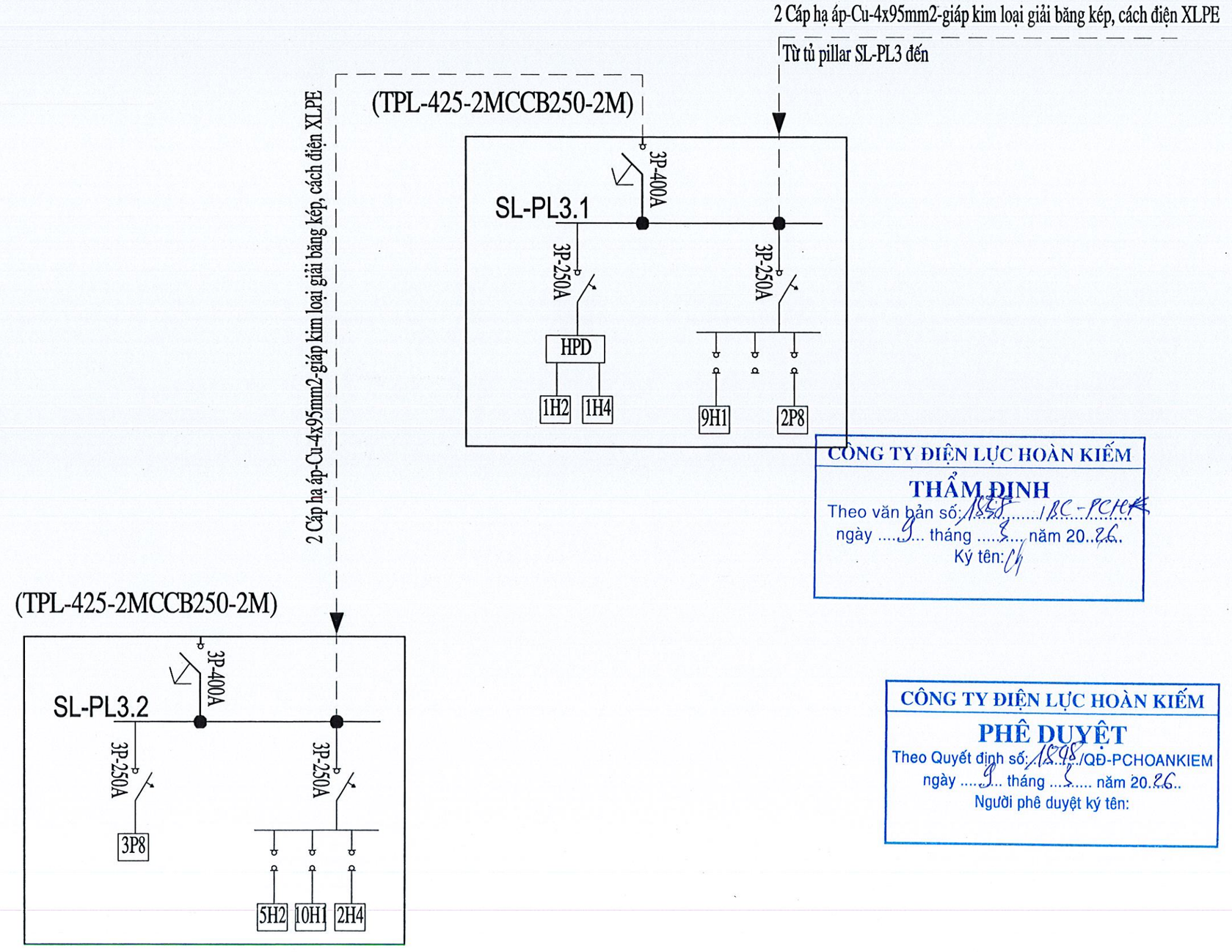
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA NHÀ THỜ-M2 (KHU VỰC NGÕ 39C LÝ QUỐC SƯ)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-1S-01 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 1855/.../PC-PCHK

ngày ...9... tháng ...3... năm 20..26..

Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1898/.../QĐ-PCHOANKIEM

ngày ...9... tháng ...3... năm 20..26..

Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

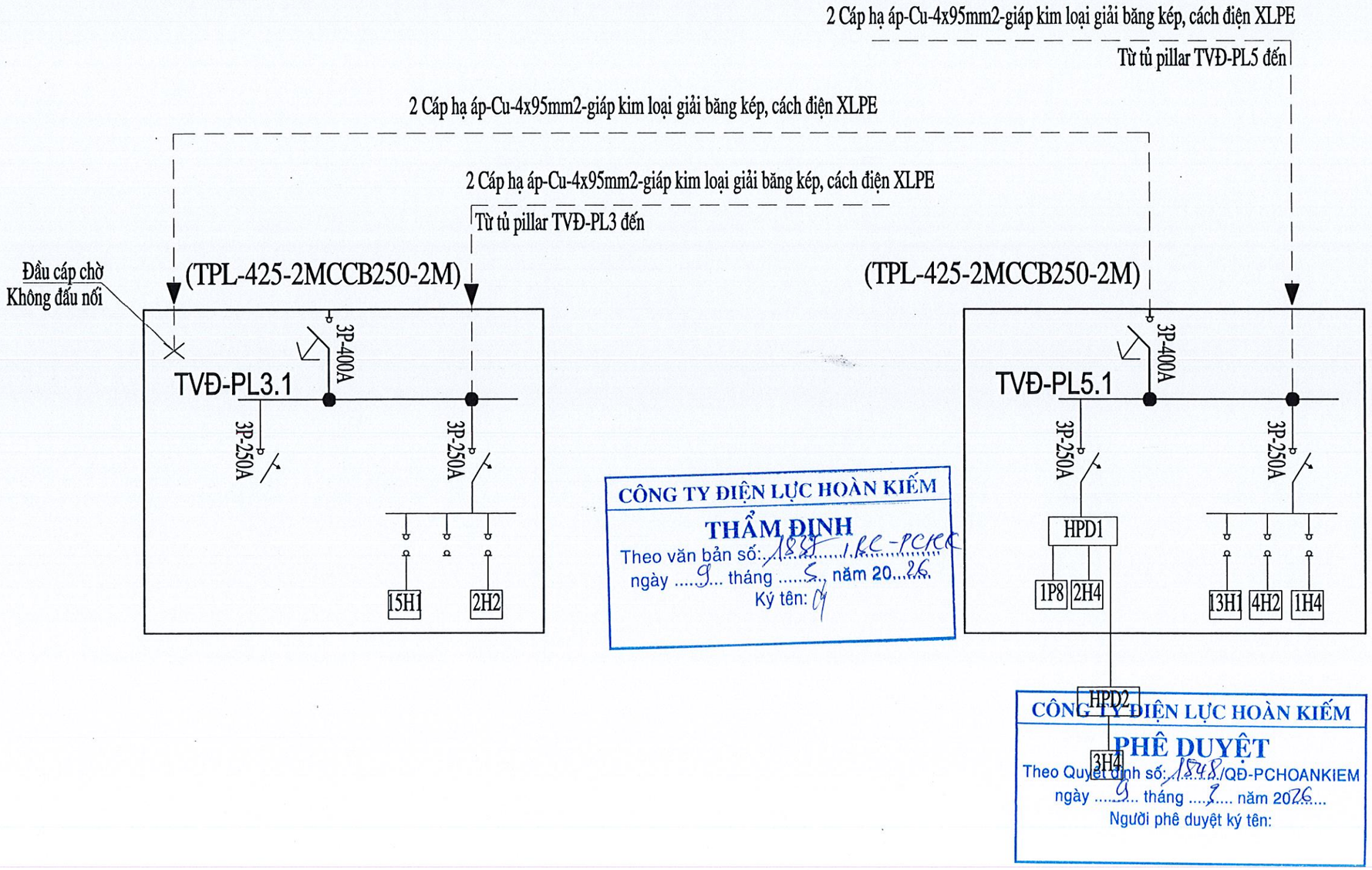
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA SĂM LỐP (KHU VỰC NGÕ 1A ĐẶNG THÁI THÂN)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-1S-02 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1838 /PCHK-KT
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HỮU HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

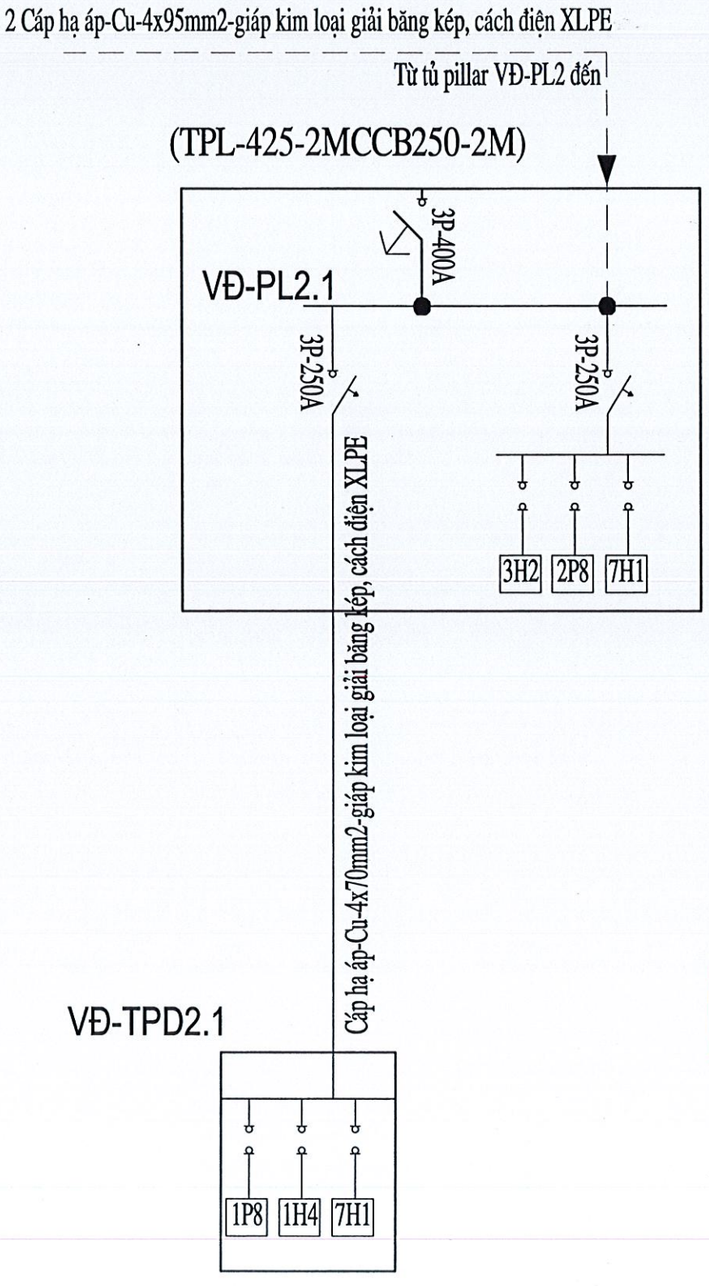
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA TRƯỜNG VIỆT ĐỨC (KHU VỰC TẬP THỂ SỐ 5 QUANG TRUNG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-1S-03 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 1849 /PCHK-PCHKC

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

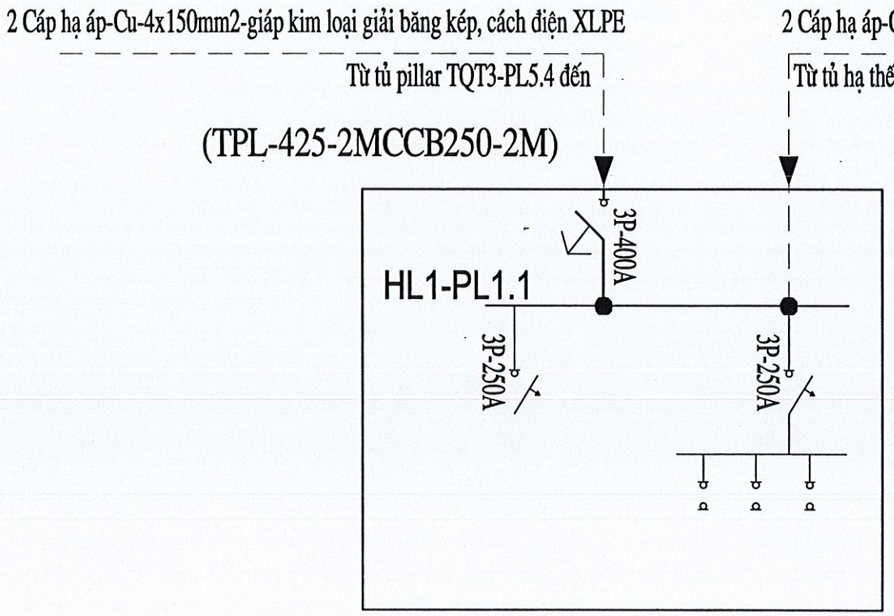
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR, TRỤ PHÂN DÂY LẮP MỚI TẠI TBA VỌNG ĐỨC (KHU VỰC NGÕ 7 VỌNG ĐỨC)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- 1S-04 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 1883 /HKE-PCHCK

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

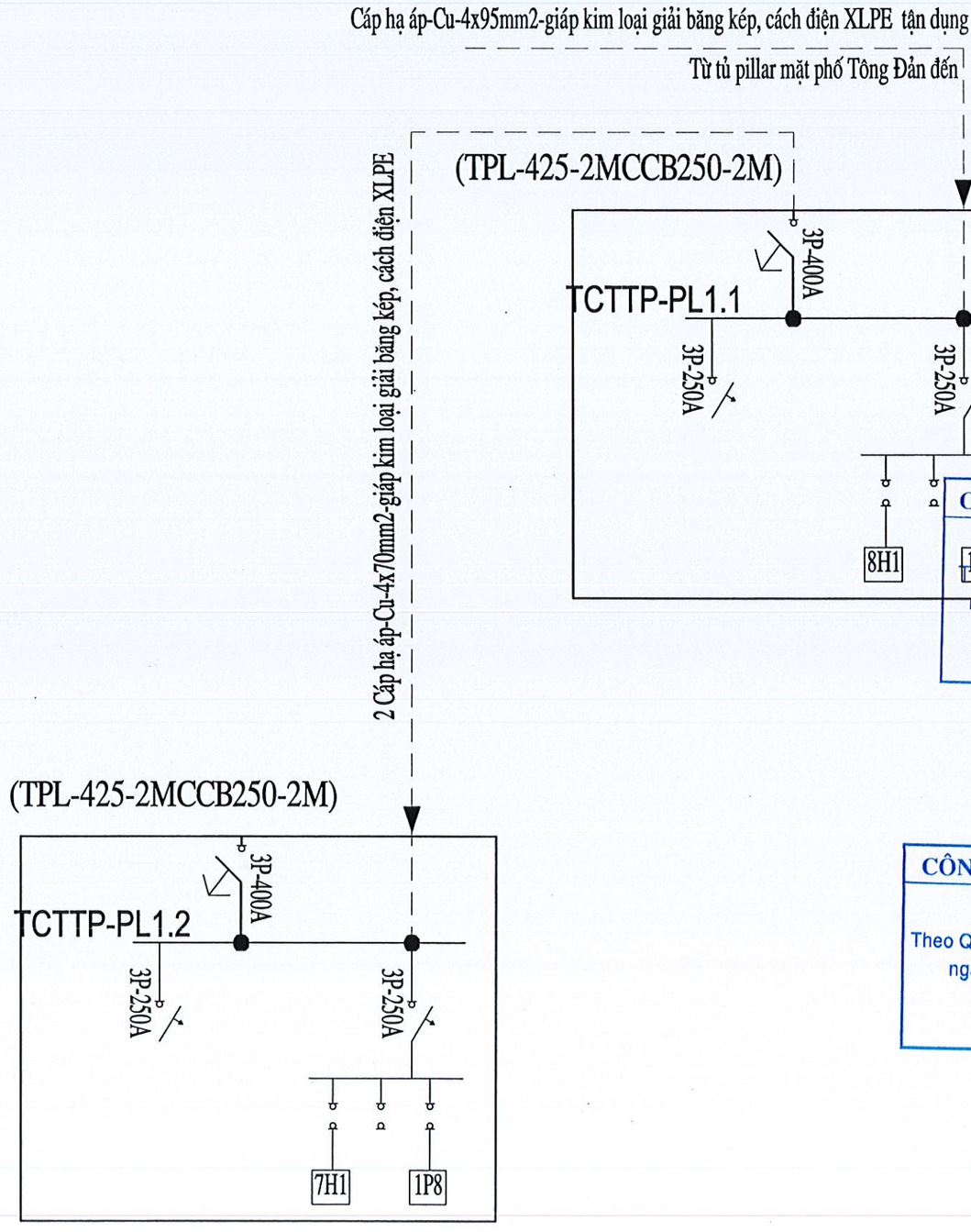
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA HÀM LONG 1 (KHU VỰC NGÕ 57 HÀM LONG)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC-1S-05 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1828 /PCHK - PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026.
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

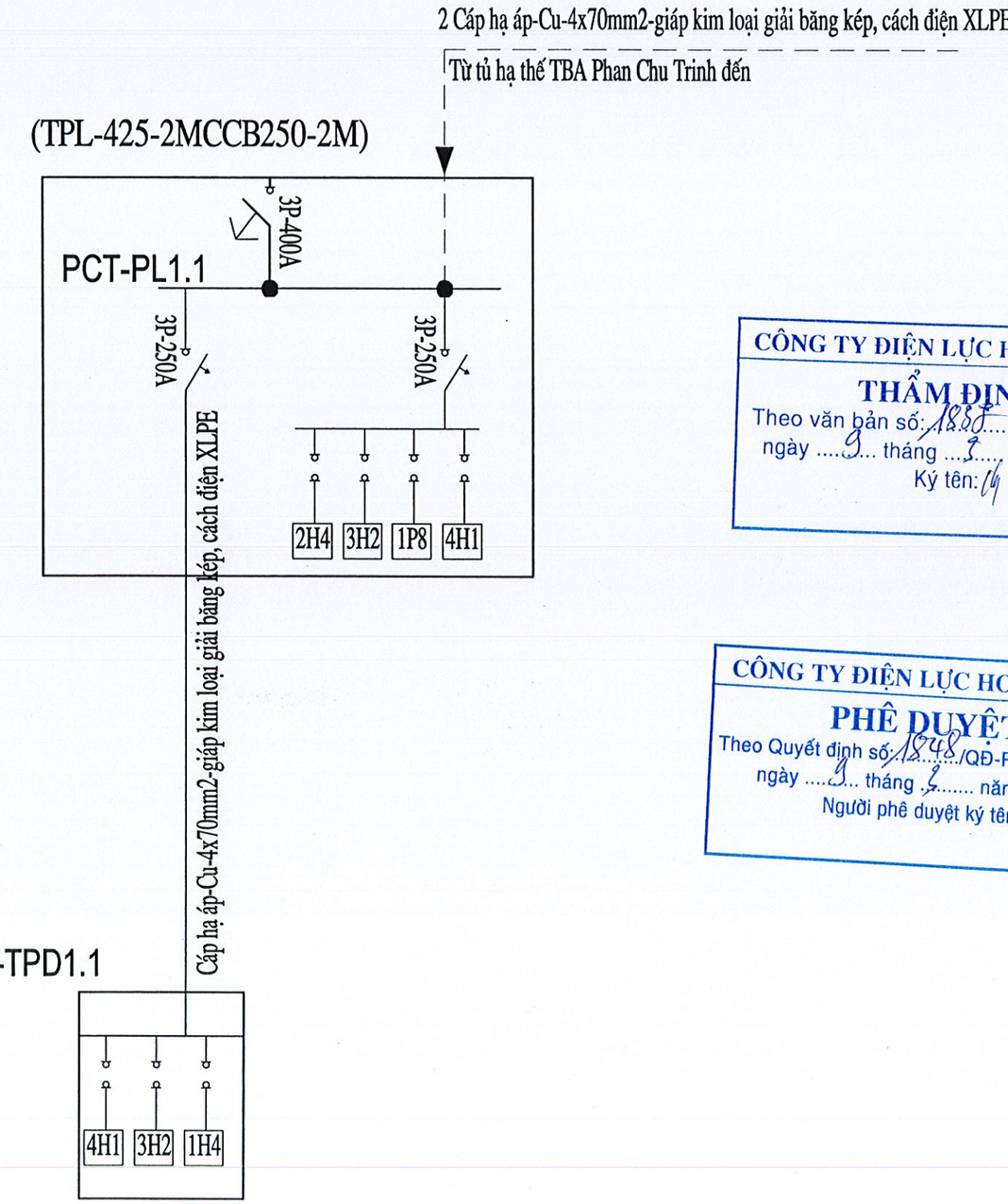
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR LẮP MỚI TẠI TBA TÔNG CÔNG TY THỰC PHẨM (KHU VỰC NGÕ 18B TÔNG ĐẢN)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- 1S-06 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1883/.../PCHK
ngày ...9... tháng ...9..., năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày ...9... tháng ...9..... năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

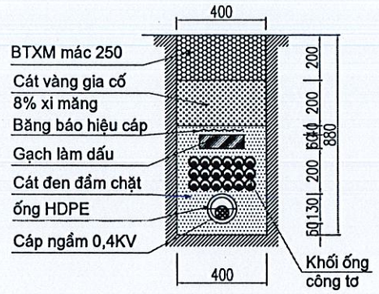
TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ 1 SỢI CÁC TỦ PILLAR, TRỤ PHÂN DÂY LẮP MỚI TẠI TBA PHAN CHU TRINH (KHU VỰC NGÕ 23 PHAN CHU TRINH)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- 1S-07 |

# CÁC BẢN VẼ CHI TIẾT

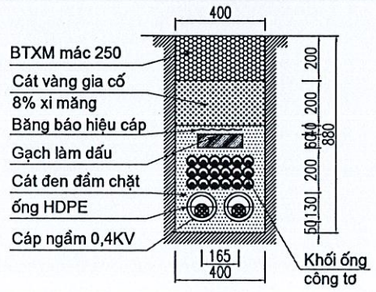
## MBT - ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM
## HÀO 1 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mbt-010** | **mbt-011** | **mbt-012** | **mbt-014** | **mbt-015** | **mbt-016** | **mbt-017** | **mbt-0116** |
| Chiều rộng hào cáp | m | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |
| Cắt đường bê tông | m | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| Phá BTXM | m3 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 |
| Cát đen | m3 | 0.174 | 0.172 | 0.171 | 0.168 | 0.166 | 0.164 | 0.163 | 0.148 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 1 | 2 | 4 | 5 | 6 | 7 | 16 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1838/PC-PCHK
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Ký tên:

## MBT - ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM
## HÀO 2 ỐNG TRỤC




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mbt-200** | **mbt-020** | **mbt-021** | **mbt-022** | **mbt-023** | **mbt-024** | **mbt-025** | **mbt-026** | **mbt-027** | **mbt-028** | **mbt-029** | **mbt-0210** | **mbt-0211** |
| Chiều rộng hào cáp | m | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |
| Cắt đường bê tông | m | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| Phá BTXM | m3 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 | 0.080 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 | 0.272 |
| Cát đen | m3 | 0.160 | 0.167 | 0.166 | 0.164 | 0.162 | 0.161 | 0.159 | 0.158 | 0.156 | 0.154 | 0.153 | 0.151 | 0.150 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | | | | | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 0 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 |

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

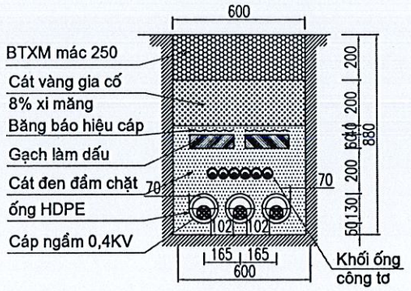
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

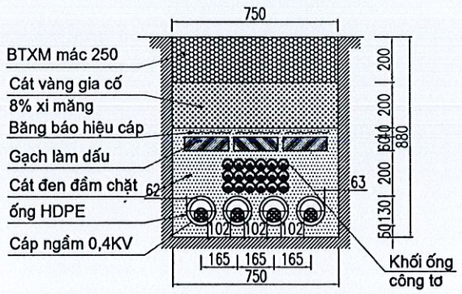
| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/25 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-01 |

## MBT - ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM
## HÀO 3 ỐNG TRỤC



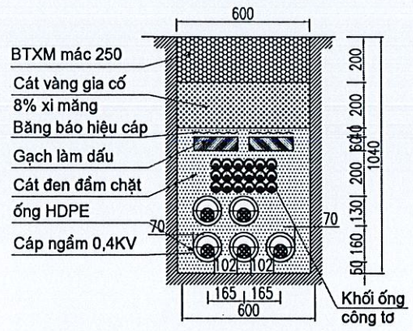

| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Hạng mục | Đơn vị | mbt-030 | mbt-033 | mbt-034 | mbt-036 |
| Chiều rộng hào cáp | m | 0.60 | 0.60 | 0.60 | 0.60 |
| Cắt đường bê tông | m | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| Phá BTXM | m3 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.408 | 0.408 | 0.408 | 0.408 |
| Cát đen | m3 | 0.245 | 0.240 | 0.239 | 0.236 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 20 | 20 | 20 | 20 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 3 | 4 | 6 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.528 | 0.528 | 0.528 | 0.528 |

## MBT - ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM
## HÀO 4 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | |
|---|---|---|
| Hạng mục | Đơn vị | mbt-0417 |
| Chiều rộng hào cáp | m | 0.75 |
| Cắt đường bê tông | m | 2.0 |
| Phá BTXM | m3 | 0.150 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.510 |
| Cát đen | m3 | 0.272 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 30 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 3 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 4 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 17 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.660 |

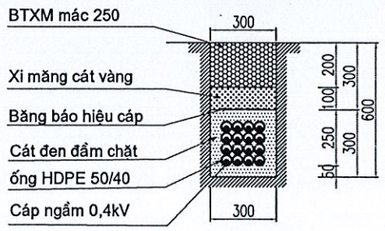
## MBT - ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM
## HÀO 5 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | |
|---|---|---|
| Hạng mục | Đơn vị | mbt-0518 |
| Chiều rộng hào cáp | m | 0.60 |
| Cắt đường bê tông | m | 2.0 |
| Phá BTXM | m3 | 0.120 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.504 |
| Cát đen | m3 | 0.299 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 20 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 2 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 5 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 18 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.624 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1823/HKE-PCHOK
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

## MBT - ĐƯỜNG BTXM DÀY 20CM
## KHỐI ỐNG CÔNG TƠ




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Hạng mục | Đơn vị | mbt-001 | mbt-002 | mbt-003 | mbt-004 | mbt-005 | mbt-006 | mbt-007 | mbt-0013 | mbt-0014 | mbt-0015 |
| Chiều rộng hào cáp | m | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 |
| Cắt đường bê tông | m | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| Phá BTXM | m3 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 | 0.060 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 | 0.120 |
| Cát đen | m3 | 0.088 | 0.087 | 0.085 | 0.084 | 0.082 | 0.080 | 0.079 | 0.069 | 0.068 | 0.066 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 13 | 14 | 15 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

**PHƯỜNG CỬA NAM**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

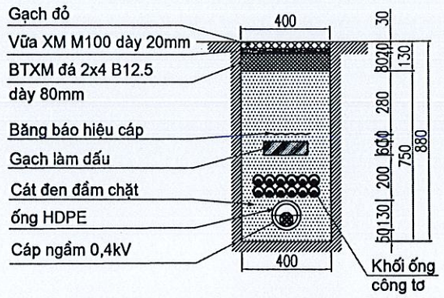
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/25 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-02 |

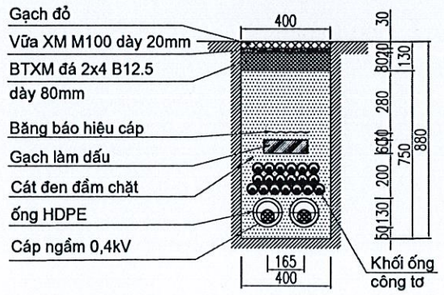
## MGD - HÈ GẠCH ĐỎ
## HÀO 1 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mgd-010** | **mgd-011** | **mgd-013** | **mgd-017** | **mgd-018** |
| Phá dỡ hè gạch đỏ | m2 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |
| Phá BTXM | m3 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 |
| Cát đen | m3 | 0.282 | 0.280 | 0.277 | 0.271 | 0.269 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 1 | 3 | 7 | 8 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1858/PC-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

## MGD - HÈ GẠCH ĐỎ
## HÀO 2 ỐNG TRỤC




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1868/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mgd-200** | **mgd-020** | **mgd-021** | **mgd-023** | **mgd-024** | **mgd-025** | **mgd-026** | **mgd-028** | **mgd-0219** |
| Phá dỡ hè gạch đỏ | m2 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |
| Phá BTXM | m3 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 |
| Cát đen | m3 | 0.268 | 0.275 | 0.274 | 0.270 | 0.269 | 0.267 | 0.266 | 0.262 | 0.245 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 2 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 0 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 0 | 1 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 19 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 |

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

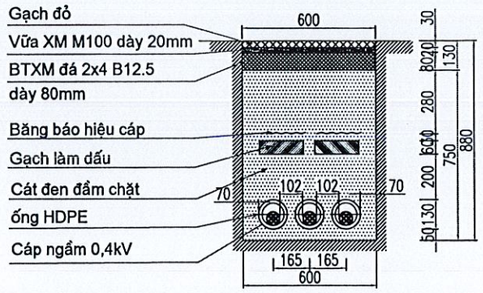
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ GẠCH ĐỎ

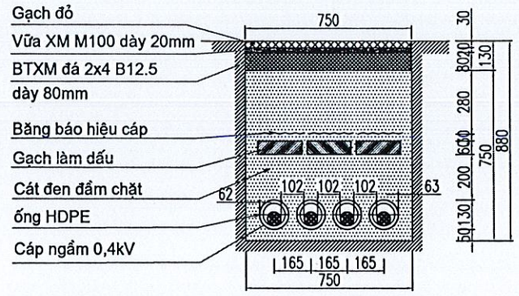
| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/25 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-03 |

## MGD - HÈ GẠCH ĐỎ
## HÀO 3 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | |
|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mgd-030** |
| Phá dỡ hè gạch đỏ | m2 | 0.60 |
| Phá BTXM | m3 | 0.048 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.462 |
| Cát đen | m3 | 0.407 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 20 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 2 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 3 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.528 |

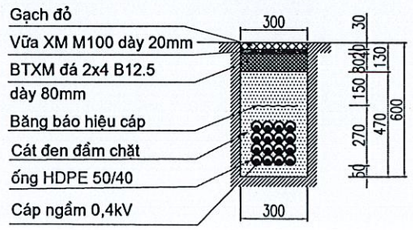
## MGD - HÈ GẠCH ĐỎ
## HÀO 4 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | |
|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mgd-040** |
| Phá dỡ hè gạch đỏ | m2 | 0.750 |
| Phá BTXM | m3 | 0.060 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.578 |
| Cát đen | m3 | 0.501 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 30 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 3 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 4 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.660 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1868 /HC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

## MGD - HÈ GẠCH ĐỎ
## KHỐI ỐNG CÔNG TƠ




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1868 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **mgd-001** | **mgd-002** | **mgd-003** | **mgd-004** | **mgd-005** | **mgd-006** | **mgd-007** | **mgd-009** | **mgd-0010** | **mgd-0012** | **mgd-0013** |
| Phá dỡ hè gạch đỏ | m2 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 | 0.3 |
| Phá BTXM | m3 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 | 0.024 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 | 0.147 |
| Cát đen | m3 | 0.139 | 0.138 | 0.136 | 0.135 | 0.133 | 0.131 | 0.130 | 0.127 | 0.125 | 0.122 | 0.120 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | | | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 | 10 | 12 | 13 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 | 0.180 |

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

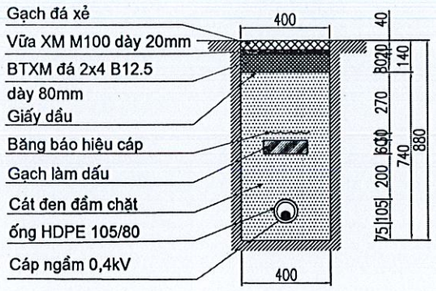
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ GẠCH ĐỎ

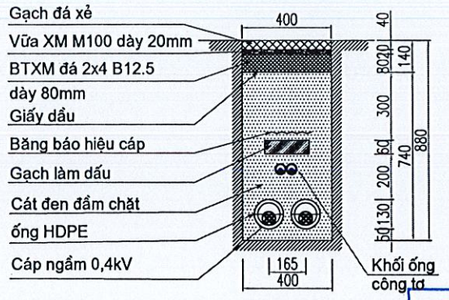
| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/25 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-04 |

## MD - HÈ ĐÁ XẺ
## HÀO 1 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | |
|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **md-010** |
| Phá dỡ hè gạch đá xẻ | m2 | 0.4 |
| Phá BTXM | m3 | 0.032 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.304 |
| Cát đen | m3 | 0.278 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 1 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 |
| Vận chuyển đất thừa (tận dụng lại 20% gạch) | m3 | 0.349 |

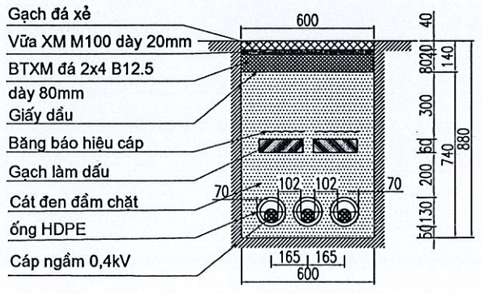
## MD - HÈ ĐÁ XẺ
## HÀO 2 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **md-200** | **md-201** | **md-202** | **md-020** |
| Phá dỡ hè gạch đá xẻ | m2 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |
| Phá BTXM | m3 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.304 | 0.304 | 0.304 | 0.304 |
| Cát đen | m3 | 0.264 | 0.262 | 0.261 | 0.271 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 2 | 2 | 2 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 0 | 0 | 0 | 2 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 1 | 2 | 0 |
| Vận chuyển đất thừa (tận dụng lại 20% gạch) | m3 | 0.349 | 0.349 | 0.349 | 0.349 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1818 /DLC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

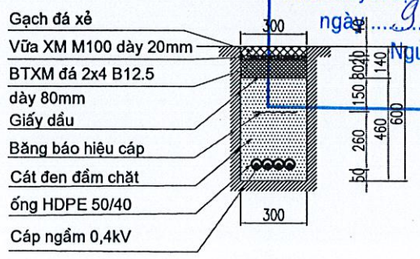
## MD - HÈ ĐÁ XẺ
## HÀO 3 ỐNG TRỤC




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | | |
|---|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **md-030** | **md-210** |
| Phá dỡ hè gạch đá xẻ | m2 | 0.60 | 0.60 |
| Phá BTXM | m3 | 0.048 | 0.048 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.456 | 0.456 |
| Cát đen | m3 | 0.401 | 0.394 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 20 | 20 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 2 | 2 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 | 2 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 3 | 1 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 0 |
| Vận chuyển đất thừa (tận dụng lại 20% gạch) | m3 | 0.523 | 0.523 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1898 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

## MD - HÈ ĐÁ XẺ
## KHỐI ỐNG CÔNG TƠ




| BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP | | |
|---|---|---|
| **Hạng mục** | **Đơn vị** | **md-001** |
| Phá dỡ hè gạch đá xẻ | m2 | 0.3 |
| Phá BTXM | m3 | 0.024 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.144 |
| Cát đen | m3 | 0.136 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 1 |
| Vận chuyển đất thừa (tận dụng lại 20% gạch) | m3 | 0.178 |

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

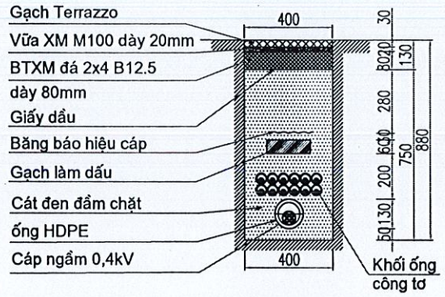
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ HÈ ĐÁ XẺ

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/25 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-05 |

## MTR - HÈ GẠCH TERRAZZO
## HÀO 1 ỐNG TRỤC



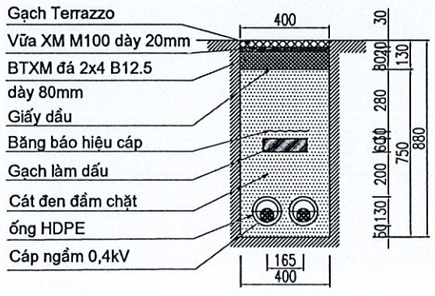

BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP

| Hạng mục | Đơn vị | mtr-010 | mtr-011 | mtr-013 | mtr-014 | mtr-015 | mtr-016 | mtr-017 | mtr-019 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá dỡ hè gạch Terrazzo | m2 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 | 0.4 |
| Phá BTXM | m3 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 | 0.032 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 | 0.308 |
| Cát đen | m3 | 0.282 | 0.280 | 0.277 | 0.276 | 0.274 | 0.272 | 0.271 | 0.268 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | | | | | | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 | 1 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 9 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 | 0.352 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1888 /PC-PCHK
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

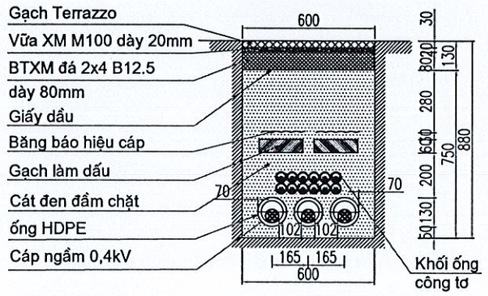
## MTR - HÈ GẠCH TERRAZZO
## HÀO 2 ỐNG TRỤC




BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP

| Hạng mục | Đơn vị | mtr-020 |
|---|---|---|
| Phá dỡ hè gạch Terrazzo | m2 | 0.4 |
| Phá BTXM | m3 | 0.032 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.308 |
| Cát đen | m3 | 0.275 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 10 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 2 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 0 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.352 |

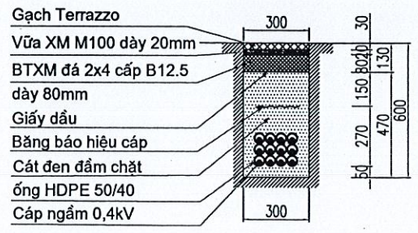
## MTR - HÈ GẠCH TERRAZZO
## HÀO 3 ỐNG TRỤC




BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP

| Hạng mục | Đơn vị | mtr-039 |
|---|---|---|
| Phá dỡ hè gạch Terrazzo | m2 | 0.60 |
| Phá BTXM | m3 | 0.048 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.462 |
| Cát đen | m3 | 0.393 |
| Gạch làm dấu (200x95x60) | viên | 20 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 2 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | |
| Ống nhựa HDPE 130/100 | m | 0 |
| Ống nhựa HDPE 105/80 | m | 3 |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 9 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.528 |

## MTR - HÈ GẠCH TERRAZZO
## KHỐI ỐNG CÔNG TƠ




BẢNG KÊ VẬT LIỆU CHO 1M HÀO CÁP

| Hạng mục | Đơn vị | mtr-001 | mtr-002 | mtr-003 |
|---|---|---|---|---|
| Phá dỡ hè gạch Terrazzo | m2 | 0.3 | 0.3 | 0.3 |
| Phá BTXM | m3 | 0.024 | 0.024 | 0.024 |
| Đào đất rãnh cáp | m3 | 0.147 | 0.147 | 0.147 |
| Cát đen | m3 | 0.139 | 0.138 | 0.136 |
| Băng báo hiệu cáp 0.2 | m | 1 | 1 | 1 |
| Cáp ngầm hạ thế | m | | | |
| Ống nhựa HDPE 50/40 | m | 1 | 2 | 3 |
| Vận chuyển đất thừa | m3 | 0.180 | 0.180 | 0.180 |

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

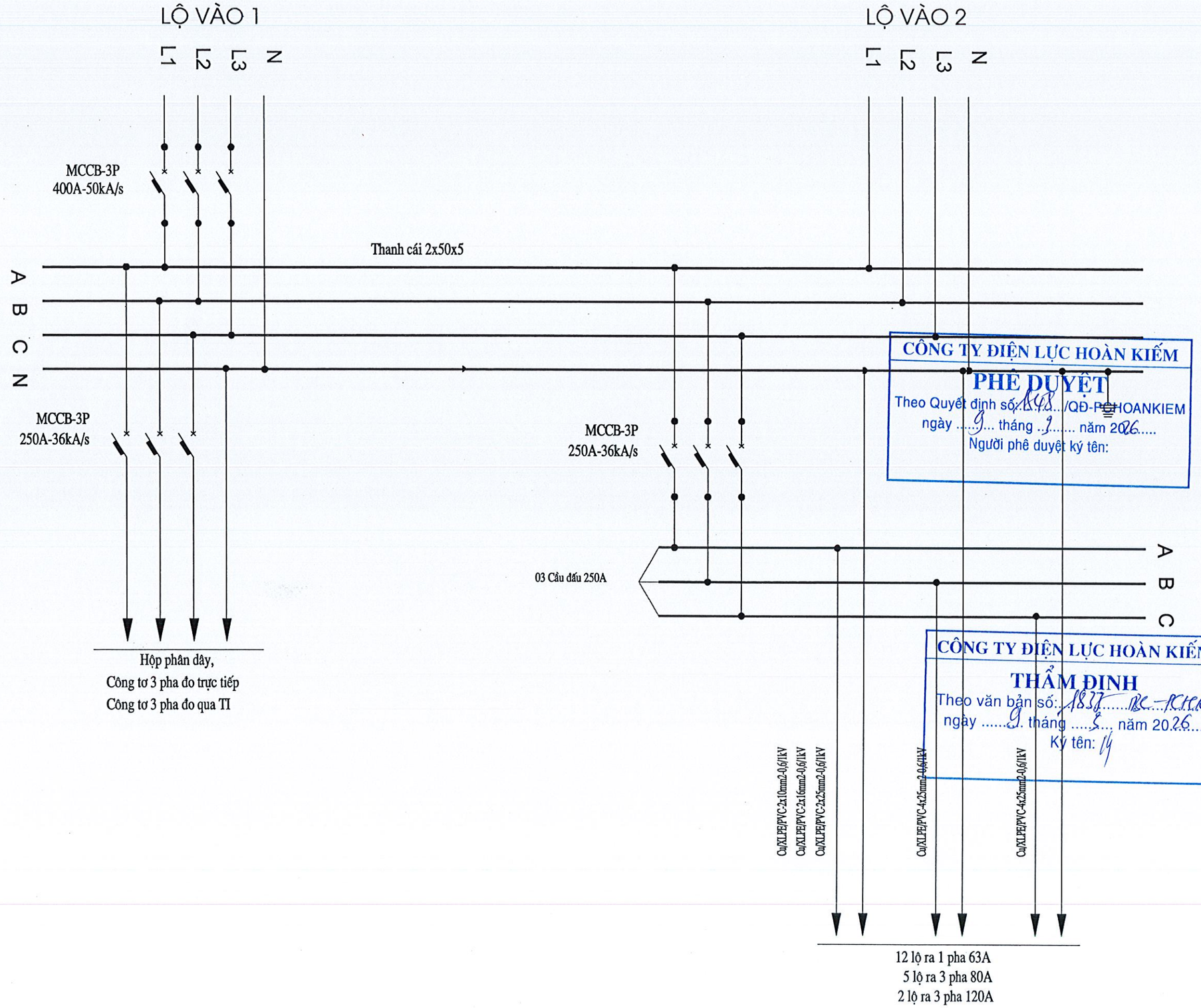
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT HÀO CÁP HẠ THẾ
HÈ GẠCH TERRAZZO

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | 1/25 |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-06 |




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1448 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1837 /PC-KTSX
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

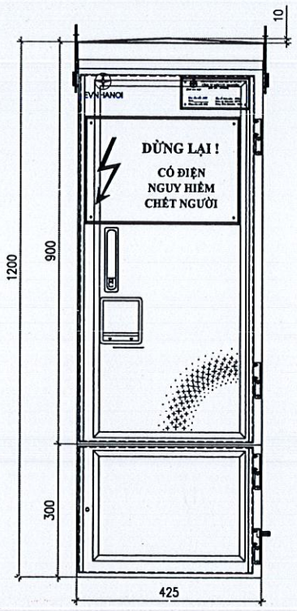
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

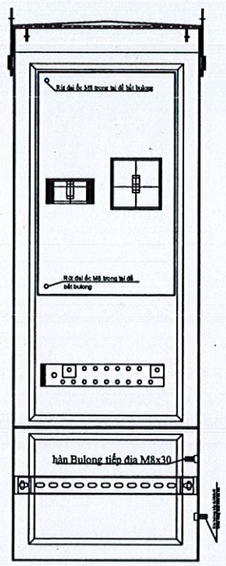
SƠ ĐỒ 1 SỢI TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425)-2 MẶT (1MCCB 3P 400A + 2MCCB 3P 250A)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-07 |

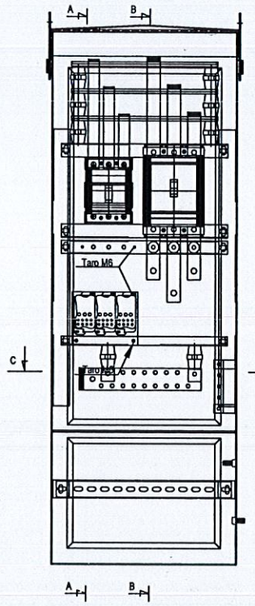
MẶT TRƯỚC TỦ



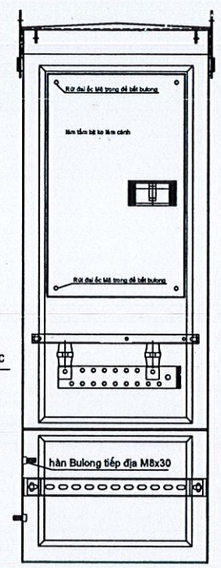

CẠNH TRONG MẶT TRƯỚC TỦ



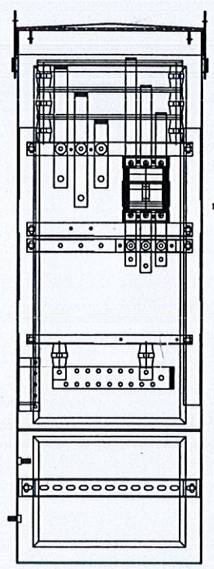

BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT TRƯỚC TỦ



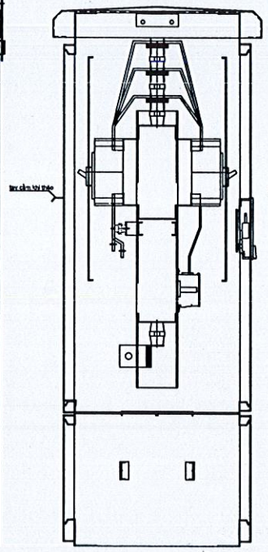

TẤM BỊT MẶT SAU TỦ




BỐ TRÍ THIẾT BỊ MẶT SAU TỦ

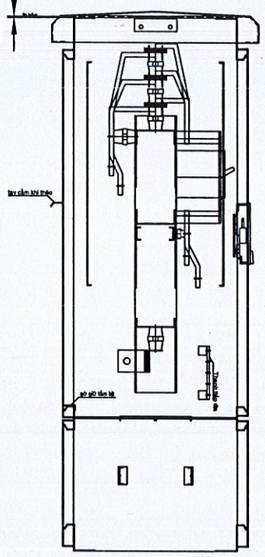


MẶT CẮT A - A

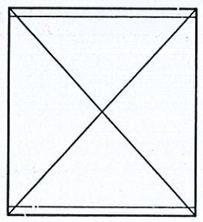


3

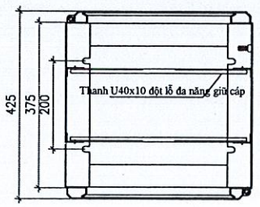
MẶT CẮT B - B



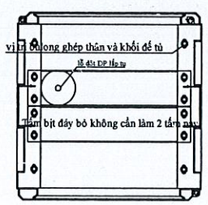
NÓC TỦ



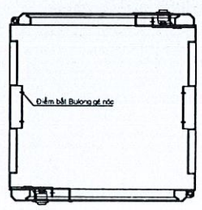
ĐÁY TỦ
( 4 lỗ bắt bulong M12 định vị tủ)




MẶT CẮT C - C




MẶT TRÊN KHI BỎ NÓC

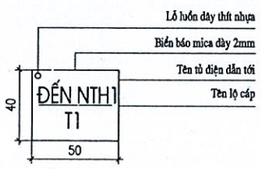






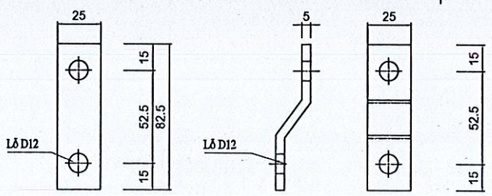
1- KIỂU CHỮ NHƯ HÌNH TRÊN (MŨI TÊN VẼ MÀU ĐỎ).
2- GẮN TRÊN THÂN TỦ.
3- CHẾ TẠO BẰNG NHÔM ALU => 4MM.

BIỂN AN TOÀN




BIỂN TÊN ĐẦU CÁP

(Biển được treo tại đầu cáp)




CỰC ĐẤU NỐI HẠM DƯỚI ATM250A

(Tỷ lệ 1:4)

GHI CHÚ:

1- Tủ lắp trọn bộ gồm:
+ 01 ATM 3P-400A-50kA/s;
+ 02 ATM nhánh 3P-250A-36kA/s (được đánh số lần lượt là 1, 2);
+ Thanh cái chính, thanh cái trung tính sử dụng thanh đồng tương đương 2x50x5/pha;
+ Thanh cái trung tính được đột lỗ và lắp sẵn bulông để bắt 04 đầu cốt cáp 150mm2, 05 đầu cốt cáp 95mm2, 07 đầu cốt cáp 25mm2, 15 đầu cốt cáp 16mm2;
+ Hầm dưới ATM nhánh 250A số 2, lắp đặt sẵn 01 bộ cực đấu nối ATM 250A (thanh cái đồng 25x5);
2- Tủ được thiết kế 2 mặt
3- vỏ tủ làm bằng nhôm hợp kim cường độ cao có chiều dày => 3mm
hoặc thép có độ dầy => 2mm sau khi được gia công và hàn ghép sẽ phải mạ kẽm nhúng nóng ở nhiệt độ 440 C #450 C
với tiêu chuẩn ASTM A123/A 123M đạt độ dầy lớp mạ 70-80micro met, được sơn màu RAL 7044, độ kín IP54;
4- Tiếp địa an toàn vỏ tủ và tiếp địa trung tính được đấu nối riêng biệt vào hệ thống nối đất;
5- áp tô mát tử 250A trở lên phải có dải điều chỉnh;
6- Biển an toàn được gắn hai bên mặt chính tủ;
7- Khóa tủ là loại 1 chìa chung cho toàn bộ công trình;
8- Tủ có logo của Tổng công ty Điện lực TP. Hà Nội đặt tại cánh cửa mặt trước.
9- ATM 400A đấu cáp đấu vào tủ pillar phải đấu xuôi (Cáp đấu thẳng thanh cái/không uốn cáp).

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1833/PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 158/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

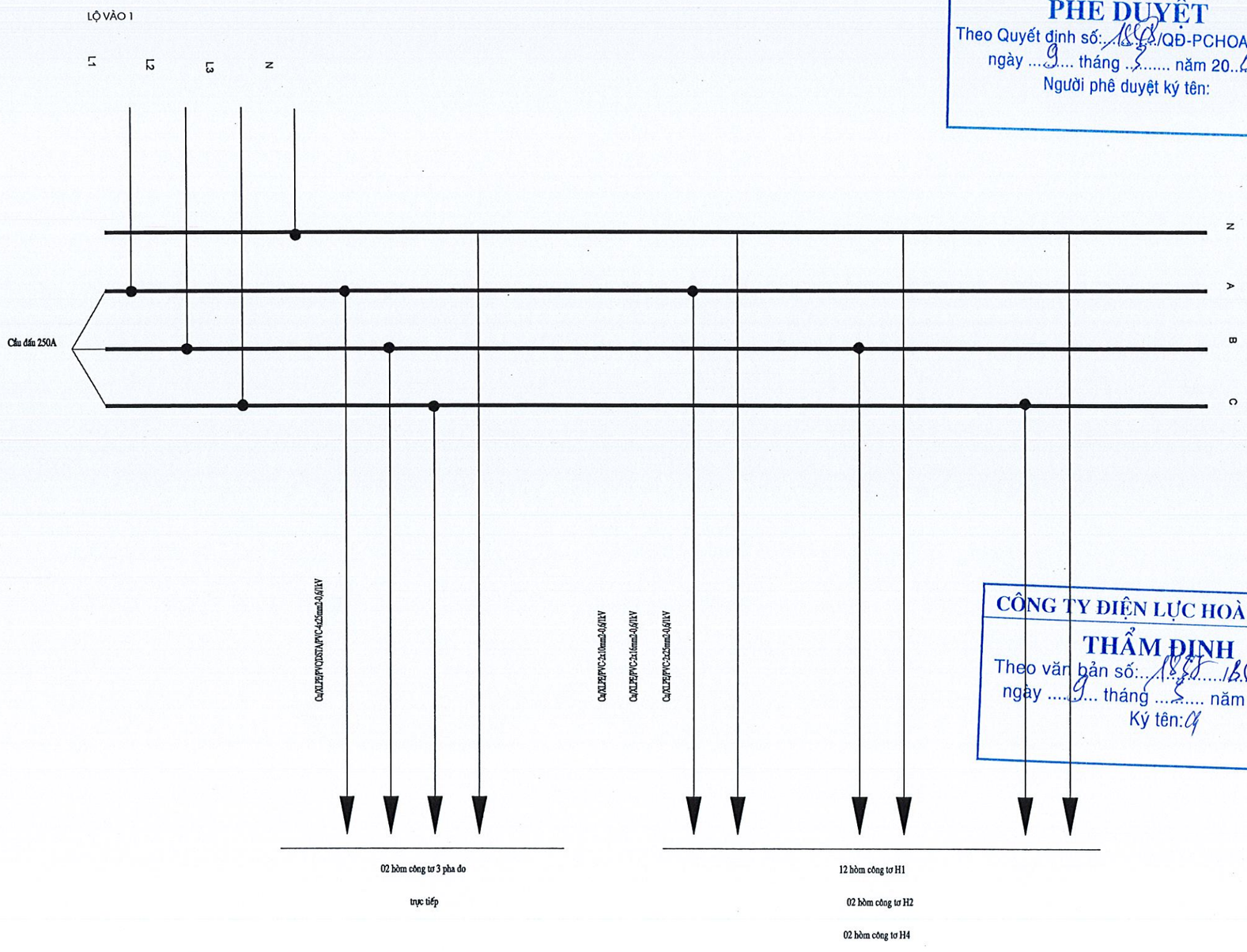
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

BỐ TRÍ THIẾT BỊ TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425)-2 MẶT (1MCCB 3P 400A + 2MCCB 3P 250A)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-08 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1853/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1855/BC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

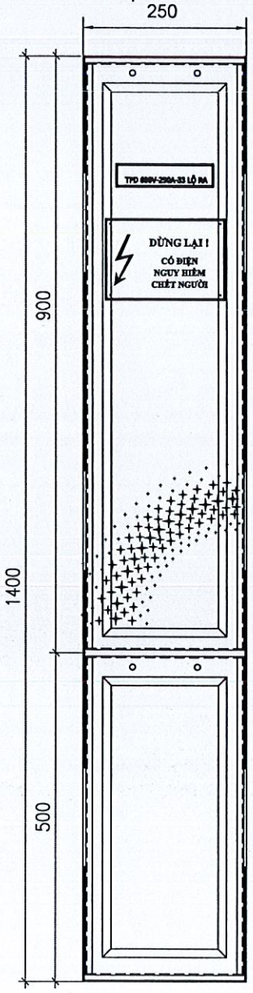
| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

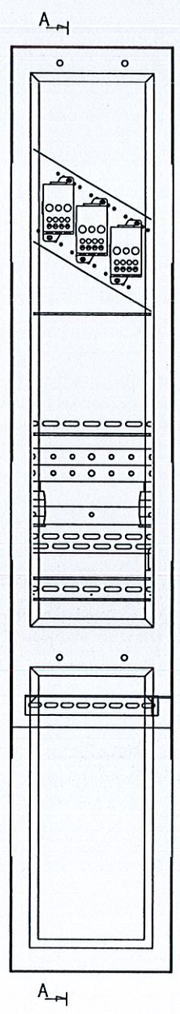
TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ 1 SỢI TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-09 |

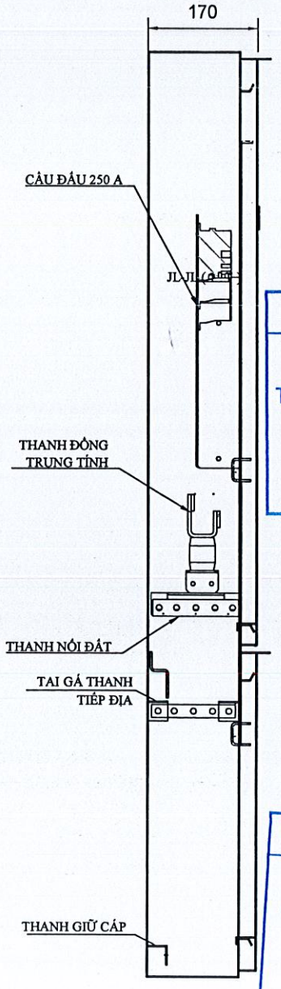
MẶT TRƯỚC



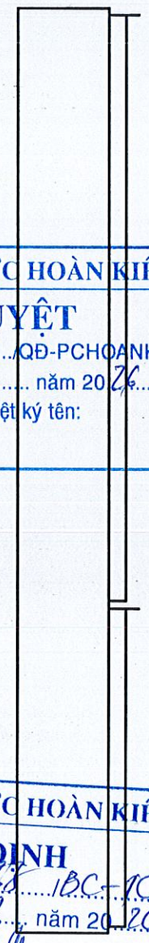

MẶT TRƯỚC BỎ NẮP



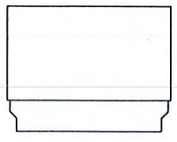

MẶT CẮT A - A



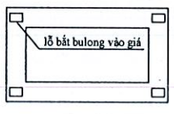

MẶT HỒI



NÓC TRỤ



ĐÁY TRỤ




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1845/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 5 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1877/PCHK-TCKT
ngày 9 tháng 5 năm 2026
Ký tên:

**Ghi chú:**
- Tủ đấu dây kèm trụ đỡ làm bằng nhôm hợp kim cường độ cao dày 3mm hoặc tôn mạ kẽm nhúng nóng =>2.5mm.
- Kích thước tủ: 250x170x1400mm
- Màu sơn: RAL 7044, RAL 7038
- Tiêu chuẩn độ kín: IP 54
- Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60439-1; IEC 60529; IEC 60947-2
- Đế: Thép mạ kẽm

CHỦ ĐẦU TƯ

EVNHANOI

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 LÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

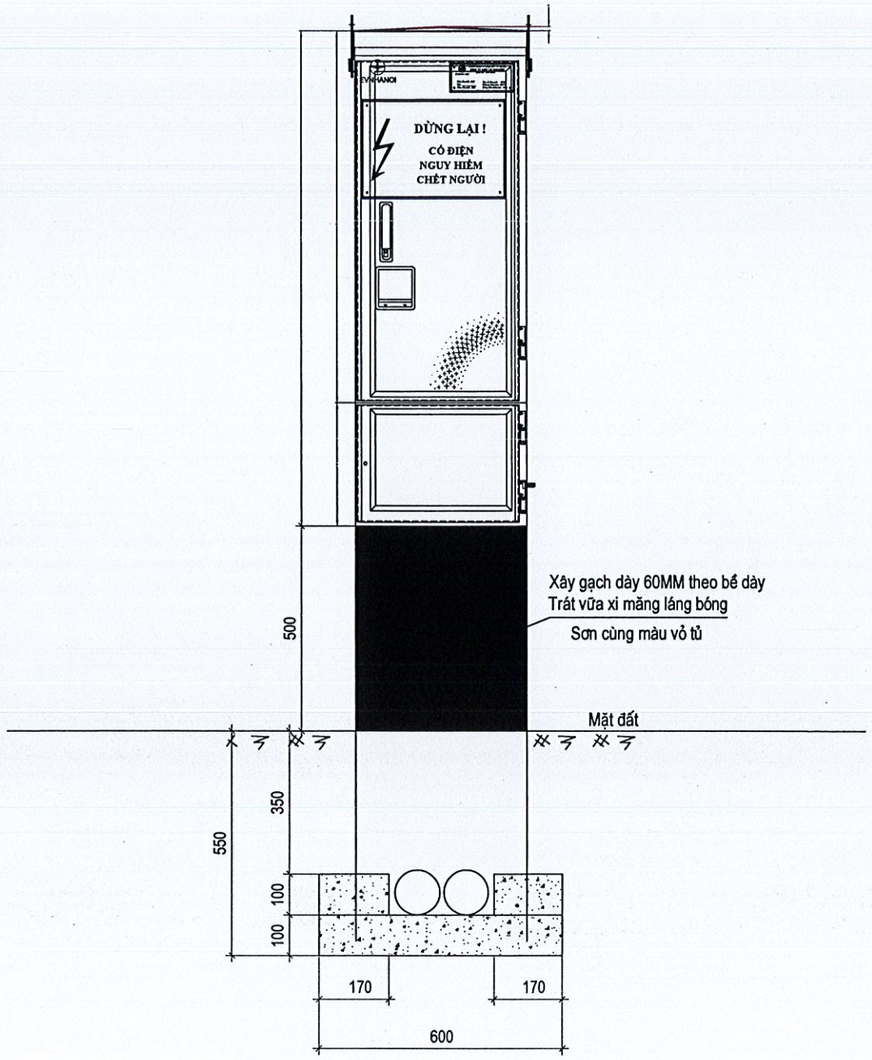
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

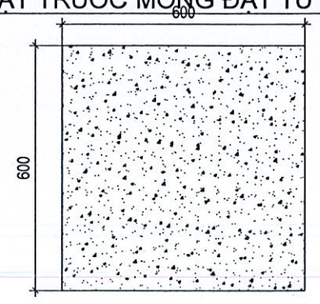
TÊN BẢN VẼ

BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170)

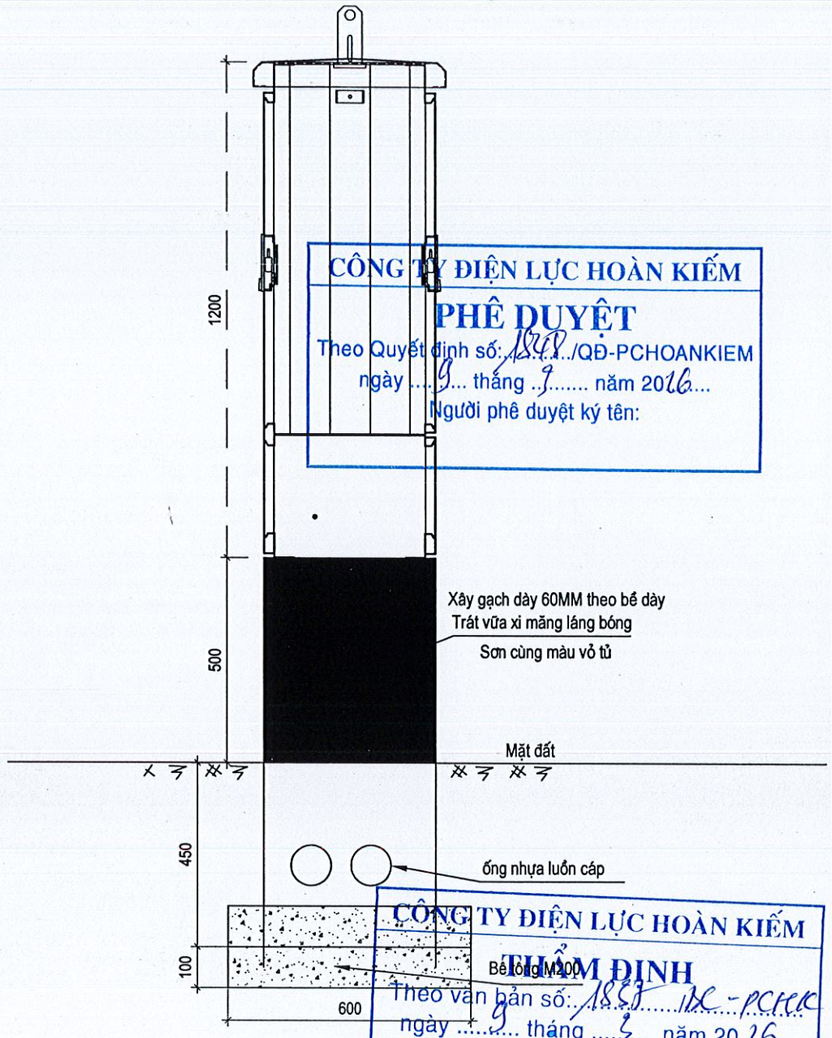
| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-10 |




MẶT TRƯỚC MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI




ĐÁY MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI




MẶT BÊN MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1858 /HC-PCHKC
ngày 9 tháng 9 năm 2026
Ký tên:

| STT | Hạng mục | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **Phần móng tủ** | | | |
| 1 | Phá dỡ BTXM | m3 | 0,072 | |
| 2 | Phá kết cấu dưới đường BTXM | m3 | 0,054 | |
| 3 | Đào đất cấp 3 | m3 | 0,126 | |
| 4 | Đất đắp cấp 3 | m3 | 0,126 | |
| 5 | Bê tông móng tủ đá 2x4,M200 | m3 | 0,056 | |
| 6 | Xây bệ tủ gạch 220x105x60, vữa XM mác 75 | m3 | 0,044 | |
| 7 | Trát vữa dày 0,1mm | m2 | 0,850 | |
| 8 | Sơn móng tủ | m2 | 0,850 | |
| 9 | Vận chuyển | m3 | 0,126 | |

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

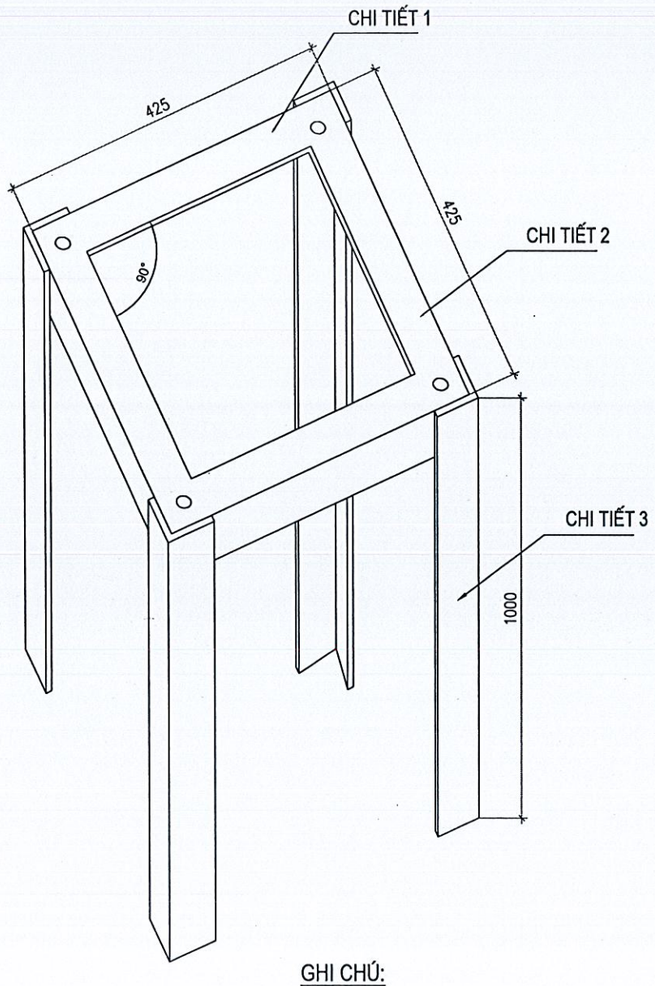
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

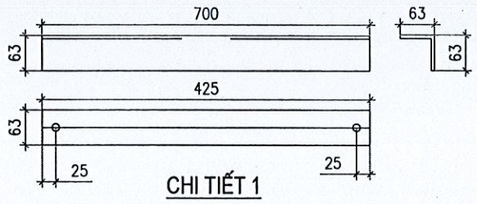
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

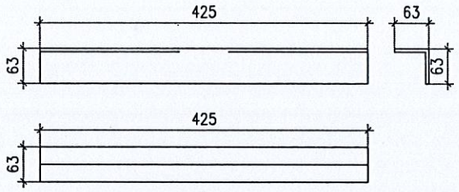
MÓNG TỦ PILLAR
400A-(1200x425x425)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-11 |

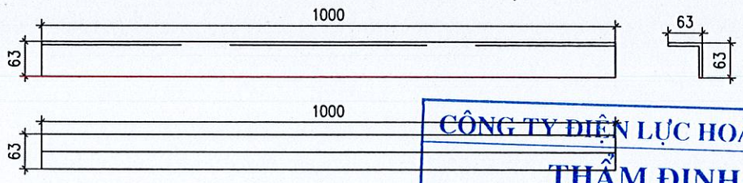



CHI TIẾT 1




CHI TIẾT 2




CHI TIẾT 3

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

| STT | Tên chi tiết | Qui cách | Kích thước (mm) | Số lượng | Khối lượng(Kg) Đơn vị | Toàn bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi tiết - 1 | L63x63x6 | 425 | 2 | 2,43 | 4,86 |
| 2 | Chi tiết - 2 | L63x63x6 | 425 | 2 | 2,43 | 4,86 |
| 3 | Chi tiết - 3 | L63x63x6 | 1000 | 4 | 5,72 | 22,87 |
| 4 | Bu lông M12x50 | M12x50 | 50 | 4 | 0,09 | 0,34 |
| **Tổng cộng** | | | | | | **32,93** |

GHI CHÚ:

1- Tất cả các chi tiết đều thép góc được mạ kẽm nhúng nóng sau khi gia công. Liên kết giữa các chi tiết đều bằng hàn điện theo đường.
2- Tất cả các lỗ đột đều D14.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1845 /ĐC-PCHTC
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 2 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

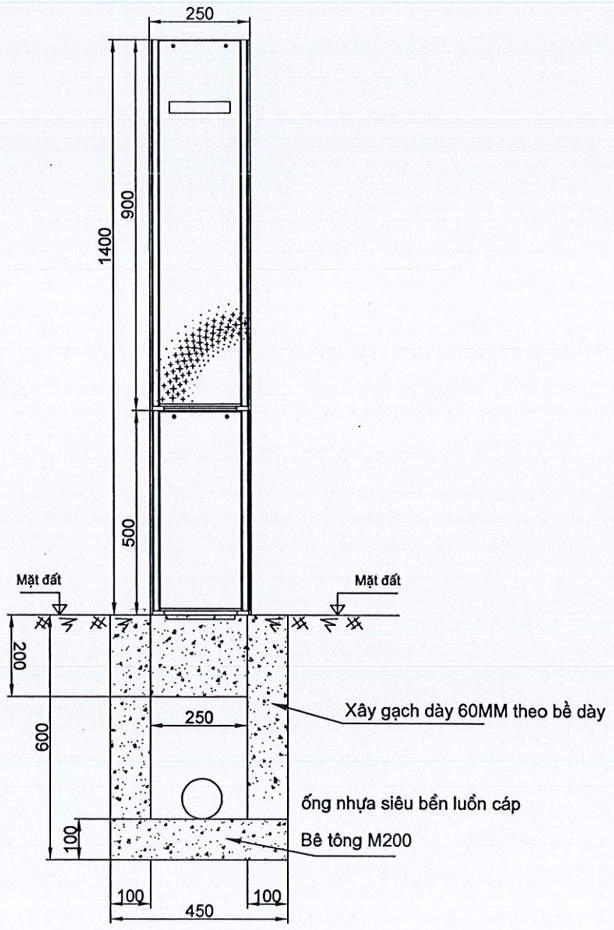
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

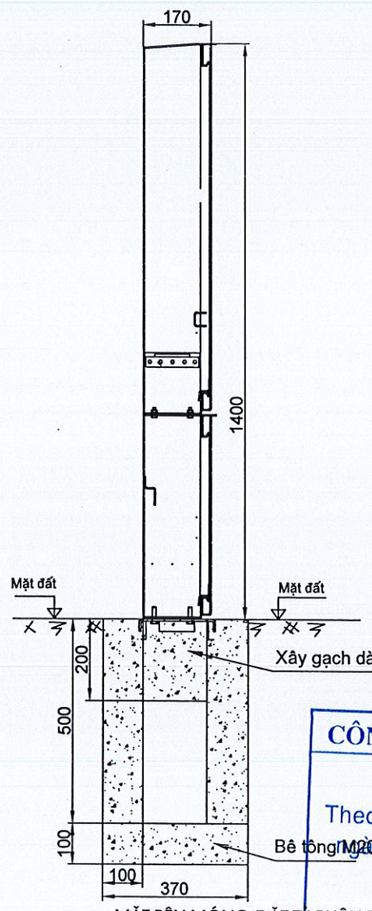
TÊN BẢN VẼ

KHUNG MÓNG TỦ PILLAR 400A-(1200x425x425)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-12 |

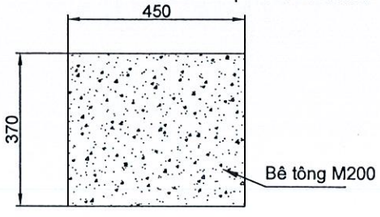



MẶT TRƯỚC MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI




MẶT BÊN MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI

ĐÁY MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI




| STT | Hạng mục | Đơn vị | Khối lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **Phần móng tủ** | | | |
| 1 | Phá dỡ BTXM | m3 | 0,033 | |
| 2 | Phá kết cấu dưới đường BTXM | m3 | 0,013 | |
| 3 | Đào đất cấp 3 | m3 | 0,033 | |
| 5 | Bê tông móng tủ đá 2x4,M200 | m3 | 0,017 | |
| 6 | Xây bệ tủ gạch 220x105x60, vữa XM mác 75 | m3 | 0,037 | |
| 9 | Vận chuyển | m3 | 0,080 | |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1850/HC-PCHC
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1598/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOÀ | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

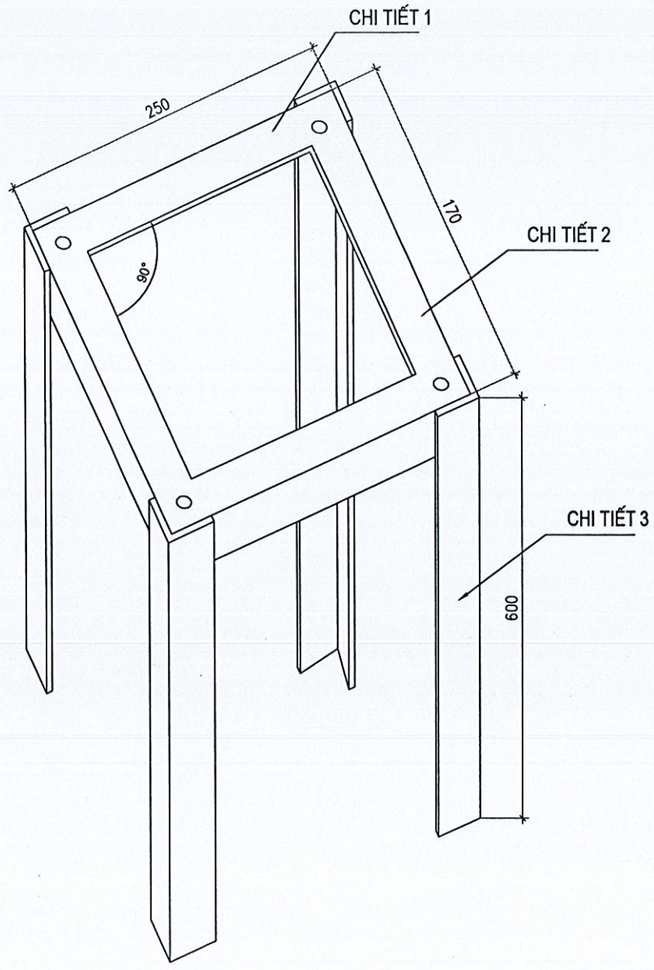
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

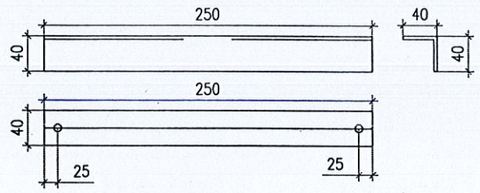
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

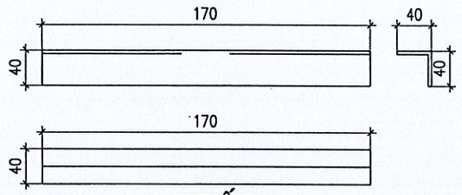
MÓNG TRỤ PHÂN DÂY
250A-(1400x250x170)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-13 |

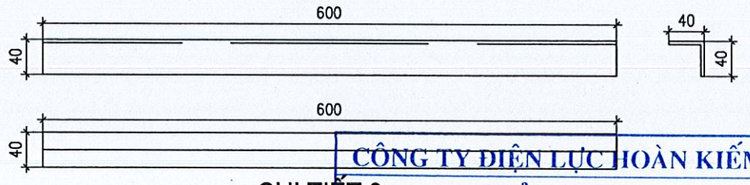



CHI TIẾT 1




CHI TIẾT 2




CHI TIẾT 3

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1858/PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

## BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

| STT | Tên chi tiết | Qui cách | Kích thước (mm) | Số lượng | Khối lượng(Kg) Đơn vị | Khối lượng(Kg) Toàn bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi tiết - 1 | L40x40x4 | 250 | 2 | 0,58 | 1,15 |
| 2 | Chi tiết - 2 | L40x40x4 | 170 | 2 | 0,39 | 0,78 |
| 3 | Chi tiết - 3 | L40x40x4 | 600 | 4 | 1,38 | 5,52 |
| 4 | Bu lông M12x50 | M12x50 | 50 | 4 | 0,09 | 0,34 |
| **Tổng cộng** | | | | | | **7,80** |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026.
Người phê duyệt ký tên:

## GHI CHÚ:

1- Tất cả các chi tiết đều thép góc được mạ kẽm nhúng nóng sau khi gia công. Liên kết giữa các chi tiết đều bằng hàn điện theo đường.

2- Tất cả các lỗ đột đều D14.

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

**CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**
**HAPEC**
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

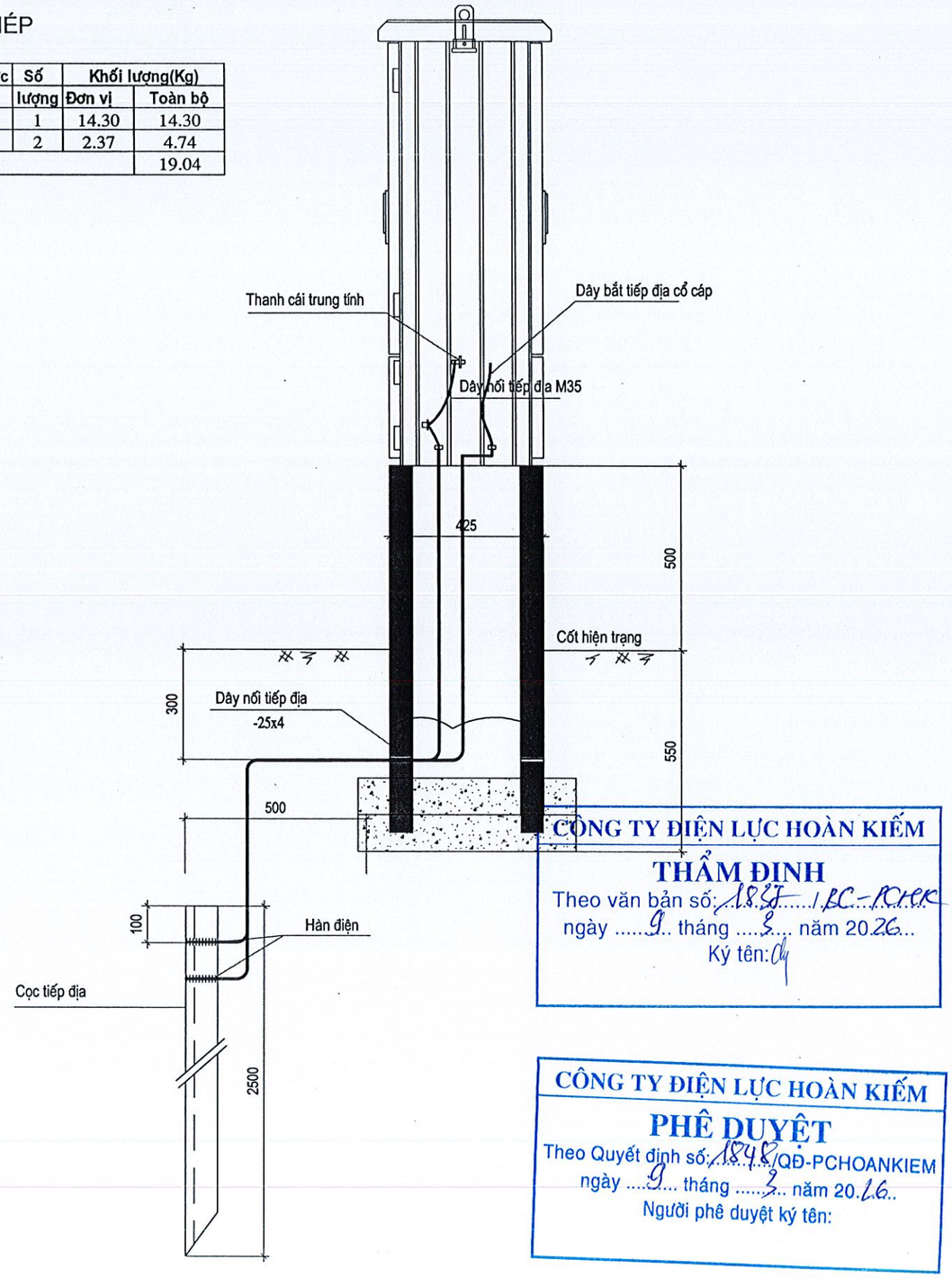
TÊN BẢN VẼ

KHUNG MÓNG TRỤ PHÂN DÂY 250A-(1400x250x170)

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-14 |

## BẢNG THỐNG KÊ THÉP

| STT | Tên chi tiết | Qui cách | Kích thước (mm) | Số lượng | Khối lượng(Kg) Đơn vị | Toàn bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cọc tiếp địa | L63x63x6 | 2500 | 1 | 14.30 | 14.30 |
| 2 | Dây tiếp địa | D25x4 | 3000 | 2 | 2.37 | 4.74 |
| **Tổng cộng** | | | | | | 19.04 |




GHI CHÚ:

- Cáp M35mm2: 1,5m và 06 đầu cốt M35

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1887/PC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

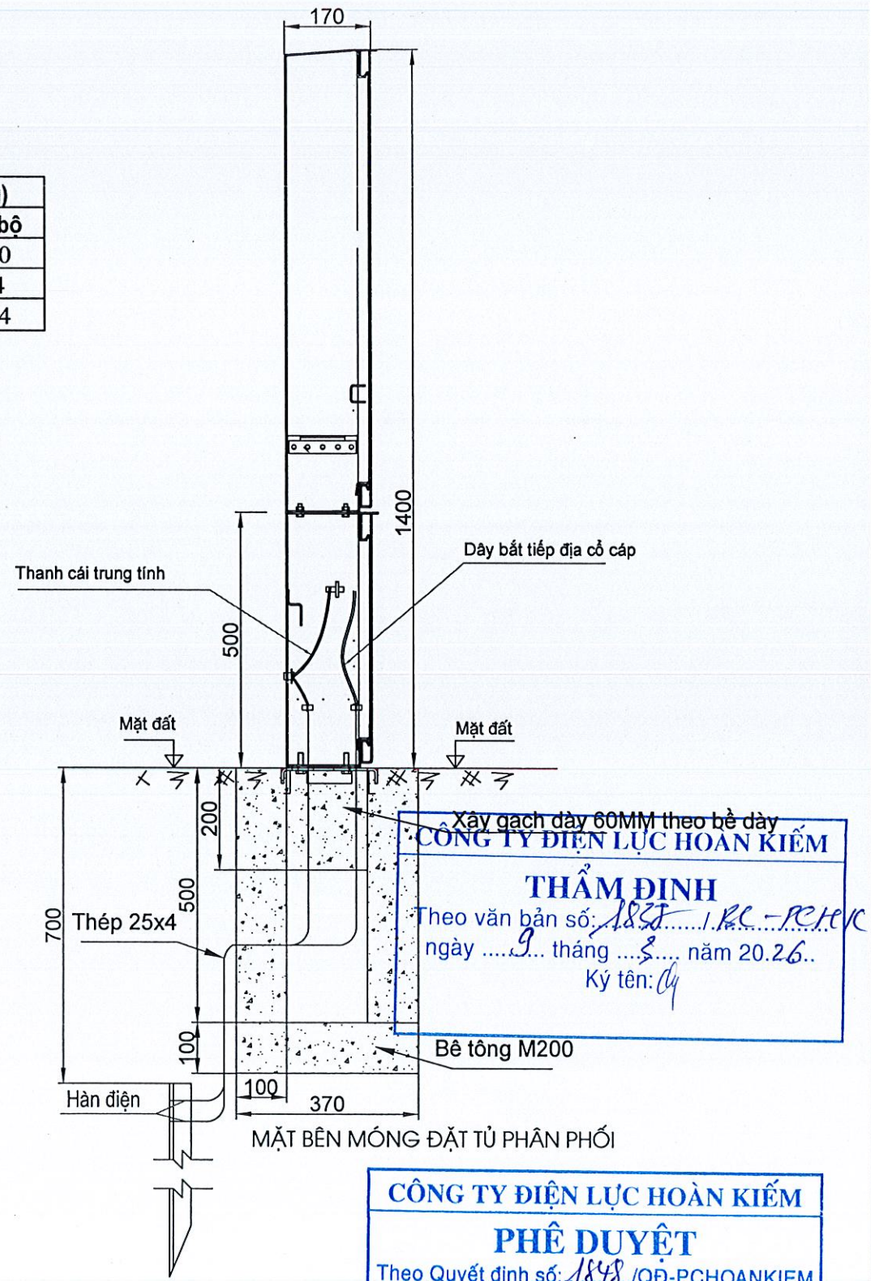
TÊN BẢN VẼ

TIẾP ĐỊA TỦ PILLAR

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-15 |

# BẢNG THỐNG KÊ THÉP

| STT | Tên chi tiết | Qui cách | Kích thước (mm) | Số lượng | Khối lượng(Kg) Đơn vị | Khối lượng(Kg) Toàn bộ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Cọc tiếp địa | L63x63x6 | 2500 | 1 | 14.30 | 14.30 |
| 2 | Dây tiếp địa | D25x4 | 3000 | 2 | 2.37 | 4.74 |
| **Tổng cộng** | | | | | | 19.04 |




MẶT BÊN MÓNG ĐẶT TỦ PHÂN PHỐI

GHI CHÚ:

- Cáp M35mm2: 1,5m và 06 đầu cốt M35

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1853 /PC-PCHVC
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

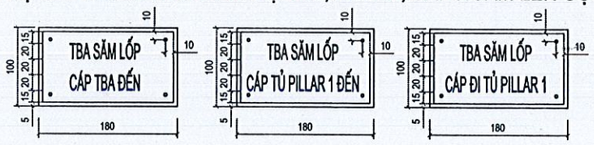
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

TIẾP ĐỊA TRỤ PHÂN DÂY

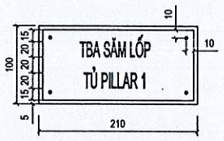
| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-16 |

## BIỂN TÊN LỘ CÁP NGẦM TRONG TỦ HẠ THẾ, PILLAR, CÁP NGẦM LÊN CỘT HẠ THẾ



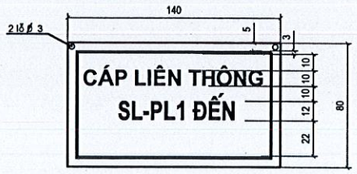

Quy cách :
1- Kích thước 100x180 mm.
2- Màu sắc: Chữ in chìm, màu xanh, nền trắng.
3- Chất liệu: Aluminum .

## BIỂN TÊN TỦ PILLAR

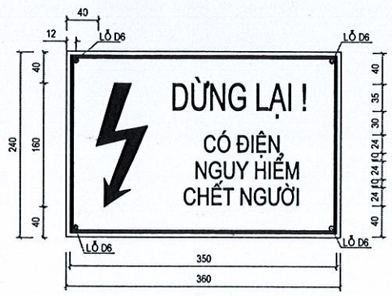



Quy cách :
1- Kích thước100x210 mm và 100x210mm
2- Màu sắc: Chữ in chìm, màu xanh, nền trắng.
3- Chất liệu: Aluminum .

## BIỂN CẢNH BÁO LIÊN THÔNG



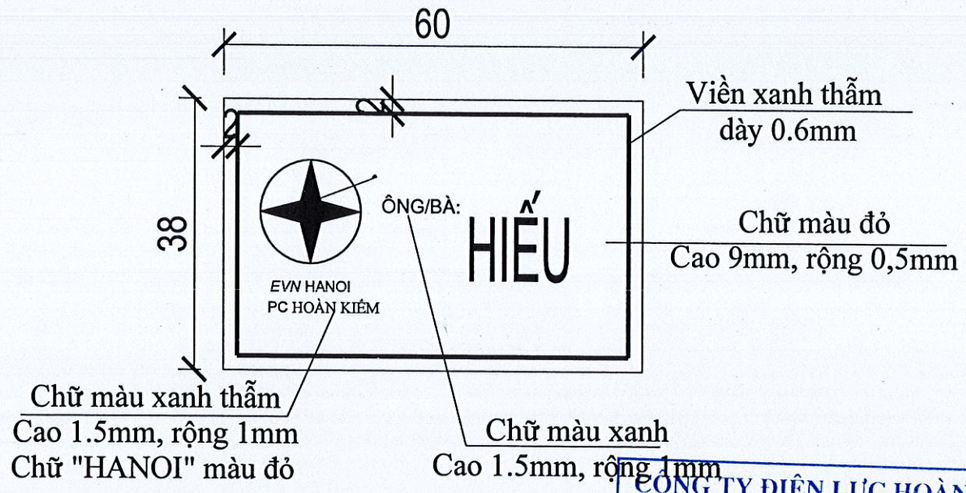

Quy cách : Gắn tại tủ Pillar
1- Kích thước 140x80mm
2- Màu sắc: Chữ trắng, nền đỏ tươi, viền trắng
3- Chất liệu: tôn mạ kẽm dán đề can phản quang.
4- Kiểu chữ: Arial hoa

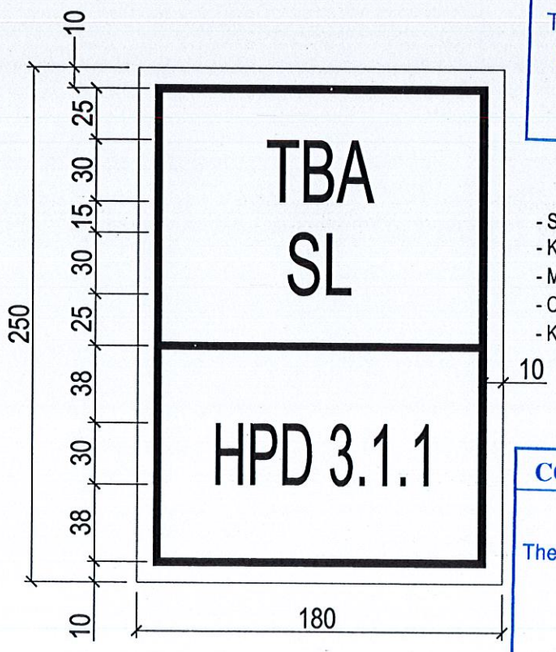



**MẪU 1- BIỂN AN TOÀN**

Vị trí lắp: Tủ điện, tủ liên lạc hạ áp ngoài trời, hướng người có thể tiếp cận
Quy cách :
1- Kích thước 240x360 mm.
2- Màu sắc: Chữ đen, nền trắng, viền đỏ
3- Chất liệu: sắt tráng men ( có phản quang).

## ĐỀ CAN KHÁCH HÀNG




- Sử dụng: Gắn tại mặt trước hộp phân dây
- Kích thước: Cao 250mm, rộng 180mm.
- Màu sắc: Chữ xanh, nền trắng, viền xanh. Viền dày 4mm
- Chất liệu: Vải bạt, dán bằng keo trên cột
- Kiểu chữ: .VnArial NarrowH

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1887 /PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TỔ 69 THANH NHÀN, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

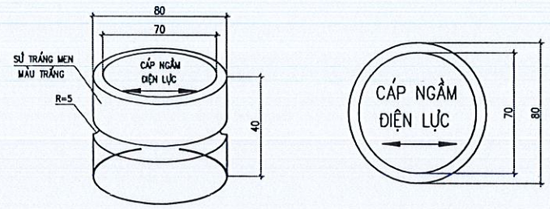
| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

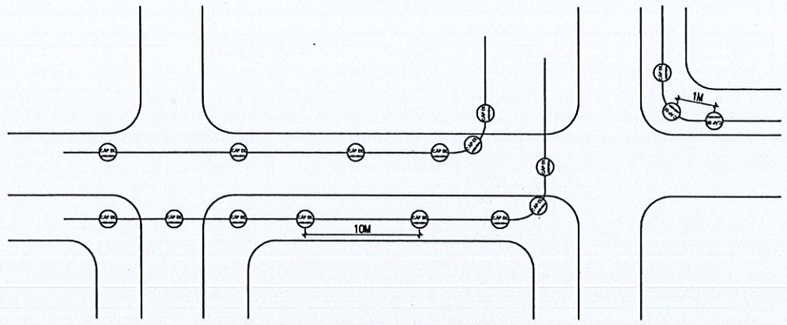
TÊN BẢN VẼ
QUY CÁCH BIỂN BÁO

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-17 |

# MỐC BÁO HIỆU CÁP KHI CÁP ĐI DƯỚI VỈA HÈ



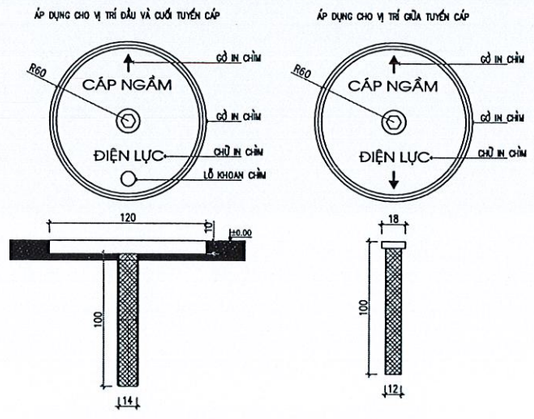

CHI TIẾT MỐC BÁO HIỆU CÁP (BẰNG SỨ)




VỊ TRÍ ĐẶT MỐC BÁO HIỆU CÁP ĐIỆN LỰC

GHI CHÚ:
- VIỀN XUNG QUANG NÉT 1MM.
- CỠ CHỮ 35 BOLD (THEO PHÔNG CHỮ .VNARIALH).
- ĐƯỜNG VIỀN, MŨI TÊN CÁC CHỮ NÀY ĐỀU MÀU XANH TÍM VÀ CHÌM 2MM.
- MỐC BÁO HIỆU ĐƯỢC ĐÚC NGUYÊN KHỐI HÌNH TRỤ CÓ TRÁNG MEN.
- PHẦN RỖNG BÊN TRONG CỦA MỐC BÁO HIỆU CÁP ĐƯỢC ĐỔ ĐẦY BẰNG XI MĂNG CÁT.

# MỐC BÁO HIỆU CÁP KHI CÁP ĐI DƯỚI LÒNG ĐƯỜNG




MỐC BÁO HIỆU CÁP NGẦM – MẶT BẰNG GANG

GHI CHÚ:
- CAO ĐỘ TRONG BẢN VẼ LÀ CAO ĐỘ GIẢ ĐỊNH, COS 0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI CỐT NỀN ĐƯỜNG, VỈA HÈ HIỆN TRẠNG.
- ĐÚC CÁC CẤU KIỆN BÊ TÔNG CÓ CẤP ĐỘ BỀN B15 (B200) ĐÁ 1X2, CỐT THÉP LOẠI AI:
  CỐT THÉP Ic10 NHÓM CB240-T (AI) Rs=2250 MPa
- KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ GHI BẰNG MM
- CÁP NGẦM ĐI DƯỚI LỀ ĐẤT, VỈA HÈ: MỐC BÁO HIỆU CÁP NGẦM ĐƯỢC CẮN VỚI KHỐI BÊ TÔNG M200 (200X200X200)

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1887/PC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1898/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

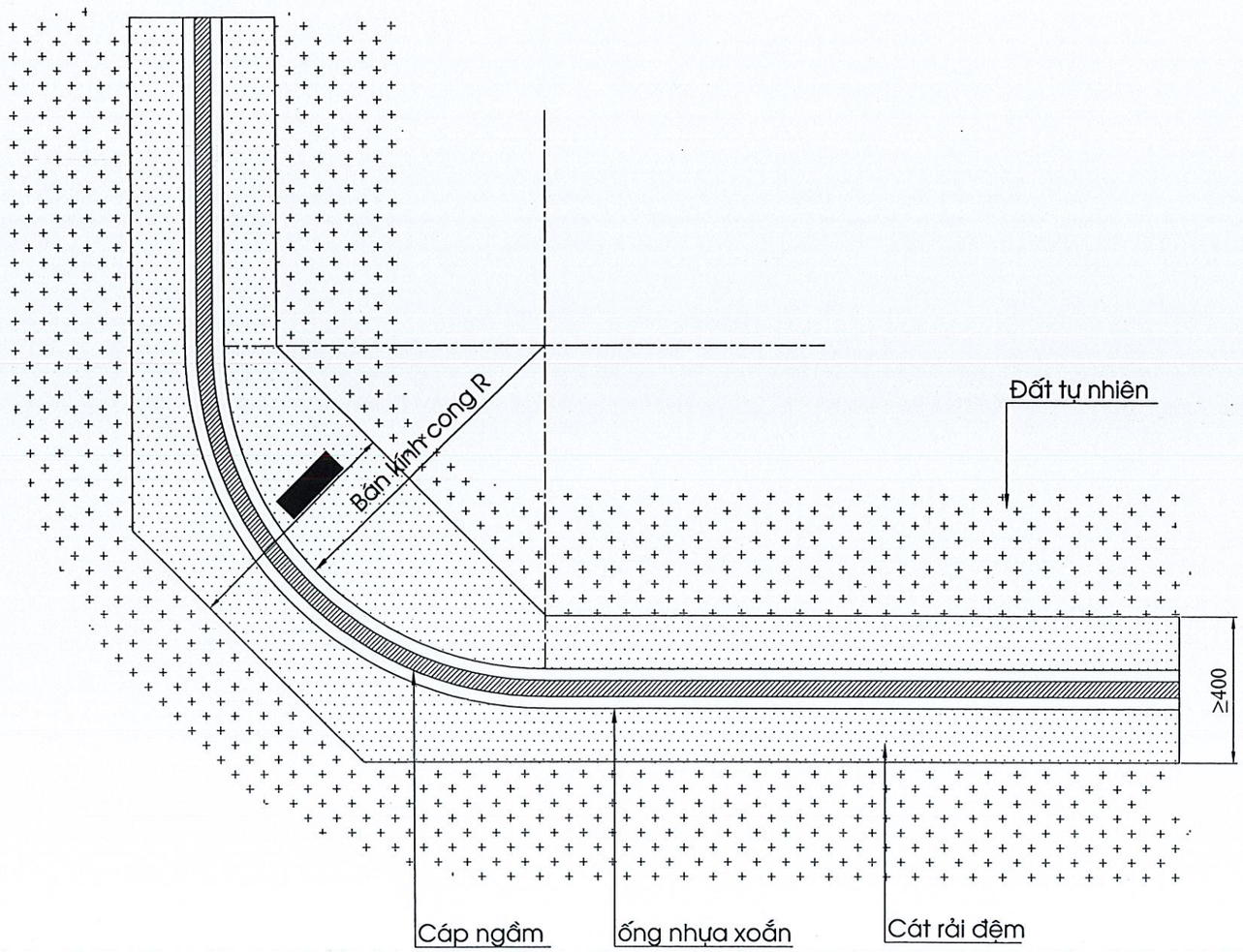
| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT ĐẶT MỐC BÁO HIỆU CÁP

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-18 |

# CÁP RẼ NGOẶT 90 ĐỘ




| bán kính uốn cong cáp 0,4kV cho phép | | |
|---|---|---|
| STT | Loại cáp | Bán kính R (mm) |
| 1 | 0,6/1kV - 4x70mm2 | ≥ 500 |
| 2 | 0,6/1kV - 4x95mm2 | ≥ 550 |
| 3 | 0,6/1kV - 4x120mm2 | ≥ 600 |
| 4 | 0,6/1kV - 4x150mm2 | ≥ 660 |
| 5 | 0,6/1kV - 4x185mm2 | ≥ 720 |
| 6 | 0,6/1kV - 4x240mm2 | ≥ 800 |
| 7 | 0,6/1kV - 4x300mm2 | ≥ 900 |

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 1835 /HC-PCHTC

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

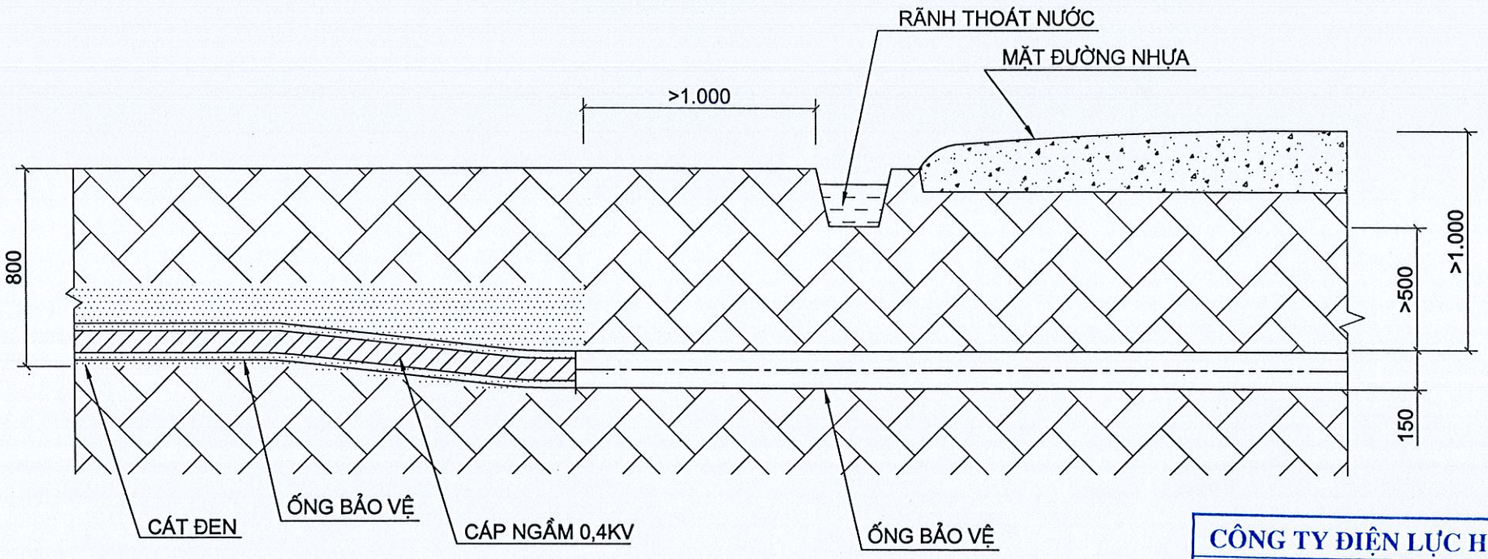
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

CÁP NGẦM RẼ NGOẶT 90 ĐỘ

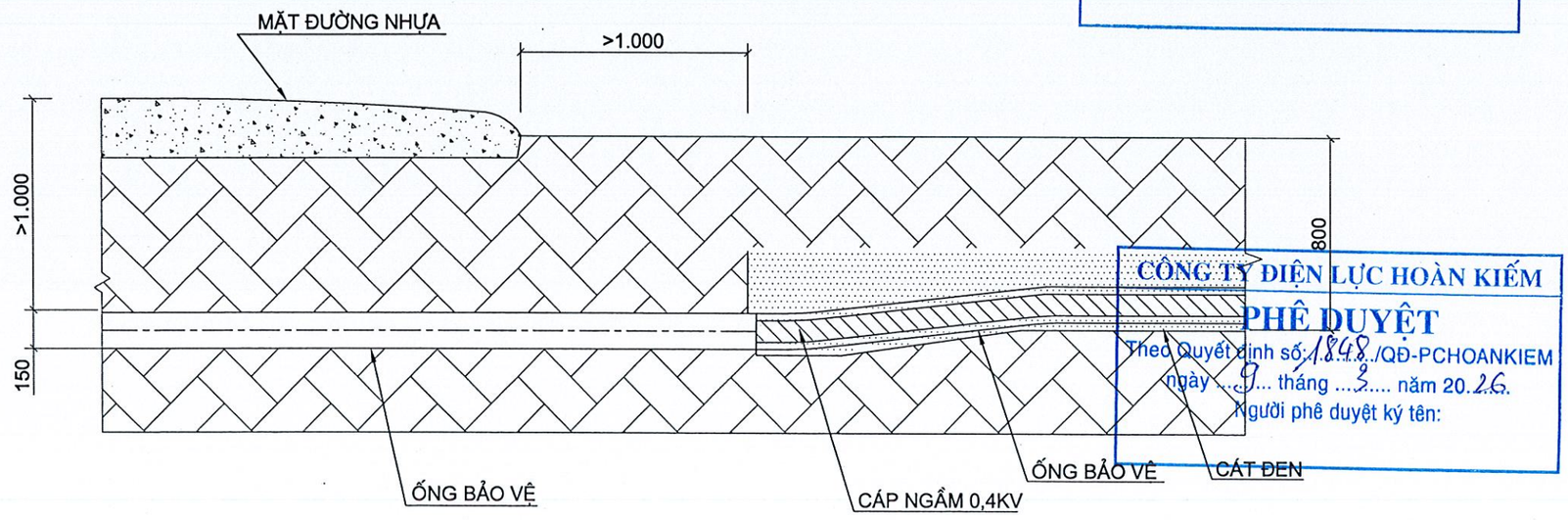
| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-19 |

## PHÍA CÓ RÃNH THOÁT NƯỚC




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1855/...BC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

## PHÍA KHÔNG CÓ RÃNH THOÁT NƯỚC




CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848/QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TỐ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

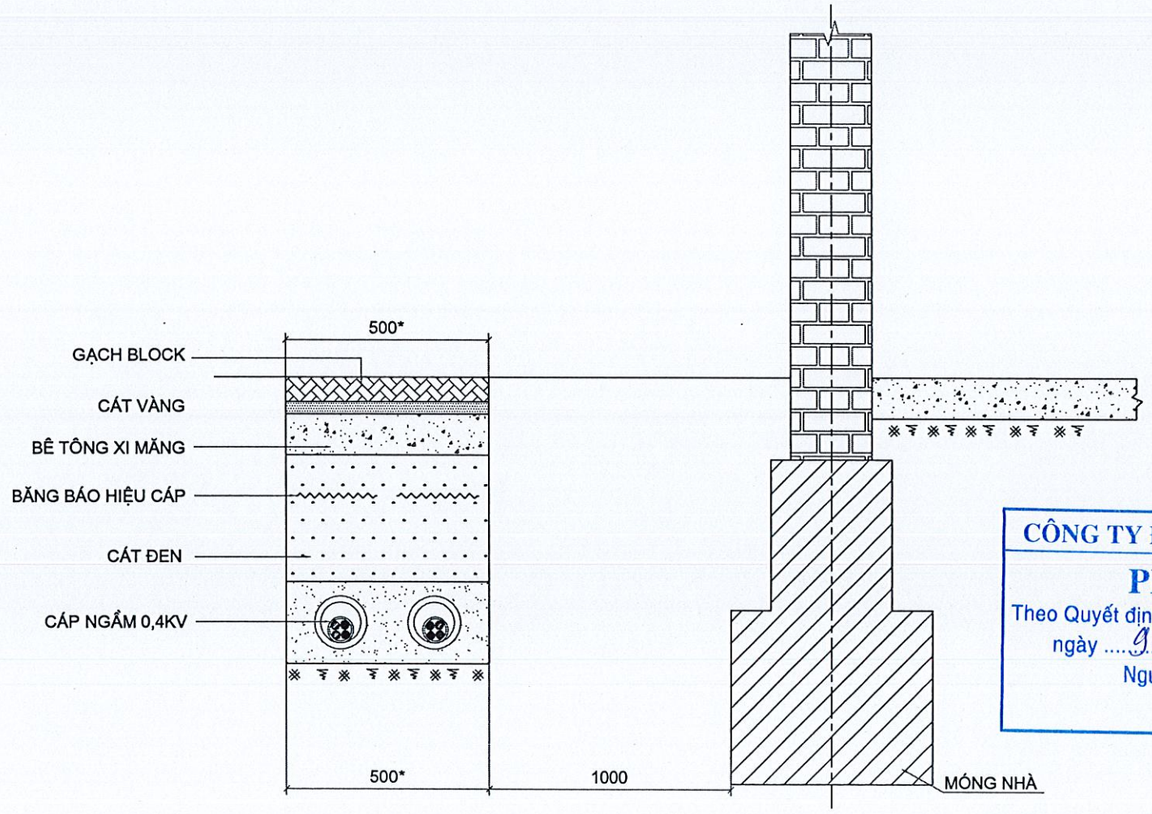
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ

CÁP NGẦM GIAO CHÉO ĐƯỜNG Ô TÔ

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-20 |




**GHI CHÚ:**

- KHÔNG ĐƯỢC PHÉP ĐẶT TUYẾN CÁP Ở DƯỚI CÁC TOÀ NHÀ

  HOẶC ĐI NGANG QUA TẦNG NGẦM CỦA CÁC TOÀ NHÀ

- CÁP ĐI CÁCH CHÂN CÔNG TRÌNH, MÓNG CÔNG TRÌNH, HÀO, TUYNEN TUÂN THEO QUY PHẠM TRANG BỊ ĐIỆN 2006

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**PHÊ DUYỆT**

Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

**THẨM ĐỊNH**

Theo văn bản số: 1878 /PC-PCHK

ngày 9 tháng 3 năm 2026

Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

ISO 9001:2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI**

**HAPEC**

ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

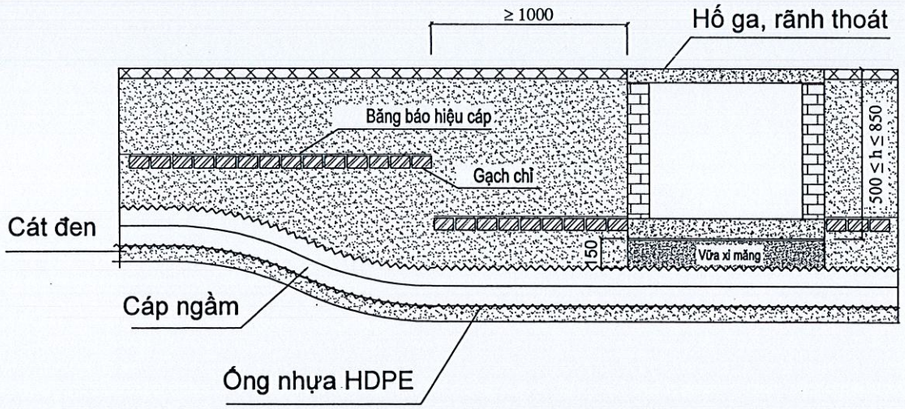
GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

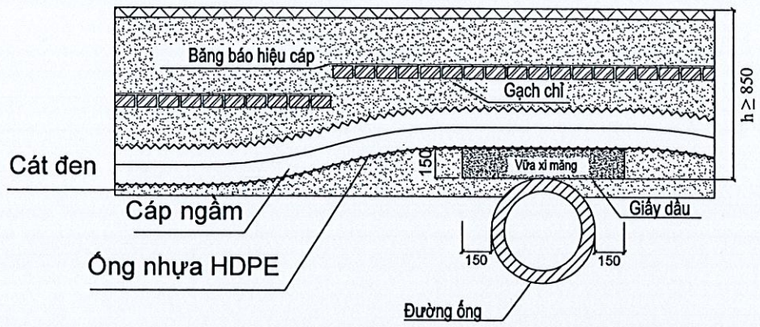
TÊN BẢN VẼ

CÁP NGẦM ĐI SONG SONG VỚI TƯỜNG NHÀ

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-21 |




PHƯƠNG THỨC CÁP ĐI DƯỚI HỐ GA, RÃNH THOÁT
ĐỘ SÂU ĐÁY ≤ 85cm



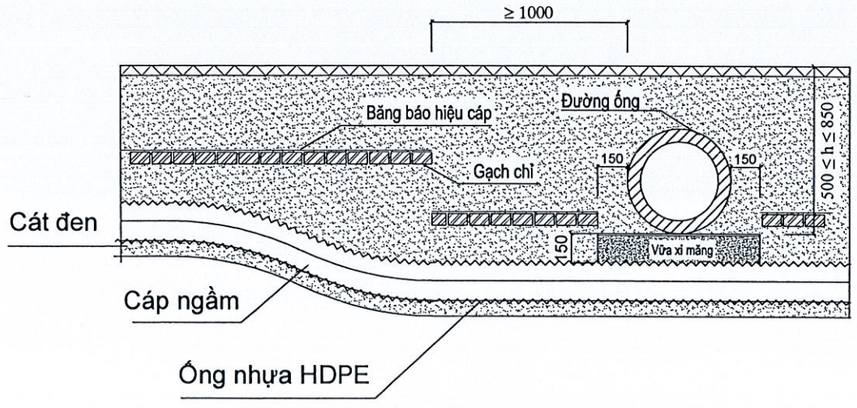

PHƯƠNG THỨC CÁP ĐI DƯỚI ĐƯỜNG ỐNG
ĐỘ SÂU MẶT ≥ 85cm

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 8 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

Ghi chú:

- Vữa xi măng được dùng chèn giữa bề mặt cấu kiện có sẵn và ống nhựa luồn cáp, sử dụng vữa M75.
- Với các trường hợp cáp luồn dưới cấu kiện, băng báo hiệu rải phía trên lớp vữa chèn.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1857 /TĐ-PCHK
ngày 9 tháng 8 năm 2026
Ký tên:




PHƯƠNG THỨC CÁP ĐI DƯỚI ĐƯỜNG ỐNG
ĐỘ SÂU ĐÁY ≤ 85cm

CHỦ ĐẦU TƯ
EVNHANOI
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

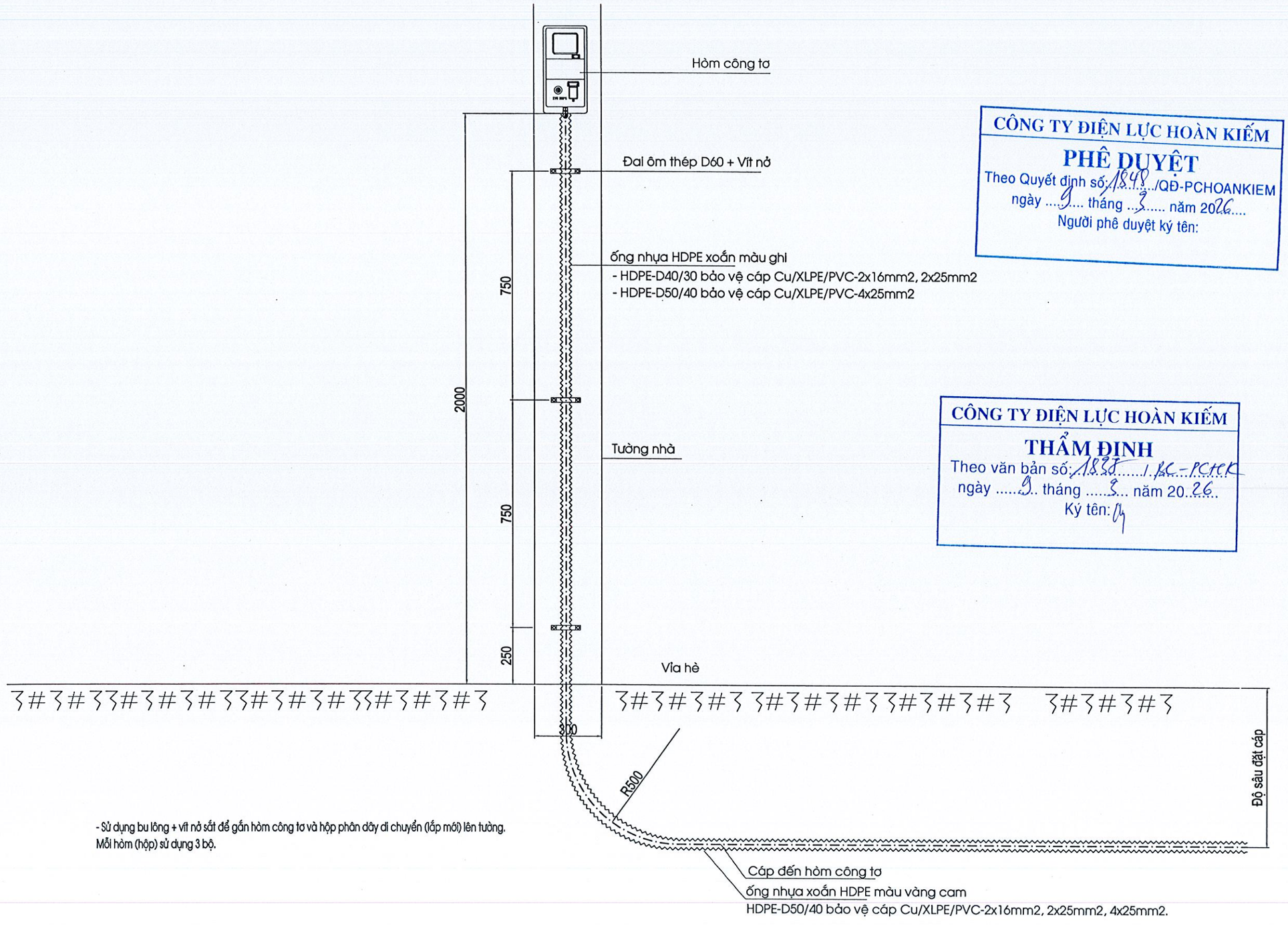
ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIẾN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
CÁP NGẦM QUA ỐNG CỐNG, HỐ GA, RÃNH THOÁT NƯỚC

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-22 |




- Sử dụng bu lông + vít nở sắt để gắn hòm công tơ và hộp phân dây di chuyển (lắp mới) lên tường. Mỗi hòm (hộp) sử dụng 3 bộ.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 1848 /QĐ-PCHOANKIEM
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Người phê duyệt ký tên:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM
THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 1838 /1.PC-PCHK
ngày 9 tháng 3 năm 2026
Ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM

TÊN CÔNG TRÌNH
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG
PHƯỜNG CỬA NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HẠNG MỤC
CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
ISO 9001:2018
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
HAPEC
ĐỊA CHỈ: 42 TÔ HIỆN THÀNH, PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| | |
|---|---|
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>PHẠM HUY HIỆU | |
| CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN<br>TẠ THỊ THANH HOA | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ ĐIỆN<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| CHỦ TRÌ THIẾT KẾ XD<br>ĐẶNG VĂN TÚ | |
| THIẾT KẾ<br>BÙI DUY HOÀNG | |
| | |
| | |

GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

TÊN BẢN VẼ
BỐ TRÍ CÁP LÊN TƯỜNG NHÀ DÂN

| | |
|---|---|
| PHÁT HÀNH | LẦN 1 |
| NĂM | 2026 |
| TỶ LỆ | |
| KÝ HIỆU | 19-26-HAPEC- CT-23 |

# CÁC BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG

**BẢNG TỔNG KÊ TUYẾN CÁP NGẦM HẠ THẾ**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Tên thiết bị, vật liệu | Quy cách - Mã hiệu | Đơn vị | Các ngõ trên địa bàn phường Cửa Nam | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng khối lượng | TBA Viện Dược Liệu | TBA Trung tâm thể dục thể thao | TBA Nhà Thờ -M2 | TBA Săm Lốp | TBA Bông Nhuộm | TBA Trường Việt Đức | TBA Vọng Đức | TBA Hàm Long 1 | TBA Đình Lễ 1 | TBA Tổng công ty Thực phẩm | TBA Phan Chu Trinh | |
| **I** | **Phần thiết bị** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Tủ Pillar 600V-400A 1MCCB 3P-400A, 2MCCB 3P-250A (1200x425x425) | PL | Tủ | **10.0** | - | - | 1.0 | 2.0 | - | 2.0 | 1.0 | 1.0 | - | 2.0 | 1.0 | |
| 2 | Trụ phân dây 600V-250A Kích thước (CxRxS):1400x250x170mm;11 lộ ra | TPD | Tủ | **2.0** | - | - | - | - | - | - | 1.0 | - | - | - | 1.0 | |
| **II** | **Phần vật liệu** | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| 1 | Cáp hạ áp-Cu-4x150mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2 | mét | **174.0** | - | 101.0 | - | - | - | - | - | 73.0 | - | - | - | |
| 2 | Cáp hạ áp-Cu-4x95mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2 | mét | **633.0** | 33.0 | - | - | 136.0 | - | 436.0 | 28.0 | - | - | - | - | |
| 3 | Cáp hạ áp-Cu-4x70mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x70mm2 | mét | **433.0** | - | 145.0 | - | 14.0 | - | 108.0 | 53.0 | - | - | 55.0 | 58.0 | |
| 4 | Cáp hạ áp-Cu-4x35mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x35mm2 | mét | **129.0** | 30.0 | - | - | - | 74.0 | 25.0 | - | - | - | - | - | |
| 5 | Cáp hạ áp-Cu-4x150mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE tận dụng (tháo từ cột, tường xuống đấu vào tủ Pillar hoặc lắp trong ống HDPE) | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2-td | mét | **4.0** | - | - | - | - | - | - | - | 4.0 | - | - | - | |
| 6 | Cáp hạ áp-Cu-4x95mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE tận dụng (tháo từ cột, tường xuống đấu vào tủ Pillar hoặc lắp trong ống HDPE) | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2-td | mét | **7.0** | - | - | 5.0 | - | - | - | - | - | - | 2.0 | - | |
| 7 | Cáp hạ áp-Cu-4x25mm2-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | mét | **173.0** | - | - | 22.0 | 79.0 | - | - | 54.0 | - | - | 13.0 | 5.0 | |
| 8 | Cáp hạ áp-Cu-2x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2 | mét | **989.0** | 16.0 | 123.0 | 89.0 | 199.0 | 43.0 | 226.0 | 88.0 | - | - | - | 205.0 | |
| 9 | Cáp hạ áp-Cu-2x16mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2 | mét | **2,265.0** | 30.0 | - | 308.0 | 358.0 | 17.0 | 861.0 | 246.0 | - | - | 221.0 | 224.0 | |
| 10 | Cáp hạ áp-Cu-4x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | mét | **32.0** | - | - | - | - | 2.0 | 10.0 | - | - | 20.0 | - | - | |
| 11 | Cáp hạ áp-Cu-1x10mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-1x10mm2 | mét | **502.0** | 46.0 | 71.0 | 22.0 | 42.0 | 59.0 | 176.0 | 26.0 | - | 4.0 | 11.0 | 45.0 | |
| 12 | Cáp hạ áp-Cu-1x25mm2-không giáp kim loại, cách điện XLPE | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-1x25mm2 | mét | **38.0** | - | - | 2.0 | 8.0 | 2.0 | 8.0 | 5.0 | - | 8.0 | 3.0 | 2.0 | |
| 13 | Hộp đầu cáp hạ áp Cu/4x150mm2 Co ngót lạnh - Kèm đầu cose đồng | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x150mm2 | Bộ | **10.0** | - | 4.0 | - | - | - | - | - | 6.0 | - | - | - | |
| 14 | Hộp đầu cáp hạ áp Cu/4x95mm2 Co ngót lạnh - Kèm đầu cose đồng | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x95mm2 | Bộ | **28.0** | 2.0 | - | 1.0 | 8.0 | - | 12.0 | 4.0 | - | - | 1.0 | - | |
| 15 | Hộp đầu cáp hạ áp Cu/4x70mm2 Co ngót lạnh - Kèm đầu cose đồng | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x70mm2 | Bộ | **29.0** | - | 10.0 | - | 2.0 | 1.0 | 4.0 | 2.0 | - | - | 4.0 | 6.0 | |
| 16 | Hộp phân dây/Composit không bao gồm đầu cốt | HPD | Hộp | **24.0** | 3.0 | 5.0 | - | 1.0 | 6.0 | 9.0 | - | - | - | - | - | |
| 17 | Hộp công tơ-1x1pha/1 MCB 1 cực-63A/Composit | H1CT 1f,ATM 63A | Hộp | **122.0** | 6.0 | - | 13.0 | 19.0 | 6.0 | 35.0 | 14.0 | - | 6.0 | 15.0 | 8.0 | |
| 18 | Hộp công tơ-2x1pha/2 MCB 1 cực-63A/Composit | H2CT 1f,ATM 63A | Hộp | **29.0** | - | 5.0 | 2.0 | 5.0 | 2.0 | 6.0 | 3.0 | - | - | - | 6.0 | |
| 19 | Hộp công tơ-4x1pha/4 MCB 1 cực-63A/Composit | H4CT 1f,ATM 63A | Hộp | **47.0** | 6.0 | 8.0 | 1.0 | 2.0 | 7.0 | 19.0 | 1.0 | - | - | - | 3.0 | |
| 20 | Hộp công tơ-1x3pha trực tiếp/PC-GF | H3f,ATM 100A | Hộp | **23.0** | - | - | 1.0 | 5.0 | 1.0 | 5.0 | 3.0 | - | 5.0 | 2.0 | 1.0 | |
| 21 | Tháo dỡ, lắp lại công tơ 1 pha | CT 1f-dc | Cái | **368.0** | 30.0 | 42.0 | 21.0 | 37.0 | 38.0 | 123.0 | 24.0 | - | 6.0 | 15.0 | 32.0 | Tính công tháo |
| 22 | Tháo dỡ, lắp lại công tơ 3 pha | CT 3f-dc | Cái | **23.0** | - | - | 1.0 | 5.0 | 1.0 | 5.0 | 3.0 | - | 5.0 | 2.0 | 1.0 | Tính công tháo |
| 23 | Khóa treo cầu 8 | K-08E | Cái | **20.0** | - | - | 2.0 | 4.0 | - | 4.0 | 2.0 | 2.0 | - | 4.0 | 2.0 | |
| 24 | Khóa treo cầu 6 | K-06E | Cái | **221.0** | 12.0 | 13.0 | 17.0 | 31.0 | 16.0 | 65.0 | 21.0 | - | 11.0 | 17.0 | 18.0 | |
| 25 | Đề can tên Khách hàng | ĐCKH | Cái | **391.0** | 30.0 | 42.0 | 22.0 | 42.0 | 39.0 | 128.0 | 27.0 | - | 11.0 | 17.0 | 33.0 | Dán trên HCT |
| 26 | Đầu cốt M16 | ĐC-M16 | Cái | **135.0** | 12.0 | - | 13.0 | 19.0 | 12.0 | 42.0 | 14.0 | - | - | 15.0 | 8.0 | |
| 27 | Đầu cốt M25 | ĐC-M25 | Cái | **190.0** | 12.0 | 26.0 | 7.0 | 21.0 | 22.0 | 63.0 | 7.0 | - | 20.0 | 2.0 | 10.0 | |
| 28 | Đầu cốt M35 | ĐC-M35 | Cái | **128.0** | 16.0 | - | 6.0 | 12.0 | 32.0 | 20.0 | 12.0 | 6.0 | - | 12.0 | 12.0 | |
| 29 | Dây đồng mềm nhiều sợi M35 | M35 | mét | **18.0** | - | - | 1.5 | 3.0 | - | 3.0 | 3.0 | 1.5 | - | 3.0 | 3.0 | |
| 30 | Ống nhựa xoắn màu vàng cam HDPE ĐK 130/100 | HDPE-F130/100 | mét | **156.0** | - | 92.0 | - | - | - | - | - | 64.0 | - | - | - | |
| 31 | Ống nhựa xoắn màu vàng cam HDPE ĐK 105/80 | HDPE-F105/80 | mét | **941.0** | 28.0 | 118.0 | 3.0 | 127.0 | - | 505.0 | 68.0 | - | - | 46.0 | 46.0 | |
| 32 | Ống nhựa xoắn màu vàng cam HDPE ĐK 50/40 | HDPE-F50/40 | mét | **2,459.0** | - | 23.0 | 336.0 | 486.0 | - | 827.0 | 287.0 | - | - | 152.0 | 348.0 | |

**BẢNG TỔNG KÊ TUYẾN CÁP NGẦM HẠ THẾ**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Tên thiết bị, vật liệu | Quy cách - Mã hiệu | Đơn vị | Các ngõ trên địa bàn phường Cửa Nam | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng khối lượng | TBA Viện Dược Liệu | TBA Trung tâm thể dục thể thao | TBA Nhà Thờ -M2 | TBA Săm Lốp | TBA Bông Nhuộm | TBA Trường Việt Đức | TBA Vọng Đức | TBA Hàm Long 1 | TBA Đình Lễ 1 | TBA Tổng công ty Thực phẩm | TBA Phan Chu Trinh | |
| 33 | Ống nhựa xoắn màu ghi HDPE ĐK 65/50 | HDPE-F65/50-G | mét | **156.0** | 33.0 | 15.0 | - | 3.0 | 74.0 | 31.0 | - | - | - | - | - | |
| 34 | Ống nhựa xoắn màu ghi HDPE ĐK 50/40 | HDPE-F50/40-G | mét | **57.0** | - | - | 3.0 | 15.0 | 1.0 | 5.0 | 9.0 | - | 15.0 | 6.0 | 3.0 | |
| 35 | Ống nhựa xoắn màu ghi HDPE ĐK 40/30 | HDPE-F40/30-G | mét | **617.0** | 34.0 | 89.0 | 48.0 | 78.0 | 45.0 | 173.0 | 54.0 | - | - | 45.0 | 51.0 | |
| 36 | Bulong + vít nở sắt (treo hộp công tơ) | BL-8x70 | Cái | **980.0** | 60.0 | 72.0 | 68.0 | 128.0 | 88.0 | 296.0 | 84.0 | - | 44.0 | 68.0 | 72.0 | |
| 37 | Đai thép lên tường, vít nở | ĐT+VN | Bộ | **741.0** | 55.0 | 88.0 | 51.0 | 95.0 | 99.0 | 175.0 | 63.0 | - | 10.0 | 51.0 | 54.0 | |
| 38 | Biển cảnh báo liên thông | BCB-LT | Cái | **4.0** | - | 2.0 | - | - | - | 2.0 | - | - | - | - | - | |
| 39 | Biển tên hộp phân dây | BTHPD | Cái | **24.0** | 3.0 | 5.0 | - | 1.0 | 6.0 | 9.0 | - | - | - | - | - | |
| 40 | Biển đầu cáp | BĐC | Cái | **84.0** | 6.0 | 14.0 | 2.0 | 10.0 | 8.0 | 18.0 | 6.0 | 8.0 | - | 6.0 | 6.0 | |
| 41 | Biển sơ đồ 1 sợi | BSĐ | Cái | **12.0** | - | - | 1.0 | 2.0 | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 2.0 | 2.0 | |
| 42 | Biển tên tủ | BTTu | Cái | **12.0** | - | - | 1.0 | 2.0 | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 2.0 | 2.0 | |
| 43 | Thẻ tên cáp | TTC | Cái | **430.0** | 24.0 | 26.0 | 34.0 | 62.0 | 32.0 | 130.0 | 42.0 | - | 10.0 | 34.0 | 36.0 | |
| 44 | Băng dính cách điện hạ thế | B-CĐHT | Cuộn | **48.0** | 3.0 | 5.0 | 2.0 | 5.0 | 6.0 | 13.0 | 4.0 | 2.0 | - | 4.0 | 4.0 | |
| 45 | Cọc tiếp địa L63x63x6, dài 2,5m | L63x63x6 | cọc | **12.0** | - | - | 1.0 | 2.0 | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 2.0 | 2.0 | |
| 46 | Thép dẹt 25x4 | TĐ-25x4 | mét | **72.0** | - | - | 6.0 | 12.0 | - | 12.0 | 12.0 | 6.0 | - | 12.0 | 12.0 | |
| 47 | Bệ tủ Pillar xây loại 425x425 | BX-PL-425x425 | Bệ | **10.0** | - | - | 1.0 | 2.0 | - | 2.0 | 1.0 | 1.0 | - | 2.0 | 1.0 | |
| 48 | Bệ trụ phân dây xây loại 250x170 | BX-TPD-250x170 | Bệ | **2.0** | - | - | - | - | - | - | 1.0 | - | - | - | 1.0 | |
| 49 | Ống co ngót D150 | OCN-4x150 | mét | **12.0** | - | 5.0 | - | - | - | - | - | 7.0 | - | - | - | |
| 50 | Ống co ngót D95 | OCN-4x95 | mét | **33.0** | 2.0 | - | 1.0 | 10.0 | - | 14.0 | 5.0 | - | - | 1.0 | - | |
| 51 | Ống co ngót D70 | OCN-4x70 | mét | **33.0** | - | 12.0 | - | 2.0 | - | 5.0 | 2.0 | - | - | 5.0 | 7.0 | |
| 52 | Ống co ngót D35 | OCN-4x35 | mét | **17.0** | 5.0 | - | - | - | 10.0 | 2.0 | - | - | - | - | - | |
| 53 | Ống co ngót D25 | OCN-2x25,4x25 | mét | **146.0** | 7.0 | 16.0 | 6.0 | 20.0 | 13.0 | 42.0 | 12.0 | - | 12.0 | 5.0 | 13.0 | |
| 54 | Ống co ngót D16 | OCN-2x16 | mét | **70.0** | 4.0 | - | 8.0 | 11.0 | 4.0 | 21.0 | 8.0 | - | - | 9.0 | 5.0 | |
| 55 | Keo bọt nở bịt đầu ống (750ml/chai) | KB | Chai | **52.0** | 3.0 | 4.0 | 4.0 | 7.0 | 4.0 | 15.0 | 5.0 | 1.0 | 1.0 | 4.0 | 4.0 | |
| 56 | Mốc báo cáp ngầm bằng sứ | MBC-S | Cái | **112.0** | 6.0 | 20.0 | 4.0 | 20.0 | - | 21.0 | 22.0 | 3.0 | - | 4.0 | 12.0 | |
| 57 | Mốc báo cáp ngầm bằng gang | MBC-G | Cái | **89.0** | - | - | 10.0 | 14.0 | - | 43.0 | - | 4.0 | - | 11.0 | 7.0 | |
| 58 | Cát vàng | catvang | m3 | **0.180** | - | - | 0.018 | 0.036 | - | 0.036 | 0.018 | 0.018 | - | 0.036 | 0.018 | |
| 59 | Mặt cắt hào cáp đường BTXM cũ | | | **-** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt001 | mét | **82.0** | - | - | 13.5 | 7.5 | - | 44.0 | - | - | - | 11.5 | 5.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt002 | mét | **24.0** | - | - | 2.5 | 13.0 | - | 3.0 | - | - | - | 5.5 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt003 | mét | **9.0** | - | - | 1.5 | - | - | - | - | - | - | 3.5 | 4.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt004 | mét | **13.0** | - | - | - | 6.5 | - | - | - | - | - | 6.5 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt005 | mét | **19.0** | - | - | 9.5 | 3.5 | - | - | - | - | - | 6.0 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt006 | mét | **5.5** | - | - | 5.5 | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt007 | mét | **5.0** | - | - | 2.0 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0013 | mét | **2.0** | - | - | 2.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0014 | mét | **7.0** | - | - | 7.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0015 | mét | **1.5** | - | - | 1.5 | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt010 | mét | **8.5** | - | - | - | 0.5 | - | 8.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt011 | mét | **8.0** | - | - | 1.5 | - | - | 3.5 | - | - | - | - | 3.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt012 | mét | **8.0** | - | - | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | 3.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt014 | mét | **3.5** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 3.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt015 | mét | **6.5** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 6.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt016 | mét | **3.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 3.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt017 | mét | **3.5** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 3.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0116 | mét | **1.0** | - | - | 1.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt020 | mét | **63.5** | - | - | - | 15.0 | - | 38.0 | - | - | - | 8.5 | 2.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt021 | mét | **9.5** | - | - | - | - | - | 4.0 | - | - | - | 5.5 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt022 | mét | **8.0** | - | - | - | - | - | 5.0 | - | - | - | 3.0 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt023 | mét | **11.5** | - | - | - | - | - | 11.5 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt024 | mét | **18.5** | - | - | - | - | - | 18.5 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt025 | mét | **4.5** | - | - | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt026 | mét | **9.0** | - | - | - | - | - | 9.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt027 | mét | **15.0** | - | - | - | 5.0 | - | 10.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt028 | mét | **10.5** | - | - | - | - | - | 10.0 | - | - | - | 0.5 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt029 | mét | **9.0** | - | - | - | - | - | 9.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0210 | mét | **1.0** | - | - | - | - | - | 1.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0211 | mét | **11.5** | - | - | - | 3.0 | - | 8.5 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt200 | mét | **17.0** | - | - | - | - | - | - | - | 17.0 | - | - | - | |

**BẢNG TỔNG KÊ TUYẾN CÁP NGẦM HẠ THẾ**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Tên thiết bị, vật liệu | Quy cách - Mã hiệu | Đơn vị | Các ngõ trên địa bàn phường Cửa Nam | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng khối lượng | TBA Viện Dược Liệu | TBA Trung tâm thể dục thể thao | TBA Nhà Thờ -M2 | TBA Săm Lốp | TBA Bông Nhuộm | TBA Trường Việt Đức | TBA Vọng Đức | TBA Hàm Long 1 | TBA Đinh Lễ 1 | TBA Tổng công ty Thực phẩm | TBA Phan Chu Trinh | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt030 | mét | **8.5** | - | - | - | 8.5 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt033 | mét | **2.0** | - | - | - | - | - | 2.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt034 | mét | **6.0** | - | - | - | - | - | 6.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt036 | mét | **4.5** | - | - | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0417 | mét | **1.0** | - | - | - | - | - | 1.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mbt0518 | mét | **5.5** | - | - | - | - | - | 5.5 | - | - | - | - | - | |
| 60 | Mặt cắt hào cáp gạch Terazo 40x40 | | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr001 | mét | **32.5** | - | - | - | - | - | - | 32.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr002 | mét | **17.0** | - | - | - | - | - | - | 17.0 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr003 | mét | **1.5** | - | - | - | - | - | - | 1.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr010 | mét | **5.5** | - | - | - | - | - | - | 5.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr011 | mét | **6.5** | - | - | - | - | - | - | 6.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr013 | mét | **4.0** | - | - | - | - | - | - | 4.0 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr014 | mét | **4.5** | - | - | - | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr015 | mét | **10.5** | - | - | - | - | - | - | 10.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr016 | mét | **4.5** | - | - | - | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr017 | mét | **8.5** | - | - | - | - | - | - | 8.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr019 | mét | **3.5** | - | - | - | - | - | - | 3.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr020 | mét | **3.0** | - | - | - | - | - | - | 3.0 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mtr039 | mét | **1.0** | - | - | - | - | - | - | 1.0 | - | - | - | - | |
| 61 | Mặt cắt hào cáp vỉa hè đá xẻ | | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md001 | mét | **2.0** | - | 2.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md010 | mét | **40.0** | 9.0 | 1.0 | - | - | - | 30.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md020 | mét | **20.0** | - | - | - | 6.0 | - | 8.5 | 5.5 | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md030 | mét | **33.0** | - | - | - | - | - | 33.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md200 | mét | **21.0** | - | 21.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md201 | mét | **8.5** | - | 8.5 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md202 | mét | **5.0** | - | 5.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | md210 | mét | **11.5** | - | 11.5 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| 62 | Mặt cắt hào cáp vỉa hè gạch đỏ | | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd001 | mét | **66.5** | - | - | 4.0 | 33.0 | - | 10.0 | - | - | - | 6.5 | 13.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd0010 | mét | **1.0** | - | - | - | 1.0 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd0012 | mét | **4.5** | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd0013 | mét | **1.0** | - | - | - | 1.0 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd002 | mét | **28.5** | - | - | 8.0 | 11.5 | - | 4.0 | - | - | - | 1.5 | 3.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd003 | mét | **18.0** | - | - | 0.5 | 7.0 | - | 4.5 | - | - | - | 2.0 | 4.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd004 | mét | **11.5** | - | - | 3.0 | 1.0 | - | 5.5 | - | - | - | 2.0 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd005 | mét | **9.5** | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | - | 1.0 | 4.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd006 | mét | **5.5** | - | - | - | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 3.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd007 | mét | **17.0** | - | - | 3.0 | 1.5 | - | - | - | - | - | - | 12.5 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd009 | mét | **4.5** | - | - | - | 4.5 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd010 | mét | **41.5** | 19.0 | 18.5 | - | - | - | - | - | - | - | - | 4.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd011 | mét | **2.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd013 | mét | **6.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 6.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd017 | mét | **5.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 5.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd018 | mét | **2.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2.0 | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd020 | mét | **27.0** | - | 13.0 | - | 7.0 | - | 7.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd021 | mét | **4.0** | - | - | - | 4.0 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd0219 | mét | **1.5** | - | - | - | 1.5 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd023 | mét | **6.5** | - | - | - | 1.5 | - | - | - | - | - | 5.0 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd024 | mét | **1.0** | - | - | - | - | - | 1.0 | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd025 | mét | **5.5** | - | - | - | 5.5 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd026 | mét | **2.0** | - | - | - | 2.0 | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd028 | mét | **0.5** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 0.5 | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd030 | mét | **1.0** | - | 1.0 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd040 | mét | **14.5** | - | 14.5 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | |
| | Loại hào cáp hạ thế | mgd200 | mét | **15.0** | - | - | - | - | - | - | - | 15.0 | - | - | - | |

**BẢNG TỔNG KÊ TUYẾN CÁP NGẦM HẠ THẾ**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Tên thiết bị, vật liệu | Quy cách - Mã hiệu | Đơn vị | Các ngõ trên địa bàn phường Cửa Nam | | | | | | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Tổng khối lượng | TBA Viện Dược Liệu | TBA Trung tâm thể dục thể thao | TBA Nhà Thờ -M2 | TBA Săm Lốp | TBA Bông Nhuộm | TBA Trường Việt Đức | TBA Vọng Đức | TBA Hàm Long 1 | TBA Đinh Lễ 1 | TBA Tổng công ty Thực phẩm | TBA Phan Chu Trinh | |
| 63 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-4x150mm2 lên cột, lên tường | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2-lc | mét | **23.0** | - | 9.2 | - | - | - | - | - | 13.8 | - | - | - | |
| 64 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-4x95mm2 lên cột, lên tường | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2-lc | mét | **65.1** | 5.3 | - | 2.3 | 18.4 | - | 27.6 | 9.2 | - | - | 2.3 | - | |
| 65 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-4x70mm2 lên cột, lên tường | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x70mm2-lc | mét | **68.4** | - | 26.5 | - | 5.3 | - | 10.6 | 4.6 | - | - | 9.2 | 12.2 | |
| 66 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-4x35mm2 treo tường | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x35mm2-tt | mét | **129.0** | 30.0 | - | - | - | 74.0 | 25.0 | - | - | - | - | - | |
| 67 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-4x25mm2 lên cột, lên tường | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2-lc | mét | **57.6** | - | - | 4.8 | 24.0 | - | - | 14.4 | - | - | 9.6 | 4.8 | |
| 68 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-2x25mm2 lên cột, lên tường | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2-lc | mét | **156.0** | - | 12.0 | 14.4 | 33.6 | - | 33.6 | 19.2 | - | - | - | 43.2 | |
| 69 | Lắp đặt cáp Cu-0.6/1kV-2x16mm2 lên cột, lên tường | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2-lc | mét | **467.6** | - | - | 64.4 | 91.2 | - | 134.4 | 67.2 | - | - | 72.0 | 38.4 | |

**BẢNG KÊ THIẾT BỊ, VẬT TƯ TUYẾN CÁP NGẦM HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Tên thiết bị, vật tư | Tủ Pillar 400-600V 1MCCB 3P-400A, 2MCCB 3P-250A (1200x425x425) | Trụ phân dây (1400x250x170) | Bệ tủ Pillar xây (425x425) | Bệ trụ phân dây xây (250x170) | Hộp phân dây | Biển tên HPD | Biển sơ đồ 1 sợi | Biển tên tủ | Tiếp địa tủ Pilar, trụ phân dây | | | | Hộp công tơ lắp mới (thay thế) | | | | Công tơ di chuyển | | Dây đấu nối trong Hộp công tơ | | Khóa treo cầu 8 | Khóa treo cầu 6 | Bulong + vít nở sắt (treo hộp công tơ) | Đề can tên khách hàng | Cát vàng | Băng dính cách điện hạ thế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ký hiệu | PL | TPD | BX-PL-425x425 | BX-TPD-250x170 | HPD | BTHPD | BSĐ | BTTu | L63x63x6 | TĐ-25x4 | M35 | ĐC-M35 | H1CT 1f,ATM 63A | H2CT 1f,ATM 63A | H4CT 1f,ATM 63A | H3f,ATM 100A | CT 1f-dc | CT 3f-dc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-1x10mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-1x25mm2 | K-08E | K-06E | BL-8x70 | ĐCKH | Catvang | B-CĐHT |
| **TBA Viện Dược Liệu** | | - | - | - | - | 3.0 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 6.0 | - | 6.0 | - | 30.0 | - | 46.0 | - | - | 12.0 | 60.0 | 30.0 | - | 3.0 |
| I | Tập thể 37 Hai Bà Trưng | - | - | - | - | 3.0 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 6.0 | - | 6.0 | - | 30.0 | - | 46.2 | - | - | 12.0 | 60.0 | 30.0 | - | 3.0 |
| | HPD1 (tầng 1) | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD2 (tầng 2) | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD3 (tầng 3) | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 6.0 | - | 6.0 | - | 30.0 | - | 46.20 | - | | 12.0 | 48.0 | 30.0 | - | |
| **TBA Trung tâm thể dục thể thao** | | - | - | - | - | 5.0 | 5.0 | - | - | - | - | - | - | - | 5.0 | 8.0 | - | 42.0 | - | 71.0 | - | - | 13.0 | 72.0 | 42.0 | - | 5.0 |
| I | Ngõ 2B Quang Trung | - | - | - | - | 5.0 | 5.0 | - | - | - | - | - | - | - | 5.0 | 8.0 | - | 42.0 | - | 71.0 | - | - | 13.0 | 72.0 | 42.0 | - | 5.0 |
| | HPD1 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD2 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD3 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD4 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD5 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | - | 5.0 | 8.0 | - | 42.0 | - | 71.00 | - | | 13.0 | 52.0 | 42.0 | - | |
| **TBA Nhà Thờ -M2** | | 1.0 | - | 1.0 | - | - | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | 13.0 | 2.0 | 1.0 | 1.0 | 21.0 | 1.0 | 22.0 | 2.0 | 2.0 | 17.0 | 68.0 | 22.0 | 0.018 | 2.0 |
| I | Ngõ 39C Lý Quốc Sư | 1.0 | - | 1.0 | - | - | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | 13.0 | 2.0 | 1.0 | 1.0 | 21.0 | 1.0 | 22.1 | 1.5 | 2.0 | 17.0 | 68.0 | 22.0 | 0.018 | 2.0 |
| | NT2-PL1.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 13.0 | 2.0 | 1.0 | 1.0 | 21.0 | 1.0 | 22.10 | 1.5 | | 17.0 | 68.0 | 22.0 | - | |
| **TBA Săm Lốp** | | 2.0 | - | 2.0 | - | 1.0 | 1.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 12.0 | 3.0 | 12.0 | 19.0 | 5.0 | 2.0 | 5.0 | 37.0 | 5.0 | 42.0 | 8.0 | 4.0 | 31.0 | 128.0 | 42.0 | 0.036 | 5.0 |
| I | Ngõ 1A Đặng Thái Thân | 2.0 | - | 2.0 | - | 1.0 | 1.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 12.0 | 3.0 | 12.0 | 19.0 | 5.0 | 2.0 | 5.0 | 37.0 | 5.0 | 42.3 | 7.5 | 4.0 | 31.0 | 128.0 | 42.0 | 0.036 | 5.0 |
| | SL-PL3.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | SL-PL3.2 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | HPD (nhà tập thể) | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 19.0 | 5.0 | 2.0 | 5.0 | 37.0 | 5.0 | 42.30 | 7.5 | | 31.0 | 124.0 | 42.0 | - | |
| **TBA Bông Nhuộm** | | - | - | - | - | 6.0 | 6.0 | - | - | - | - | - | - | 6.0 | 2.0 | 7.0 | 1.0 | 38.0 | 1.0 | 59.0 | 2.0 | - | 16.0 | 88.0 | 39.0 | - | 6.0 |
| I | Ngõ 51 Thợ Nhuộm | - | - | - | - | 3.0 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 1.0 | 4.0 | 1.0 | 19.0 | 1.0 | 31.7 | 1.5 | - | 7.0 | 40.0 | 20.0 | - | 3.0 |
| | HPD1 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD2 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD3 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 1.0 | 1.0 | 4.0 | 1.0 | 19.0 | 1.0 | 31.70 | 1.5 | | 7.0 | 28.0 | 20.0 | - | |
| II | Ngõ 57 Thợ Nhuộm | - | - | - | - | 3.0 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 5.0 | 1.0 | 3.0 | - | 19.0 | - | 27.5 | - | - | 9.0 | 48.0 | 19.0 | - | 3.0 |
| | HPD1 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD2 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD3 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 5.0 | 1.0 | 3.0 | - | 19.0 | - | 27.50 | - | | 9.0 | 36.0 | 19.0 | - | |
| **TBA Trường Việt Đức** | | 2.0 | - | 2.0 | - | 9.0 | 9.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 12.0 | 3.0 | 12.0 | 35.0 | 6.0 | 19.0 | 5.0 | 123.0 | 5.0 | 176.0 | 8.0 | 4.0 | 65.0 | 296.0 | 128.0 | 0.036 | 13.0 |
| I | Tập thể số 5 Quang Trung | 2.0 | - | 2.0 | - | 9.0 | 9.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 12.0 | 3.0 | 12.0 | 35.0 | 6.0 | 19.0 | 5.0 | 123.0 | 5.0 | 175.5 | 7.5 | 4.0 | 65.0 | 296.0 | 128.0 | 0.036 | 13.0 |
| | TVĐ-PL5.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | TVĐ-PL3.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | HPD1 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD2 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD3 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD4 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD5 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD6 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD7 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD8 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | HPD9 | | | | | 1.0 | 1.0 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4.0 | | - | 1.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 35.0 | 6.0 | 19.0 | 5.0 | 123.0 | 5.0 | 175.50 | 7.5 | | 65.0 | 260.0 | 128.0 | - | |
| **TBA Vọng Đức** | | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 1.0 | - | - | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 12.0 | 3.0 | 12.0 | 14.0 | 3.0 | 1.0 | 3.0 | 24.0 | 3.0 | 26.0 | 5.0 | 2.0 | 21.0 | 84.0 | 27.0 | 0.018 | 4.0 |
| I | Ngõ 7 Vọng Đức | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 1.0 | - | - | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 12.0 | 3.0 | 12.0 | 14.0 | 3.0 | 1.0 | 3.0 | 24.0 | 3.0 | 25.8 | 4.5 | 2.0 | 21.0 | 84.0 | 27.0 | 0.018 | 4.0 |

**BẢNG KÊ THIẾT BỊ, VẬT TƯ TUYẾN CÁP NGẦM HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Tên thiết bị, vật tư | Tủ Pillar 400-600V 1MCCB 3P-400A, 2MCCB 3P-250A (1200x425x425) | Trụ phân dây (1400x250x170) | Bệ tủ Pillar xây (425x425) | Bệ trụ phân dây xây (250x170) | Hộp phân dây | Biển tên HPD | Biển sơ đồ 1 sợi | Biển tên tủ | Tiếp địa tủ Pilar, trụ phân dây | | | | Hộp công tơ lắp mới (thay thế) | | | | Công tơ di chuyển | | Dây đấu nối trong Hộp công tơ | | Khóa treo cầu 8 | Khóa treo cầu 6 | Bulong + vít nở sắt (treo hộp công tơ) | Đề can tên khách hàng | Cát vàng | Băng dính cách điện hạ thế |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ký hiệu | PL | TPD | BX-PL-425x425 | BX-TPD-250x170 | HPD | BTHPD | BSĐ | BTTu | L63x63x6 | TĐ-25x4 | M35 | ĐC-M35 | H1CT 1f,ATM 63A | H2CT 1f,ATM 63A | H4CT 1f,ATM 63A | H3f,ATM 100A | CT 1f-dc | CT 3f-dc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-1x10mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-1x25mm2 | K-08E | K-06E | BL-8x70 | ĐCKH | Catvang | B-CĐHT |
| | VĐ-PL2.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | VĐ-TPD2.1 | | 1.0 | | 1.0 | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | | | | | | - | 2.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 14.0 | 3.0 | 1.0 | 3.0 | 24.0 | 3.0 | 25.80 | 4.5 | | 21.0 | 84.0 | 27.0 | - | |
| **TBA Hàm Long 1** | | **1.0** | **-** | **1.0** | **-** | **-** | **-** | **1.0** | **1.0** | **1.0** | **6.0** | **1.5** | **6.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.0** | **-** | **-** | **-** | **0.018** | **2.0** |
| **I** | **Ngõ 57 Hàm Long** | **1.0** | **-** | **1.0** | **-** | **-** | **-** | **1.0** | **1.0** | **1.0** | **6.0** | **1.5** | **6.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.0** | **-** | **-** | **-** | **0.018** | **2.0** |
| | HL1-PL1.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | - | - | - | - | |
| **TBA Đình Lễ 1** | | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **6.0** | **-** | **-** | **5.0** | **6.0** | **5.0** | **4.0** | **8.0** | **-** | **11.0** | **44.0** | **11.0** | **-** | **-** |
| **I** | **Ngõ 39 Tràng Tiền** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **6.0** | **-** | **-** | **-** | **6.0** | **-** | **4.2** | **-** | **-** | **6.0** | **24.0** | **6.0** | **-** | **-** |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 6.0 | - | - | - | 6.0 | - | 4.20 | - | | 6.0 | 24.0 | 6.0 | - | |
| **II** | **Ngõ 57 Tràng Tiền** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **5.0** | **-** | **5.0** | **-** | **7.5** | **-** | **5.0** | **20.0** | **5.0** | **-** | **-** |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | - | - | - | 5.0 | - | 5.0 | - | 7.5 | | 5.0 | 20.0 | 5.0 | - | |
| **TBA Tổng công ty Thực phẩm** | | **2.0** | **-** | **2.0** | **-** | **-** | **-** | **2.0** | **2.0** | **2.0** | **12.0** | **3.0** | **12.0** | **15.0** | **-** | **-** | **2.0** | **15.0** | **2.0** | **11.0** | **3.0** | **4.0** | **17.0** | **68.0** | **17.0** | **0.036** | **4.0** |
| **I** | **Ngõ 18B Tông Đản** | **2.0** | **-** | **2.0** | **-** | **-** | **-** | **2.0** | **2.0** | **2.0** | **12.0** | **3.0** | **12.0** | **15.0** | **-** | **-** | **2.0** | **15.0** | **2.0** | **10.5** | **3.0** | **4.0** | **17.0** | **68.0** | **17.0** | **0.036** | **4.0** |
| | TCTTP-PL1.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | TCTTP-PL1.2 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 15.0 | - | - | 2.0 | 15.0 | 2.0 | 10.50 | 3.0 | | 17.0 | 68.0 | 17.0 | - | |
| **TBA Phan Chu Trinh** | | **1.0** | **1.0** | **1.0** | **1.0** | **-** | **-** | **2.0** | **2.0** | **2.0** | **12.0** | **3.0** | **12.0** | **8.0** | **6.0** | **3.0** | **1.0** | **32.0** | **1.0** | **45.0** | **2.0** | **2.0** | **18.0** | **72.0** | **33.0** | **0.018** | **4.0** |
| **I** | **Ngõ 23 Phan Chu Trinh** | **1.0** | **1.0** | **1.0** | **1.0** | **-** | **-** | **2.0** | **2.0** | **2.0** | **12.0** | **3.0** | **12.0** | **8.0** | **6.0** | **3.0** | **1.0** | **32.0** | **1.0** | **44.6** | **1.5** | **2.0** | **18.0** | **72.0** | **33.0** | **0.018** | **4.0** |
| | PCT-PL1.1 | 1.0 | | 1.0 | | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | 2.0 | | | | 0.018 | 2.0 |
| | PCT-TPD1.1 | | 1.0 | | 1.0 | | - | 1.0 | 1.0 | 1.0 | 6.0 | 1.5 | 6.0 | | | | | | | | | | | | | - | 2.0 |
| | Thay thế, lắp đặt hộp công tơ lên tường | | | | | | | | | | | | | 8.0 | 6.0 | 3.0 | 1.0 | 32.0 | 1.0 | 44.60 | 1.5 | | 18.0 | 72.0 | 33.0 | - | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | **10.0** | **2.0** | **10.0** | **2.0** | **24.0** | **24.0** | **12.0** | **12.0** | **12.0** | **72.0** | **18.0** | **72.0** | **122.0** | **29.0** | **47.0** | **23.0** | **368.0** | **23.0** | **502.0** | **38.0** | **20.0** | **221.0** | **980.0** | **391.0** | **0.180** | **48.0** |

## BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ SAU CẢI TẠO

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | | Chiều dài cáp treo tường (m) | Cáp lên cột, tủ | | | Chiều dài ống lên (m) | Cáp hạ thế | | | Ống nhựa HDPE | | | Cáp hạ thế lắp mới | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Địa chỉ | | TBA | Pillar | TPD | HPD | 4x35 | 4x150 | 4x95 | 4x70 | HPD | | | | | | | 4x150 | 4x95 | 4x70 | 4x35 |
| | | | | | 2.3 | 2.3 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x35mm2-tt | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2-lc | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2-lc | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x70mm2-lc | 3.0 | | | | KB | | | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x70mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x35mm2 |
| **A** | **TBA Viện Dược Liệu** | | **58.0** | **-** | **2.3** | **-** | **3.0** | **30.0** | **-** | **5.3** | **-** | **3.0** | **3.0** | **-** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **-** | **33.0** | **-** | **30.0** |
| **I** | **Tập thể 37 Hai Bà Trưng** | | **58.0** | **-** | **2.3** | **-** | **3.0** | **30.0** | **-** | **5.3** | **-** | **3.0** | **3** | | | **3** | | | **-** | **33.3** | **-** | **30.0** |
| | VDL-PL2 | HPD1 (tầng 1) | 28.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | 5.3 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x95 | 1 | ống | F105/80 | - | 33.3 | - | - |
| | HPD1 (tầng 1) | HPD2 (tầng 2) | 10.0 | | | | | 10.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 10.0 |
| | HPD1 (tầng 1) | HPD3 (tầng 3) | 20.0 | | | | | 20.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 20.0 |
| **B** | **TBA Trung tâm thể dục thể thao** | | **164.0** | **-** | **16.1** | **-** | **15.0** | **-** | **9.2** | **-** | **26.5** | **15.0** | **7.0** | **-** | **-** | **7.0** | **-** | **-** | **101.0** | **-** | **145.0** | **-** |
| **I** | **Ngõ 2B Quang Trung** | | **164.0** | **-** | **16.1** | **-** | **15.0** | **-** | **9.2** | **-** | **26.5** | **15.0** | **7** | **-** | **-** | **7** | **-** | | **101.2** | **-** | **144.5** | **-** |
| | TDTT-PLSN2B | HPD1 | 17.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 22.3 | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD2 | 17.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 22.3 | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD3 | 30.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 35.3 | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD4 | 41.5 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 46.8 | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD5 | 12.5 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 17.8 | - |
| | TDTT-PLSN2B | VDL-PL5 (liên thông) | 46.0 | | 4.6 | | | - | 9.2 | - | - | - | 2 | sợi | 4x150 | 2 | ống | F130/100 | 101.2 | - | - | - |
| **C** | **TBA Nhà Thờ -M2** | | **2.5** | **-** | **2.3** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.3** | **-** | **-** | **1.0** | **-** | **-** | **1.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| **I** | **Ngõ 39C Lý Quốc Sư** | | **2.5** | **-** | **2.3** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.3** | **-** | **-** | **1** | **-** | **-** | **1** | **-** | | **-** | **-** | **-** | **-** |
| | NT2-PL | NT2-PL1.1 | 2.5 | | 2.3 | | | - | - | 2.3 | - | - | 1 | sợi | 4x95 | 1 | ống | F105/80 | - | | - | - |
| **D** | **TBA Săm Lốp** | | **68.0** | **-** | **11.5** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **18.4** | **5.3** | **3.0** | **5.0** | **-** | **-** | **5.0** | **-** | **-** | **-** | **136.0** | **14.0** | **-** |
| **I** | **Ngõ 1A Đặng Thái Thân** | | **68.0** | **-** | **11.5** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **18.4** | **5.3** | **3.0** | **5** | **-** | **-** | **5** | **-** | | **-** | **136.4** | **14.3** | **-** |
| | SL-PL3 | SL-PL3.1 | 28.0 | | 4.6 | | | - | - | 9.2 | - | - | 2 | sợi | 4x95 | 2 | ống | F105/80 | - | 65.2 | - | - |
| | SL-PL3.1 | HPD (nhà tập thể) | 9.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 14.3 | - |
| | SL-PL3.1 | SL-PL3.2 | 31.0 | | 4.6 | | | - | - | 9.2 | - | - | 2 | sợi | 4x95 | 2 | ống | F105/80 | - | 71.2 | - | - |
| **E** | **TBA Bông Nhuộm** | | **74.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **74.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **4.0** | **-** | **-** | **4.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **74.0** |
| **I** | **Ngõ 51 Thợ Nhuộm** | | **44.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **44.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2** | | | **2** | | | **-** | **-** | **-** | **44.0** |
| | HPD1 | HPD2 | 23.0 | | | | | 23.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 23.0 |
| | HPD2 | HPD3 | 21.0 | | | | | 21.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 21.0 |
| **II** | **Ngõ 57 Thợ Nhuộm** | | **30.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **30.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2** | **-** | **-** | **2** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **30.0** |
| | HPD1 | HPD2 | 18.0 | | | | | 18.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 18.0 |
| | HPD2 | HPD3 | 12.0 | | | | | 12.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 12.0 |
| **F** | **TBA Trường Việt Đức** | | **326.0** | **-** | **18.4** | **-** | **6.0** | **25.0** | **-** | **27.6** | **10.6** | **6.0** | **9.0** | **-** | **-** | **9.0** | **-** | **-** | **-** | **436.0** | **108.0** | **25.0** |
| **I** | **Tập thể số 5 Quang Trung** | | **326.0** | **-** | **18.4** | **-** | **6.0** | **25.0** | **-** | **27.6** | **10.6** | **6.0** | **9** | **-** | **-** | **9** | **-** | | **-** | **435.6** | **107.6** | **25.0** |
| | TVĐ-PL5 | TVĐ-PL5.1 | 64.5 | | 4.6 | | | - | - | 9.2 | - | - | 2 | sợi | 4x95 | 2 | ống | F105/80 | - | 138.2 | - | - |
| | TVĐ-PL5.1 | HPD1 | 34.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 39.3 | - |
| | HPD1 | HPD2 (tầng 2) | 25.0 | | | | | 25.0 | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x35 | 1 | ống | F65/50-G | - | - | - | 25.0 |
| | TVĐ-PL5 | HPD3 | 63.0 | | 2.3 | | 3.0 | - | - | - | 5.3 | 3.0 | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 68.3 | - |
| | TVĐ-PL3 | TVĐ-PL3.1 | 49.0 | | 4.6 | | | - | - | 9.2 | - | - | 2 | sợi | 4x95 | 2 | ống | F105/80 | - | 107.2 | - | - |
| | TVĐ-PL3.1 | TVĐ-PL5.1 | 90.5 | | 4.6 | | | - | - | 9.2 | - | - | 2 | sợi | 4x95 | 2 | ống | F105/80 | - | 190.2 | - | - |

## BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ SAU CẢI TẠO

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | Cáp hạ thế lắp tận dụng | | Tổng | Đầu cáp hạ thế đồng (M) | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | Biển cảnh báo liên thông | Biển đấu cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | | | Đầu cốt đồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Địa chỉ | 4x95 | 4x150 | | 4x150 | 4x95 | 4x70 | F130/100 | F105/80 | F65/50-G | | | | 4x150 | 4x95 | 4x70 | 4x35 | 4x35 |
| | | | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2-td | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2-td | | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x150mm2 | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x95mm2 | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x70mm2 | HDPE-F130/100 | HDPE-F105/80 | HDPE-F65/50-G | BCB-LT | BĐC | ĐT+VN | OCN-4x150 | OCN-4x95 | OCN-4x70 | OCN-4x35 | ĐC-M35 |
| **A** | **TBA Viện Dược Liệu** | | - | - | **63.0** | - | **2.0** | - | - | **28.0** | **33.0** | - | **6.0** | **30.0** | - | **2.0** | - | **5.0** | **16.0** |
| **I** | **Tập thể 37 Hai Bà Trưng** | | - | - | **63.3** | - | **2.0** | - | - | **28.0** | **33.0** | - | **6.0** | **30.0** | - | **2.4** | - | **4.8** | **16.0** |
| | VDL-PL2 | HPD1 (tầng 1) | | | 33.3 | - | 2.0 | - | - | 28.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | 2.4 | - | - | - |
| | HPD1 (tầng 1) | HPD2 (tầng 2) | | | 10.0 | - | - | - | - | - | 10.0 | | 2.0 | 9.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| | HPD1 (tầng 1) | HPD3 (tầng 3) | | | 20.0 | - | - | - | - | - | 20.0 | | 2.0 | 19.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| **B** | **TBA Trung tâm thể dục thể thao** | | - | - | **246.0** | **4.0** | - | **10.0** | **92.0** | **118.0** | **15.0** | **2.0** | **14.0** | **10.0** | **5.0** | - | **12.0** | - | - |
| **I** | **Ngõ 2B Quang Trung** | | - | - | **245.7** | **4.0** | - | **10.0** | **92.0** | **118.0** | **15.0** | **2.0** | **14.0** | **10.0** | **4.8** | - | **12.0** | - | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD1 | | | 22.3 | - | - | 2.0 | - | 17.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD2 | | | 22.3 | - | - | 2.0 | - | 17.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD3 | | | 35.3 | - | - | 2.0 | - | 30.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD4 | | | 46.8 | - | - | 2.0 | - | 41.5 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | TDTT-PLSN2B | HPD5 | | | 17.8 | - | - | 2.0 | - | 12.5 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | TDTT-PLSN2B | VDL-PL5 (liên thông) | | | 101.2 | 4.0 | - | - | 92.0 | - | - | 2.0 | 4.0 | - | 4.8 | - | - | - | - |
| **C** | **TBA Nhà Thờ -M2** | | **5.0** | - | - | - | **1.0** | - | - | **3.0** | - | - | **2.0** | - | - | **1.0** | - | - | - |
| **I** | **Ngõ 39C Lý Quốc Sư** | | **4.8** | - | - | - | **1.0** | - | - | **2.5** | - | - | **2.0** | - | - | **1.2** | - | - | - |
| | NT2-PL | NT2-PL1.1 | 4.8 | | - | - | 1.0 | - | - | 2.5 | - | | 2.0 | - | - | 1.2 | - | - | - |
| **D** | **TBA Săm Lốp** | | - | - | **151.0** | - | **8.0** | **2.0** | - | **127.0** | **3.0** | - | **10.0** | **2.0** | - | **10.0** | **2.0** | - | - |
| **I** | **Ngõ 1A Đặng Thái Thân** | | - | - | **150.7** | - | **8.0** | **2.0** | - | **127.0** | **3.0** | - | **10.0** | **2.0** | - | **9.6** | **2.4** | - | - |
| | SL-PL3 | SL-PL3.1 | | | 65.2 | - | 4.0 | - | - | 56.0 | - | | 4.0 | - | - | 4.8 | - | - | - |
| | SL-PL3.1 | HPD (nhà tập thể) | | | 14.3 | - | - | 2.0 | - | 9.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | SL-PL3.1 | SL-PL3.2 | | | 71.2 | - | 4.0 | - | - | 62.0 | - | | 4.0 | - | - | 4.8 | - | - | - |
| **E** | **TBA Bông Nhuộm** | | - | - | **74.0** | - | - | **1.0** | - | - | **74.0** | - | **8.0** | **70.0** | - | - | - | **10.0** | **32.0** |
| **I** | **Ngõ 51 Thợ Nhuộm** | | - | - | **44.0** | - | - | - | - | - | **44.0** | - | **4.0** | **42.0** | - | - | - | **4.8** | **16.0** |
| | HPD1 | HPD2 | | | 23.0 | - | - | - | - | - | 23.0 | | 2.0 | 22.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| | HPD2 | HPD3 | | | 21.0 | - | - | - | - | - | 21.0 | | 2.0 | 20.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| **II** | **Ngõ 57 Thợ Nhuộm** | | | | **30.0** | - | - | **1.0** | - | - | **30.0** | - | **4.0** | **28.0** | - | - | - | **4.8** | **16.0** |
| | HPD1 | HPD2 | | | 18.0 | - | - | 1.0 | - | - | 18.0 | | 2.0 | 17.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| | HPD2 | HPD3 | | | 12.0 | - | - | - | - | - | 12.0 | | 2.0 | 11.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| **F** | **TBA Trường Việt Đức** | | - | - | **568.0** | - | **12.0** | **4.0** | - | **505.0** | **31.0** | **2.0** | **18.0** | **28.0** | - | **14.0** | **5.0** | **2.0** | **8.0** |
| **I** | **Tập thể số 5 Quang Trung** | | - | - | **568.2** | - | **12.0** | **4.0** | - | **505.0** | **31.0** | **2.0** | **18.0** | **28.0** | - | **14.4** | **4.8** | **2.4** | **8.0** |
| | TVĐ-PL5 | TVĐ-PL5.1 | | | 138.2 | - | 4.0 | - | - | 129.0 | - | | 4.0 | - | - | 4.8 | - | - | - |
| | TVĐ-PL5.1 | HPD1 | | | 39.3 | - | - | 2.0 | - | 34.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | HPD1 | HPD2 (tầng 2) | | | 25.0 | - | - | - | - | - | 25.0 | | 2.0 | 24.0 | - | - | - | 2.4 | 8.0 |
| | TVĐ-PL5 | HPD3 | | | 68.3 | - | - | 2.0 | - | 63.0 | 3.0 | | 2.0 | 2.0 | - | - | 2.4 | - | - |
| | TVĐ-PL3 | TVĐ-PL3.1 | | | 107.2 | - | 4.0 | - | - | 98.0 | - | | 4.0 | - | - | 4.8 | - | - | - |
| | TVĐ-PL3.1 | TVĐ-PL5.1 | | | 190.2 | - | 4.0 | - | - | 181.0 | - | 2.0 | 4.0 | - | - | 4.8 | - | - | - |

## BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ SAU CẢI TẠO

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | | Chiều dài cáp treo tường (m) | Cáp lên cột, tủ | | | Chiều dài ống lên (m) | Cáp hạ thế | | | Ống nhựa HDPE | | | Cáp hạ thế lắp mới | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Địa chỉ | | TBA | Pillar | TPD | HPD | 4x35 | 4x150 | 4x95 | 4x70 | HPD | | | | | | | 4x150 | 4x95 | 4x70 | 4x35 |
| | | | | | 2.3 | 2.3 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x35mm2-tt | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2-lc | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2-lc | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x70mm2-lc | 3.0 | | | | KB | | | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x70mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x35mm2 |
| **G** | **TBA Vọng Đức** | | **58.0** | **-** | **6.9** | **2.3** | **-** | **-** | **-** | **9.2** | **4.6** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **-** | **28.0** | **53.0** | **-** |
| **I** | **Ngõ 7 Vọng Đức** | | **58.0** | **-** | **6.9** | **2.3** | **-** | **-** | **-** | **9.2** | **4.6** | **-** | **3** | **-** | **-** | **3** | **-** | | **-** | **28.2** | **53.1** | **-** |
| | VĐ-PL2 | VĐ-PL2.1 | 9.5 | | 4.6 | | | - | - | 9.2 | - | - | 2 | sợi | 4x95 | 2 | ống | F105/80 | - | 28.2 | - | - |
| | VĐ-PL2.1 | VĐ-TPD2.1 | 48.5 | | 2.3 | 2.3 | | - | - | - | 4.6 | - | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 53.1 | - |
| **H** | **TBA Hàm Long 1** | | **32.0** | **-** | **6.9** | **-** | **-** | **-** | **13.8** | **-** | **-** | **-** | **4.0** | **-** | **-** | **4.0** | **-** | **-** | **73.0** | **-** | **-** | **-** |
| **I** | **Ngõ 57 Hàm Long** | | **32.0** | **-** | **6.9** | **-** | **-** | **-** | **13.8** | **-** | **-** | **-** | **4.0** | **-** | **-** | **4.0** | **-** | **-** | **73.2** | **-** | **-** | **-** |
| | HL1-THT | HL1-PL1.1 | - | | 2.3 | | | - | 4.6 | - | - | - | 2 | sợi | 4x150 | 2 | ống | F130/100 | | - | - | - |
| | HL1-PL1.1 | TQT3-PL5.4 | 32.0 | | 4.6 | | | - | 9.2 | - | - | - | 2 | sợi | 4x150 | 2 | ống | F130/100 | 73.2 | - | - | - |
| **I** | **TBA Đình Lễ 1** | | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **J** | **TBA Tổng công ty Thực phẩm** | | **23.0** | **-** | **6.9** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.3** | **9.2** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **55.0** | **-** |
| **I** | **Ngõ 18B Tông Đản** | | **23.0** | **-** | **6.9** | **-** | **-** | **-** | **-** | **2.3** | **9.2** | **-** | **3** | **-** | **-** | **3** | **-** | | **-** | **-** | **55.2** | **-** |
| | TCTTP-PL | TCTTP-PL1.1 | - | | 2.3 | | | - | - | 2.3 | - | - | 1 | sợi | 4x95 | 1 | ống | F105/80 | - | | - | - |
| | TCTTP-PL1.1 | TCTTP-PL1.2 | 23.0 | | 4.6 | | | - | - | - | 9.2 | - | 2 | sợi | 4x70 | 2 | ống | F105/80 | - | - | 55.2 | - |
| **K** | **TBA Phan Chu Trinh** | | **44.0** | **1.5** | **4.6** | **2.3** | **-** | **-** | **-** | **-** | **12.2** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **3.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **58.0** | **-** |
| **I** | **Ngõ 23 Phan Chu Trinh** | | **44.0** | **1.5** | **4.6** | **2.3** | **-** | **-** | **-** | **-** | **12.2** | **-** | **3** | **-** | **-** | **3** | **-** | | **-** | **-** | **58.2** | **-** |
| | THT | PCT-PL1.1 | 2.0 | 1.5 | 2.3 | | | - | - | - | 7.6 | - | 2 | sợi | 4x70 | 2 | ống | F105/80 | - | - | 11.6 | - |
| | PCT-PL1.1 | PCT-TPD1.1 | 42.0 | | 2.3 | 2.3 | | - | - | - | 4.6 | - | 1 | sợi | 4x70 | 1 | ống | F105/80 | - | - | 46.6 | - |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **TỔNG CỘNG:** | | **849.5** | **1.5** | **75.9** | **4.6** | **27.0** | **129.0** | **23.0** | **65.1** | **68.4** | **27.0** | **42.0** | | | **42.0** | | | **174.0** | **633.0** | **433.0** | **129.0** |

## BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ SAU CẢI TẠO

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

-

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | Cáp hạ thế lắp tận dụng | | Tổng | Đầu cáp hạ thế đồng (M) | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | Biển cảnh báo liên thông | Biển đầu cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | | | Đầu cốt đồng |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Địa chỉ | 4x95 | 4x150 | | 4x150 | 4x95 | 4x70 | F130/100 | F105/80 | F65/50-G | | | | 4x150 | 4x95 | 4x70 | 4x35 | 4x35 |
| | | | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x95mm2-td | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x150mm2-td | | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x150mm2 | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x95mm2 | ĐC-0,6/1,2kV-M-4x70mm2 | HDPE-F130/100 | HDPE-F105/80 | HDPE-F65/50-G | BCB-LT | BĐC | ĐT+VN | OCN-4x150 | OCN-4x95 | OCN-4x70 | OCN-4x35 | ĐC-M35 |
| **G** | **TBA Vọng Đức** | | - | - | **81.0** | - | **4.0** | **2.0** | - | **68.0** | - | - | **6.0** | - | - | **5.0** | **2.0** | - | - |
| **I** | **Ngõ 7 Vọng Đức** | | - | - | **81.3** | - | **4.0** | **2.0** | - | **67.5** | - | - | **6.0** | - | - | **4.8** | **2.4** | - | - |
| | VĐ-PL2 | VĐ-PL2.1 | | | 28.2 | - | 4.0 | - | - | 19.0 | - | | 4.0 | - | - | 4.8 | - | - | - |
| | VĐ-PL2.1 | VĐ-TPD2.1 | | | 53.1 | - | - | 2.0 | - | 48.5 | - | | 2.0 | - | - | - | 2.4 | - | - |
| **H** | **TBA Hàm Long 1** | | - | **4.0** | **73.0** | **6.0** | - | - | **64.0** | - | - | - | **8.0** | - | **7.0** | - | - | - | - |
| **I** | **Ngõ 57 Hàm Long** | | - | **4.0** | **73.2** | **6.0** | - | - | **64.0** | - | - | - | **8.0** | - | **7.2** | - | - | - | - |
| | HL1-THT | HL1-PL1.1 | | 4.0 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | | 4.0 | - | 2.4 | - | - | - | - |
| | HL1-PL1.1 | TQT3-PL5.4 | | | 73.2 | 4.0 | - | - | 64.0 | - | - | | 4.0 | - | 4.8 | - | - | - | - |
| **I** | **TBA Đình Lễ 1** | | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **J** | **TBA Tổng công ty Thực phẩm** | | **2.0** | - | **55.0** | - | **1.0** | **4.0** | - | **46.0** | - | - | **6.0** | - | - | **1.0** | **5.0** | - | - |
| **I** | **Ngõ 18B Tông Đản** | | **2.3** | - | **55.2** | - | **1.0** | **4.0** | - | **46.0** | - | - | **6.0** | - | - | **1.2** | **4.8** | - | - |
| | TCTTP-PL | TCTTP-PL1.1 | 2.3 | | - | - | 1.0 | - | - | - | - | | 2.0 | - | - | 1.2 | - | - | - |
| | TCTTP-PL1.1 | TCTTP-PL1.2 | | | 55.2 | - | - | 4.0 | - | 46.0 | - | | 4.0 | - | - | - | 4.8 | - | - |
| **K** | **TBA Phan Chu Trinh** | | - | - | **58.0** | - | - | **6.0** | - | **46.0** | - | - | **6.0** | - | - | - | **7.0** | - | - |
| **I** | **Ngõ 23 Phan Chu Trinh** | | - | - | **58.2** | - | - | **6.0** | - | **46.0** | - | - | **6.0** | - | - | - | **7.2** | - | - |
| | THT | PCT-PL1.1 | | | 11.6 | - | - | 4.0 | - | 4.0 | - | | 4.0 | - | - | - | 4.8 | - | - |
| | PCT-PL1.1 | PCT-TPD1.1 | | | 46.6 | - | - | 2.0 | - | 42.0 | - | | 2.0 | - | - | - | 2.4 | - | - |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **TỔNG CỘNG:** | | **7.0** | **4.0** | **1,369.0** | **10.0** | **28.0** | **29.0** | **156.0** | **941.0** | **156.0** | **4.0** | **84.0** | **140.0** | **12.0** | **33.0** | **33.0** | **17.0** | **56.0** |

**BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG NHÁNH HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

-

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | Cáp lên tường | | | Chiều dài ống lên (m) | | Cáp ngầm hạ thế | | | Ống nhựa HDPE | | | Tổng chiều dài cáp hạ thế | | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | | Thẻ tên cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | Đầu cốt đồng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Loại hộp | Địa chỉ | | Pillar | HPD | Tường, cột | 2x16 | 2x25 | 4x25 | HPD | Tường | | | | | | | 2x16 | 2x25 | 4x25 | 4x25 | F50/40 | F40/30 | F50/40-G | F40/30-G | | | 2x16 | 2x25, 4x25 | 2x16 | 2x25, 4x25 |
| | | | | | 1.8 | 3.0 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2-lc | 3.0 | 3.0 | | | | KB | | | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | HDPE-F50/40 | HDPE-F40/30 | HDPE-F50/40-G | HDPE-F40/30-G | TTC | ĐT+VN | OCN-2x16 | OCN-2x25,4x25 | ĐC-M16 | ĐC-M25 |
| **TBA Viện Dược Liệu** | | | | **46.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | **12.0** | - | - | **12.0** | - | - | **30.0** | **16.0** | - | - | - | - | - | **34.0** | **24.0** | **25.0** | **4.0** | **7.0** | **12.0** | **12.0** |
| **I** | **Tập thể 37 Hai Bà Trưng** | | | **46.0** | - | - | - | - | - | - | - | - | **12.0** | - | - | **12.0** | - | - | **30.0** | **16.0** | - | - | - | - | - | **34.0** | **24.0** | **25.0** | **3.6** | **7.2** | **12.0** | **12.0** |
| 1 | HPD1 (tầng 1) | H4 | | 1.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 1.5 | - | - | - | - | - | 0.5 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 6.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 6.5 | - | - | - | - | - | 5.5 | 2.0 | 5.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 6.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.5 | - | - | - | - | - | - | 5.5 | 2.0 | 5.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 6.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.5 | - | - | - | - | - | - | 5.5 | 2.0 | 5.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 6.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.5 | - | - | - | - | - | - | 5.5 | 2.0 | 5.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| 2 | HPD2 (tầng 2) | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 6.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.5 | - | - | - | - | - | - | 5.5 | 2.0 | 5.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| 3 | HPD3 (tầng 3) | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |
| **TBA Trung tâm thể dục thể thao** | | | | **110.5** | - | **6.0** | **6.0** | - | **12.0** | - | **6.0** | **6.0** | **13.0** | - | - | **13.0** | - | - | - | **123.0** | - | - | **23.0** | - | - | **89.0** | **26.0** | **78.0** | - | **16.0** | - | **26.0** |
| **I** | **Ngõ 2B Quang Trung** | | | **110.5** | - | **6.0** | **6.0** | - | **12.0** | - | **6.0** | **6.0** | **13.0** | - | - | **13.0** | - | - | - | **122.5** | - | - | **22.5** | - | - | **89.0** | **26.0** | **78.0** | - | **15.6** | - | **26.0** |
| 1 | HPD1 | H4 | | 1.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 1.5 | - | - | - | - | - | 0.5 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H2 | (tầng 2) | 13.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 13.0 | - | - | - | - | - | 12.0 | 2.0 | 11.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 2 | HPD2 | H2 | | 1.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 1.5 | - | - | - | - | - | 0.5 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H2 | (cầu thang tầng 1) | 8.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 8.0 | - | - | - | - | - | 7.0 | 2.0 | 6.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | (tầng 2) | 11.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 11.0 | - | - | - | - | - | 10.0 | 2.0 | 9.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 3 | HPD3 | H4 | | 6.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 6.0 | - | - | - | - | - | 5.0 | 2.0 | 4.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | (tầng 2) | 9.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 9.5 | - | - | - | - | - | 8.5 | 2.0 | 7.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 4 | HPD4 | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 13.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 13.5 | - | - | - | - | - | 12.5 | 2.0 | 11.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H2 | (tầng 2) | 11.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 11.0 | - | - | - | - | - | 10.0 | 2.0 | 9.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | (tầng 2) | 11.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 11.0 | - | - | - | - | - | 10.0 | 2.0 | 9.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 5 | HPD5 | H4 | | 7.0 | | 3.0 | 3.0 | - | 6.0 | - | 3.0 | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 13.0 | - | - | 7.0 | - | - | 6.0 | 2.0 | 6.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H2 | | 15.5 | | 3.0 | 3.0 | - | 6.0 | - | 3.0 | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 21.5 | - | - | 15.5 | - | - | 6.0 | 2.0 | 6.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| **TBA Nhà Thờ -M2** | | | | **336.0** | **30.6** | - | **53.0** | **64.4** | **14.4** | **4.8** | - | **51.0** | **17.0** | - | - | **17.0** | - | - | **308.0** | **89.0** | **22.0** | - | **336.0** | - | **3.0** | **48.0** | **34.0** | **51.0** | **8.0** | **6.0** | **13.0** | **7.0** |
| **I** | **Ngõ 39C Lý Quốc Sư** | | | **336.0** | **30.6** | - | **53.0** | **64.4** | **14.4** | **4.8** | - | **51.0** | **17.0** | - | - | **17.0** | - | - | **308.4** | **89.4** | **21.8** | - | **336.0** | - | **3.0** | **48.0** | **34.0** | **51.0** | **7.8** | **6.0** | **13.0** | **7.0** |
| 1 | NT2-PL1.1 | H1 | | 1.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.3 | - | - | - | 1.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 4.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 8.8 | - | - | - | 4.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | | 9.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 13.8 | - | - | 9.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 11.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 16.3 | - | - | - | 11.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 21.8 | - | 17.0 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H1 | | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 21.8 | - | - | - | 17.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 21.8 | - | - | - | 17.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 20.0 | 1.8 | | 4.0 | 5.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 25.8 | - | - | - | 20.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 20.0 | 1.8 | | 4.0 | 5.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 25.8 | - | - | - | 20.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 24.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 28.8 | - | - | - | 24.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 24.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 28.8 | - | - | - | 24.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 19.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 23.8 | - | - | - | 19.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 27.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 32.3 | - | - | - | 27.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 28.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 33.3 | - | - | - | 28.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 30.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 34.8 | - | - | - | 30.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | | 33.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 37.8 | - | - | 33.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H4 | | 33.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 37.8 | - | - | 33.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| **TBA Săm Lốp** | | | | **486.0** | **55.8** | - | **93.0** | **91.2** | **33.6** | **24.0** | - | **93.0** | **31.0** | - | - | **31.0** | - | - | **358.0** | **199.0** | **79.0** | - | **486.0** | - | **15.0** | **78.0** | **62.0** | **93.0** | **11.0** | **20.0** | **19.0** | **21.0** |
| **I** | **Ngõ 1A Đặng Thái Thân** | | | **486.0** | **55.8** | - | **93.0** | **91.2** | **33.6** | **24.0** | - | **93.0** | **31.0** | - | - | **31.0** | - | - | **357.7** | **198.6** | **78.5** | - | **486.0** | - | **15.0** | **78.0** | **62.0** | **93.0** | **11.4** | **20.4** | **19.0** | **21.0** |
| 1 | SL-PL3.1 | H1 | SN8 | 4.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 8.8 | - | - | - | 4.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | SN8 | 4.0 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 8.8 | - | 4.0 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN6 | 10.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 15.3 | - | - | - | 10.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |

**BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG NHÁNH HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

-

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | Cáp lên tường | | | Chiều dài ống lên (m) | | Cáp ngầm hạ thế | | | | Ống nhựa HDPE | | | | Tổng chiều dài cáp hạ thế | | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | | Thẻ tên cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | Đầu cốt đồng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Loại hộp | Địa chỉ | | Pillar | HPD | Tường, cột | 2x16 | 2x25 | 4x25 | HPD | Tường | | | | | | | | | 2x16 | 2x25 | 4x25 | 4x25 | F50/40 | F40/30 | F50/40-G | F40/30-G | | | 2x16 | 2x25, 4x25 | 2x16 | 2x25, 4x25 |
| | | | | | 1.8 | 3.0 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25m m2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25m m2-lc | 3.0 | 3.0 | | | | KB | | | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | HDPE-F50/40 | HDPE-F40/30 | HDPE-F50/40-G | HDPE-F40/30-G | TTC | ĐT+VN | OCN-2x16 | OCN-2x25,4x25 | ĐC-M16 | ĐC-M25 |
| | | H3f | SN6A | 10.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 15.3 | - | 10.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN15 | 11.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 16.3 | - | - | - | 11.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN13 | 11.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 16.3 | - | - | - | 11.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN11 | 15.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 19.8 | - | - | - | 15.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN9 | 21.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 26.3 | - | - | - | 21.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN7 | 21.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 26.3 | - | - | - | 21.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN5 | 25.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 29.8 | - | - | - | 25.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN3 | 31.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 35.8 | - | - | - | 31.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| 2 | SL-PL3.2 | H1 | SN10 | 0.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 5.3 | - | - | - | 0.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN46 | 5.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 9.8 | - | - | - | 5.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN48 | 10.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 15.3 | - | - | - | 10.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | SN50 | 9.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 14.3 | - | 9.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H1 | | 16.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 20.8 | - | - | - | 16.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN61 | 13.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 18.3 | - | - | - | 13.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | SN59 | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 21.8 | - | 17.0 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H1 | SN44 | 4.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 8.8 | - | - | - | 4.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN42 | 7.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.3 | - | - | - | 7.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H4 | SN42 | 11.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 15.8 | - | - | 11.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN14 | 8.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 13.3 | - | - | - | 8.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | SN40 | 13.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 18.3 | - | 13.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H1 | SN38 | 14.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 18.8 | - | - | - | 14.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | SN16 | 14.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 19.3 | - | - | 14.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | SN36 | 16.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 21.3 | - | - | 16.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | SN18 | 21.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 25.8 | - | - | 21.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | SN32 | 26.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 31.3 | - | - | 26.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN26 | 35.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 40.3 | - | - | - | 35.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H4 | SN26 | 35.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 40.3 | - | - | 35.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | SN22 | 40.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 44.8 | - | - | 40.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| **TBA Bông Nhuộm** | | | | **61.5** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **16.0** | **-** | **-** | **16.0** | **-** | **-** | **17.0** | **43.0** | **-** | **2.0** | **-** | **-** | **1.0** | **45.0** | **32.0** | **29.0** | **4.0** | **13.0** | **12.0** | **22.0** |
| **I** | **Ngõ 51 Thợ Nhuộm** | | | **15.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **7.0** | **-** | **-** | **7.0** | **-** | **-** | **2.0** | **11.0** | **-** | **2.0** | **-** | **-** | **1.0** | **7.0** | **14.0** | **1.0** | **0.6** | **8.4** | **2.0** | **14.0** |
| 1 | HPD1 | H4 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H3f | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 2.0 | - | - | 1.0 | - | 2.0 | | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| 2 | HDP2 | H2 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 3 | HPD3 | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| **II** | **Ngõ 57 Thợ Nhuộm** | | | **46.5** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **9.0** | **-** | **-** | **9.0** | **-** | **-** | **15.0** | **31.5** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **37.5** | **18.0** | **28.0** | **3.0** | **4.8** | **10.0** | **8.0** |
| 1 | HPD1 | H2 | | 10.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 10.5 | - | - | - | - | - | - | 9.5 | 2.0 | 8.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 2 | HDP2 | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| 3 | HPD3 | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 4.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 4.0 | - | - | - | - | - | - | 3.0 | 2.0 | 2.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 4.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 4.0 | - | - | - | - | - | - | 3.0 | 2.0 | 2.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H4 | | 17.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 17.0 | - | - | - | - | - | 16.0 | 2.0 | 15.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| **TBA Trường Việt Đức** | | | | **929.5** | **63.0** | **-** | **105.0** | **134.4** | **33.6** | **-** | **-** | **105.0** | **65.0** | **-** | **-** | **65.0** | **-** | **-** | **861.0** | **226.0** | **-** | **10.0** | **827.0** | **-** | **5.0** | **173.0** | **130.0** | **147.0** | **21.0** | **42.0** | **42.0** | **63.0** |
| **I** | **Tập thể số 5 Quang Trung** | | | **929.5** | **63.0** | **-** | **105.0** | **134.4** | **33.6** | **-** | **-** | **105.0** | **65.0** | **-** | **-** | **65.0** | **-** | **-** | **861.4** | **226.1** | **-** | **10.0** | **826.5** | **-** | **5.0** | **173.0** | **130.0** | **147.0** | **21.0** | **42.0** | **42.0** | **63.0** |
| 1 | TVĐ-PL5.1 | H1 | SN121 | 7.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.8 | - | - | - | 7.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | SN123-125 | 16.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 20.8 | - | - | 16.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | SN122 | 16.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 20.8 | - | - | 16.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN127 | 20.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 24.8 | - | - | - | 20.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN129 | 28.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 32.8 | - | - | - | 28.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN128 | 30.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 34.8 | - | - | - | 30.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN131 | 34.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 38.8 | - | - | - | 34.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN130 | 34.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 38.8 | - | - | - | 34.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |

**BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG NHÁNH HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

-

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | Cáp lên tường | | | Chiều dài ống lên (m) | | Cáp ngầm hạ thế | | | Ống nhựa HDPE | | | Tổng chiều dài cáp hạ thế | | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | | Thẻ tên cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | Đầu cốt đồng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Loại hộp | Địa chỉ | | Pillar | HPD | Tường, cột | 2x16 | 2x25 | 4x25 | HPD | Tường | | | | KB | | | 2x16 | 2x25 | 4x25 | 4x25 | F50/40 | F40/30 | F50/40-G | F40/30-G | | | 2x16 | 2x25, 4x25 | 2x16 | 2x25, 4x25 |
| | | | | | 1.8 | 3.0 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2-lc | 3.0 | 3.0 | | | | | | | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | HDPE-F50/40 | HDPE-F40/30 | HDPE-F50/40-G | HDPE-F40/30-G | TTC | ĐT+VN | OCN-2x16 | OCN-2x25,4x25 | ĐC-M16 | ĐC-M25 |
| | | H1 | SN135 | 44.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 48.8 | - | - | - | 44.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN137 | 47.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 51.8 | - | - | - | 47.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN137 | 50.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 55.3 | - | - | - | 50.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN139 | 51.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 55.8 | - | - | - | 51.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN117 | 12.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 16.8 | - | - | - | 12.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN115 | 12.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 16.8 | - | - | - | 12.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | SN115 | 18.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 22.8 | - | - | 18.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 23.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 27.8 | - | - | - | 23.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | SN108 | 26.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 31.3 | - | - | 26.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H4 | | 22.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 27.3 | - | - | 22.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| 2 | HDP1 (tầng 1 đơn nguyên 1) | H4 | | 4.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 4.0 | - | - | - | - | - | 3.0 | 2.0 | 2.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 5.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 5.0 | - | - | - | - | - | 4.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 3 | HDP2 (tầng 2 đơn nguyên 1) | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 4 | HDP3 (mặt phố Quang Trung) | H3f | | 1.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 1.5 | - | - | 0.5 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H3f | | 1.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 1.5 | - | - | 0.5 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| 5 | HDP4 (ngõ sau đơn nguyên 2) | H3f | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 2.0 | - | - | 1.0 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 6 | HDP5 (tầng 2 đơn nguyên 2) | H4 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 3.0 | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 5.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 5.5 | - | - | - | - | - | 4.5 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 4.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 4.5 | - | - | - | - | - | 3.5 | 2.0 | 2.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 12.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.0 | - | - | - | - | - | - | 11.0 | 2.0 | 10.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 12.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.0 | - | - | - | - | - | - | 11.0 | 2.0 | 10.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| 7 | HDP6 (ngõ sau giữa đơn nguyên 2 và đơn nguyên 3) | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| 8 | TVĐ-PL3.1 | H1 | SN147 | 9.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 13.8 | - | - | - | 9.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN107 | 10.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 15.3 | - | - | - | 10.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN105 | 14.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 18.8 | - | - | - | 14.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN145 | 22.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 26.8 | - | - | - | 22.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN143 | 31.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 36.3 | - | - | - | 31.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN141 | 31.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 35.8 | - | - | - | 31.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN101 | 36.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 40.8 | - | - | - | 36.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | SN102 | 2.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 7.3 | - | - | 2.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN111 | 7.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.3 | - | - | - | 7.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN104 | 9.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 14.3 | - | - | - | 9.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN113 | 11.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 15.8 | - | - | - | 11.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN106 | 16.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 20.8 | - | - | - | 16.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN115 | 16.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 20.8 | - | - | - | 16.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN117 | 23.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 27.8 | - | - | - | 23.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN119 | 27.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 32.3 | - | - | - | 27.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN121 | 31.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 36.3 | - | - | - | 31.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | SN123-160 | 36.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 41.3 | - | - | 36.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| 9 | HDP7 (tầng 1 đơn nguyên 3) | H4 | | 4.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 4.5 | - | - | - | - | - | 3.5 | 2.0 | 2.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 4.5 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 4.5 | - | - | - | - | - | - | 3.5 | 2.0 | 2.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| 10 | HDP8 (tầng 2 đơn nguyên 3) | H4 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 3.0 | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 3.0 | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H1 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 3.0 | - | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | 0.6 | - | 2.0 | - |
| | | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |

**BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG NHÁNH HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

-

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | Cáp lên tường | | | Chiều dài ống lên (m) | | Cáp ngầm hạ thế | | | Ống nhựa HDPE | | | Tổng chiều dài cáp hạ thế | | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | | Thẻ tên cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | Đầu cốt đồng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Loại hộp | Địa chỉ | | Pillar | HPD | Tường, cột | 2x16 | 2x25 | 4x25 | HPD | Tường | | | | | | | 2x16 | 2x25 | 4x25 | 4x25 | F50/40 | F40/30 | F50/40-G | F40/30-G | | | 2x16 | 2x25, 4x25 | 2x16 | 2x25, 4x25 |
| | | | | | 1.8 | 3.0 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25m2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2-lc | 3.0 | 3.0 | | | | KB | | | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | HDPE-F50/40 | HDPE-F40/30 | HDPE-F50/40-G | HDPE-F40/30-G | TTC | ĐT+VN | OCN-2x16 | OCN-2x25,4x25 | ĐC-M16 | ĐC-M25 |
| | | H1 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 2.0 | - | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | 0.6 | - | 2.0 | - |
| 11 | HDP9 (tầng 2 đơn nguyên 3) | H4 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 3.0 | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 3.0 | - | - | - | - | - | 2.0 | 2.0 | 1.0 | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H4 | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 2.0 | - | - | - | - | - | 1.0 | 2.0 | | - | 1.2 | - | 2.0 |
| | | H3f | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 3.0 | - | - | 2.0 | - | 2.0 | 1.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H3f | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 2.0 | - | - | 1.0 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| **TBA Vọng Đức** | | | | **287.0** | **37.8** | **-** | **63.0** | **67.2** | **19.2** | **14.4** | **-** | **63.0** | **21.0** | **-** | **-** | **21.0** | **-** | **-** | **246.0** | **88.0** | **54.0** | **-** | **287.0** | **-** | **9.0** | **54.0** | **42.0** | **63.0** | **8.0** | **12.0** | **14.0** | **7.0** |
| **I** | **Ngõ 7 Vọng Đức** | | | **287.0** | **37.8** | **-** | **63.0** | **67.2** | **19.2** | **14.4** | **-** | **63.0** | **21.0** | **-** | **-** | **21.0** | **-** | **-** | **245.7** | **87.7** | **54.4** | **-** | **287.0** | **-** | **9.0** | **54.0** | **42.0** | **63.0** | **8.4** | **12.0** | **14.0** | **7.0** |
| 1 | VĐ-PL2.1 | H1 | | 2.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.8 | - | - | - | 2.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 7.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.3 | - | - | - | 7.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 13.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 18.3 | - | - | - | 13.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | | 8.0 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 12.8 | - | 8.0 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 8.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.8 | - | - | - | 8.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | | 10.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 15.3 | - | - | 10.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 18.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 23.3 | - | - | - | 18.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | | 18.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 23.3 | - | - | 18.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 18.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 23.3 | - | - | - | 18.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | | 22.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 27.3 | - | 22.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H2 | | 22.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 27.3 | - | - | 22.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 25.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 30.3 | - | - | - | 25.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| 2 | VĐ-TPD2.1 | H3f | | 9.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 14.3 | - | 9.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 5.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 9.8 | - | - | - | 5.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 6.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.3 | - | - | - | 6.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 6.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.3 | - | - | - | 6.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 12.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 17.3 | - | - | - | 12.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 21.8 | - | - | - | 17.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 21.8 | - | - | - | 17.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H4 | | 17.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 21.8 | - | - | 17.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 20.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 25.3 | - | - | - | 20.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| **TBA Hàm Long 1** | | | | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TBA Đình Lễ 1** | | | | **20.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **5.0** | **-** | **-** | **5.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **20.0** | **-** | **-** | **15.0** | **-** | **10.0** | **10.0** | **-** | **12.0** | **-** | **20.0** |
| **I** | **Ngõ 39 Tràng Tiền** | | | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** |
| | | H1 | | - | | | | - | - | - | - | - | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | | - | - | | - |
| | | H1 | | - | | | | - | - | - | - | - | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | | - | - | | - |
| | | H1 | | - | | | | - | - | - | - | - | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | | - | - | | - |
| | | H1 | | - | | | | - | - | - | - | - | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | | - | - | | - |
| | | H1 | | - | | | | - | - | - | - | - | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | | - | - | | - |
| | | H1 | | - | | | | - | - | - | - | - | | | | | | | - | - | - | - | - | - | - | - | | | - | - | | - |
| **II** | **Ngõ 57 Tràng Tiền** | | | **20.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **5.0** | **-** | **-** | **5.0** | **-** | **-** | **-** | **-** | **-** | **20.0** | **-** | **-** | **15.0** | **-** | **10.0** | **10.0** | **-** | **12.0** | **-** | **20.0** |
| 1 | HPD1 | H3f | | 3.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 3.0 | - | - | 2.0 | - | 2.0 | 1.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| 2 | HPD2 | H3f | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 2.0 | - | - | 1.0 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H3f | | 11.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 11.0 | - | - | 10.0 | - | 2.0 | 9.0 | - | 2.4 | - | 4.0 |
| 3 | HPD3 | H3f | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 2.0 | - | - | 1.0 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| | | H3f | | 2.0 | | | | - | - | - | - | - | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | - | 2.0 | - | - | 1.0 | - | 2.0 | | - | 2.4 | - | 4.0 |
| **TBA Tổng công ty Thực phẩm** | | | | **152.0** | **30.6** | **-** | **51.0** | **72.0** | **-** | **9.6** | **-** | **51.0** | **17.0** | **-** | **-** | **17.0** | **-** | **-** | **221.0** | **-** | **13.0** | **-** | **152.0** | **-** | **6.0** | **45.0** | **34.0** | **51.0** | **9.0** | **5.0** | **15.0** | **2.0** |
| **I** | **Ngõ 18B Tông Đản** | | | **152.0** | **30.6** | **-** | **51.0** | **72.0** | **-** | **9.6** | **-** | **51.0** | **17.0** | **-** | **-** | **17.0** | **-** | **-** | **220.5** | **-** | **13.1** | **-** | **152.0** | **-** | **6.0** | **45.0** | **34.0** | **51.0** | **9.0** | **4.8** | **15.0** | **2.0** |
| 1 | TCTTP-PL1.1 | H1 | TH cáp | - | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 4.8 | - | - | - | - | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN7 | 7.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.8 | - | - | - | 7.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | SN5A | 1.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 6.3 | - | 1.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN5 | 1.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 6.3 | - | - | - | 1.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN4 | 7.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 12.3 | - | - | - | 7.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN3 | 14.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 18.8 | - | - | - | 14.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN2 | 17.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 22.3 | - | - | - | 17.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |

**BẢNG KÊ CÁP NGẦM, ỐNG NHỰA PHẦN ĐƯỜNG NHÁNH HẠ THẾ SAU CẢI TẠO**

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

-

| STT | Điểm đầu | Điểm cuối | | Tổng chiều dài tuyến (m) | Chiều dài cáp lên (m) | | | Cáp lên tường | | | Chiều dài ống lên (m) | | Cáp ngầm hạ thế | | | Ống nhựa HDPE | | | Tổng chiều dài cáp hạ thế | | | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu vàng cam | | Tổng chiều dài ống nhựa xoắn HDPE màu ghi | | Thẻ tên cáp | Đai thép lên tường, vít nở | Ống co ngót nhiệt hạ thế cho cáp | | Đầu cốt đồng | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Loại hộp | Địa chỉ | | Pillar | HPD | Tường, cột | 2x16 | 2x25 | 4x25 | HPD | Tường | | | | | | | 2x16 | 2x25 | 4x25 | 4x25 | F50/40 | F40/30 | F50/40-G | F40/30-G | | | 2x16 | 2x25, 4x25 | 2x16 | 2x25, 4x25 |
| | | | | | 1.8 | 3.0 | 3.0 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2-lc | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2-lc | 3.0 | 3.0 | | | | KB | | | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x16mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-2x25mm2 | Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | Cu/XLPE/PVC 0.6/1kV-4x25mm2 | HDPE-F50/40 | HDPE-F40/30 | HDPE-F50/40-G | HDPE-F40/30-G | TTC | ĐT+VN | OCN-2x16 | OCN-2x25,4x25 | ĐC-M16 | ĐC-M25 |
| | | H1 | SN18B | 21.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 25.8 | - | - | - | 21.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN18B | 26.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 31.3 | - | - | - | 26.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| 2 | TCTTP-PL1.2 | H1 | SN9 | 6.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.3 | - | - | - | 6.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN9 | 9.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 14.3 | - | - | - | 9.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN8 | 9.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 14.3 | - | - | - | 9.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | SN14 | 2.0 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 6.8 | - | 2.0 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H1 | SN10 | 4.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 8.8 | - | - | - | 4.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN13 | 7.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.8 | - | - | - | 7.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN12 | 7.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 11.8 | - | - | - | 7.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | SN11 | 10.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 14.8 | - | - | - | 10.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| **TBA Phan Chu Trinh** | | | | **348.0** | **32.4** | **-** | **54.0** | **38.4** | **43.2** | **4.8** | **-** | **54.0** | **18.0** | **-** | **-** | **18.0** | **-** | **-** | **224.0** | **205.0** | **5.0** | **-** | **348.0** | **-** | **3.0** | **51.0** | **36.0** | **54.0** | **5.0** | **13.0** | **8.0** | **10.0** |
| **I** | **Ngõ 23 Phan Chu Trinh** | | | **348.0** | **32.4** | **-** | **54.0** | **38.4** | **43.2** | **4.8** | **-** | **54.0** | **18.0** | **-** | **-** | **18.0** | **-** | **-** | **223.9** | **205.2** | **5.3** | **-** | **348.0** | **-** | **3.0** | **51.0** | **36.0** | **54.0** | **4.8** | **13.2** | **8.0** | **10.0** |
| 1 | PCT-PL1.1 | H1 | | 0.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 5.3 | - | - | - | 0.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H3f | | 0.5 | 1.8 | | 3.0 | - | - | 4.8 | - | 3.0 | 1 | sợi | 4x25 | 1 | ống | F50/40 | - | - | 5.3 | - | 0.5 | - | 3.0 | - | 2.0 | 3.0 | - | 2.4 | - | 1.0 |
| | | H2 | | 3.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 7.8 | - | - | 3.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 11.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 16.3 | - | - | - | 11.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H2 | | 14.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 19.3 | - | - | 14.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H4 | | 21.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 25.8 | - | - | 21.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | | 24.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 29.3 | - | - | 24.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 30.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 35.3 | - | - | - | 30.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 34.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 38.8 | - | - | - | 34.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H4 | | 37.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 41.8 | - | - | 37.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| 2 | PCT-TPD1.1 | H2 | | 4.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 8.8 | - | - | 4.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | | 13.0 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 17.8 | - | - | 13.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H2 | | 16.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 21.3 | - | - | 16.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 20.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 25.3 | - | - | - | 20.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 21.5 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 26.3 | - | - | - | 21.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H4 | | 28.5 | 1.8 | | 3.0 | - | 4.8 | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x25 | 1 | ống | F50/40 | - | 33.3 | - | - | 28.5 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | - | 1.2 | - | 1.0 |
| | | H1 | | 32.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 36.8 | - | - | - | 32.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | | H1 | | 35.0 | 1.8 | | 3.0 | 4.8 | - | - | - | 3.0 | 1 | sợi | 2x16 | 1 | ống | F50/40 | 39.8 | - | - | - | 35.0 | - | - | 3.0 | 2.0 | 3.0 | 0.6 | - | 1.0 | - |
| | **TỔNG CỘNG:** | | | **2,776.5** | **250.2** | **6.0** | **425.0** | **467.6** | **156.0** | **57.6** | **6.0** | **423.0** | **215.0** | **-** | **-** | **215.0** | **-** | **-** | **2,265.0** | **989.0** | **173.0** | **32.0** | **2,459.0** | **-** | **57.0** | **617.0** | **430.0** | **601.0** | **70.0** | **146.0** | **135.0** | **190.0** |

## BẢNG TỔNG KÊ THU HỒI

### CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

| STT | Tên thiết bị, vật liệu | Ký hiệu mã, quy cách, nước (hãng) SX, (Serial number VTTB nếu có) | Đơn vị | Tổng khối lượng | TBA Viện Dược Liệu | TBA Trung tâm thể dục thể thao | TBA Nhà Thờ -M2 | TBA Săm Lốp | TBA Bông Nhuộm | TBA Trường Việt Đức | TBA Vọng Đức | TBA Hàm Long 1 | TBA Đinh Lễ 1 | TBA Tổng công ty Thực phẩm | TBA Phan Chu Trinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Hòm | 63 | 6 | - | 13 | 2 | 9 | 13 | 8 | - | 6 | 2 | 4 |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Hòm | 20 | - | 5 | 2 | 3 | 1 | 4 | 2 | - | - | 1 | 2 |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Hòm | 69 | 6 | 8 | 1 | 7 | 7 | 28 | 3 | - | - | 3 | 6 |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Hòm | 23 | - | - | 1 | 5 | 1 | 5 | 3 | - | 5 | 2 | 1 |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Hộp | 32 | 4 | 5 | 2 | 2 | 3 | 11 | 2 | - | - | 1 | 2 |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | Mét | 8 | - | - | - | - | - | - | - | 8 | - | - | - |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x95mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | Mét | 31 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 2 | 29 |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | Mét | 50 | 8 | - | - | 30 | - | 3 | 9 | - | - | - | - |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x50mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | Mét | 11 | - | 11 | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 10 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x120mm2 | TH-ABC 4x120 | Mét | 69 | 19 | - | - | - | - | - | - | 50 | - | - | - |
| 11 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x70mm2 | TH-ABC 4x70 | Mét | 33 | - | - | - | - | - | 33 | - | - | - | - | - |
| 12 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x50mm2 | TH-ABC 4x50 | Mét | 40 | 24 | - | - | - | 16 | - | - | - | - | - | - |
| 13 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x25mm2 | TH-ABC 4x25 | Mét | 20 | - | - | - | - | - | 20 | - | - | - | - | - |
| 14 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-2x25mm2 | TH-ABC 2x25 | Mét | 38 | - | 18 | - | - | 20 | - | - | - | - | - | - |
| 15 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE-4x70 | Mét | 10 | - | - | - | 10 | - | - | - | - | - | - | - |
| 16 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 237 | - | 106 | 30 | 27 | 20 | 7 | 25 | - | - | 22 | - |
| 17 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 126 | - | - | 11 | 31 | 2 | 9 | 48 | - | 19 | 4 | 2 |
| 18 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 288 | 14 | 46 | 4 | 82 | 20 | 67 | 31 | - | - | 6 | 18 |
| 19 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 133 | - | 31 | 13 | 42 | 9 | 14 | 16 | - | - | 2 | 6 |
| 20 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 627 | 24 | - | 192 | 23 | 40 | 179 | 151 | - | - | 4 | 14 |
| 21 | Cột bê tông vuông | TH-H5,5 | Cái | 3 | - | - | - | 1 | - | - | - | - | - | 2 | - |
| 22 | Cột bê tông vuông | TH-H8,5 | Cái | 1 | - | - | - | 1 | - | - | - | - | - | - | - |
| 23 | Cột bê tông ly tâm | TH-LT8,5 | Cái | 1 | - | - | - | - | - | - | - | 1 | - | - | - |

## BẢNG KÊ THU HỒI ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ

| STT | Vị trí treo | Loại Hộp công tơ thu hồi | | | | Hộp phân dây | Cáp ngầm | | | | Cáp vặn xoắn | | | | | Cáp hạ thế treo Cu/XLPE | Cáp xuống Hộp công tơ | | | | | Cột BT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TH-H1 | TH-H2 | TH-H4 | TH-H3f | TH-HPD | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | TH-ABC 4x120 | TH-ABC 4x70 | TH-ABC 4x50 | TH-ABC 4x25 | TH-ABC 2x25 | TH-Cu/XLPE-4x70 | TH-Cu/XLPE-4x35 | TH-Cu/XLPE-4x25 | TH-Cu/XLPE-2x25 | TH-Cu/XLPE-2x16 | TH-Cu/XLPE-2x10 | TH-H5,5 | TH-H8,5 | TH-LT8,5 |
| **TBA Viện Dược Liệu** | | **6** | | **6** | | **4** | | | **8** | | **19** | | **24** | | | | | | **14** | | **24** | | | |
| | **Tập thể 37 Hai Bà Trưng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar VDL-PL2 đến HPD1 | | | | | 1 | | | 8 | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ HPD1 đến HPD2 | | | | | 1 | | | | | 19 | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ HPD2 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | |
| | Từ HPD2 đến H4, 3H1 | 3 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 5 | | 15 | | | |
| | Từ HPD2 đến HPD3 | | | | | 1 | | | | | | | 8 | | | | | | | | | | | |
| | Từ HPD3 đến 2H4, H1 | 1 | | 2 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | 2 | | | |
| | Từ HPD3 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 5 | | | |
| | Từ HPD2 đến HPD4 | | | | | 1 | | | | | | | 16 | | | | | | | | | | | |
| | Từ HPD4 đến 2H4, H1 | 1 | | 2 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | 2 | | | |
| **TBA Trung tâm thể dục thể thao** | | | **5** | **8** | | **5** | | | | **11** | | | | | **18** | | **106** | | **46** | **31** | | | | |
| | **Ngõ 2B Quang Trung** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar TDTT-PLSN2B đến HPD1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 18 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD1 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | |
| | Từ HPD1 đến H2 (tầng 2) | | 1 | | | | | | | | | | | | | | - | - | - | 13 | - | | | |
| | Từ tủ pillar TDTT-PLSN2B đến HPD2 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 14 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2 đến H2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | - | - | - | 1 | - | | | |
| | Từ HPD2 đến H2 (chân cầu thang) | | 1 | | | | | | | | | | | | | | - | - | - | 8 | - | | | |
| | Từ HPD2 đến H4 (tầng 2) | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | - | 10 | | - | | | |
| | Từ tủ pillar TDTT-PLSN2B đến HPD3 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 31 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD3 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | | | | |
| | Từ HPD3 đến H4 (tầng 2) | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 8 | | | | | |
| | Từ tủ pillar TDTT-PLSN2B đến HPD4 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 43 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD4 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 2 | | | | | |
| | Từ HPD4 đến H2, H4 (tầng 2) | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 9 | 9 | | | | |
| | Từ HPD4 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 12 | | | | | |
| | Từ tủ pillar TDTT-PLSN2B đến HPD5 | | | | | 1 | | | | 11 | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD5 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | 5 | | | | | | | | | |
| | Từ HPD5 đến H2 | | 1 | | | | | | | | | | | | 13 | | | | | | | | | |
| **TBA Nhà Thờ-M2** | | **13** | **2** | **1** | **1** | **2** | | | | | | | | | | | **30** | **11** | **4** | **13** | **192** | | | |
| | **Ngõ 39C Lý Quốc Sư** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar NT2-PL đến HPD1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 2 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 5 | | | |

## BẢNG KÊ THU HỒI ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ

| STT | Vị trí treo | Loại Hộp công tơ thu hồi | | | | Hộp phân dây | Cáp ngầm | | | | Cáp vặn xoắn | | | | | Cáp hạ thế treo Cu/XLPE | Cáp xuống Hộp công tơ | | | | | Cột BT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TH-H1 | TH-H2 | TH-H4 | TH-H3f | TH-HPD | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | TH-ABC 4x120 | TH-ABC 4x70 | TH-ABC 4x50 | TH-ABC 4x25 | TH-ABC 2x25 | TH-Cu/XLPE-4x70 | TH-Cu/XLPE-4x35 | TH-Cu/XLPE-4x25 | TH-Cu/XLPE-2x25 | TH-Cu/XLPE-2x16 | TH-Cu/XLPE-2x10 | TH-H5,5 | TH-H8,5 | TH-LT8,5 |
| | Từ HPD1 đến H2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 9 | | | | |
| | Từ HPD1 đến 2H1 | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 24 | | | |
| | Từ HPD1 đến 2H1, H3f | 2 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 11 | | | 22 | | | |
| | Từ HPD1 đến 2H1 | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 30 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 19 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 29 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 28 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 29 | | | |
| | Từ HPD1 đến HPD2 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 30 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2 đến H2, H4 | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | 4 | | | | |
| **TBA Săm Lốp** | | **2** | **3** | **7** | **5** | **2** | | | **30** | | | | | | | **10** | **27** | **31** | **82** | **42** | **23** | **1** | **1** | |
| | **Ngõ 1A Đặng Thái Thân** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar SL-PL3 đến cột C1 | | | | | | | | 30 | | | | | | | | | - | - | - | - | | 1 | |
| | Từ cột C1 đến 2H4, 2H3f | | | 2 | 2 | | | | | | | | | | | | | 6 | 6 | - | - | | | |
| | Từ cột C1 đến cột C2 | | | | | 1 | | | | | | | | | | 10 | | - | - | - | - | 1 | | |
| | Từ HPD1 trên cột C2 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 5 | | | | | |
| | Từ HPD1 trên cột C2 đến H3f SN59 | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 15 | | | | | | |
| | Từ HPD1 trên cột C2 đến H3f SN50 | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 9 | | | | | | |
| | Từ HPD1 trên cột C2 đến 2H4 SN42 | | | 2 | | | | | | | | | | | | | | | 46 | | | | | |
| | Từ cột C2 đến cột HPD2 SN40 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 27 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H3f SN40 | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H1 SN38 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 3 | | | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H2 SN36 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H2 SN32 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 14 | | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H2 SN22 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 24 | | | | |
| | Từ HPD2 SN40 đến H1, H4 SN26 | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 22 | | 22 | | | |
| **TBA Bông Nhuộm** | | **9** | **1** | **7** | **1** | **3** | | | | | | **16** | | **20** | | **20** | **2** | **20** | **9** | **40** | | | | |
| | **Ngõ 51 Thợ Nhuộm** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar mặt phố đến HPD1 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD1 đến H1, H4, H3f | 1 | | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | 3 | | 1 | | | |
| | Từ HPD1 đến HPD2 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 20 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2 đến 3H1, 3H4 | 3 | | 3 | | | | | | | | | | | | | | | 7 | | 11 | | | |
| | **Ngõ 57 Thợ Nhuộm** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar mặt phố đến HPD | | | | | 1 | | | | | | 16 | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD đến H2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 9 | | | | |
| | Từ HPD đến H1, 2H4 | 1 | | 2 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | 3 | | | |
| | Từ HPD đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 6 | | | | | |

## BẢNG KÊ THU HỒI ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ

| STT | Vị trí treo | Loại Hộp công tơ thu hồi | | | | Hộp phân dây | Cáp ngầm | | | | Cáp vặn xoắn | | | | | Cáp hạ thế treo Cu/XLPE | Cáp xuống Hộp công tơ | | | | | Cột BT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TH-H1 | TH-H2 | TH-H4 | TH-H3f | TH-HPD | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | TH-ABC 4x120 | TH-ABC 4x70 | TH-ABC 4x50 | TH-ABC 4x25 | TH-ABC 2x25 | TH-Cu/XLPE-4x70 | TH-Cu/XLPE-4x35 | TH-Cu/XLPE-4x25 | TH-Cu/XLPE-2x25 | TH-Cu/XLPE-2x16 | TH-Cu/XLPE-2x10 | TH-H5,5 | TH-H8,5 | TH-LT8,5 |
| | Từ HPD đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 7 | | | |
| | Từ HPD đến 2H1 | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 18 | | | |
| | Từ HPD đến H1 cuối ngõ | 1 | | | | | | | | | | | | | 20 | | | | | | | | | |
| **TBA Trường Việt Đức** | | **13** | **4** | **28** | **5** | **11** | | | **3** | | | **33** | | **20** | | | **7** | **9** | **67** | **14** | **179** | | | |
| | **Tập thể số 5 Quang Trung** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar TVĐ-PL5 đến HPD1 | | | | | 1 | | | 3 | | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD1 đến HPD2 | | | | | 1 | | | | | | 33 | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2 đến 2H3f | | | | 2 | | | | | | | | | | | | | 3 | - | - | - | | | |
| | Từ HPD1 đến HPD3 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 7 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD3 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 2 | | | | | |
| | Từ HPD3 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 3 | | | | | |
| | Từ HPD3 đến H1 SN117 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 13 | | | |
| | Từ HPD4 đến 3H4 (tầng 2 đơn nguyên 1) | | | 3 | | 1 | | | | | | | | | | | | | 6 | | | | | |
| | Từ HPD4 (tầng 2 đơn nguyên 1) đến HPD5 (tầng 1 đơn nguyên 1) | | | | | 1 | | | | | | | | 20 | | | | | | | | | | |
| | Từ HPD5 đến 2H4 | | | 2 | | | | | | | | | | | | | | | 6 | | | | | |
| | Từ HPD5 đến H2 SN108 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 8 | | | | |
| | Từ HPD6 đến H2, 3H4, H3f (ngõ sau đơn nguyên 2) | | 1 | 3 | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | 2 | 5 | 2 | | | | |
| | Từ HPD7 đến H4 (tầng 2 đơn nguyên 2) | | | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | | | | | |
| | Từ HPD7 đến H4 (tầng 2 đơn nguyên 2) | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 3 | | | | | |
| | Từ HPD7 đến H4 (tầng 2 đơn nguyên 2) | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | | | | |
| | Từ HPD7 đến 2H1 (tầng 2 đơn nguyên 2) | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 22 | | | |
| | Từ HPD8 đến H2, 3H4 (ngõ sau giữa đơn nguyên 2 và đơn nguyên 3) | | 1 | 3 | | 1 | | | | | | | | | | | | | 5 | 2 | | | | |
| | Từ HPD8 (ngõ sau giữa đơn nguyên 2 và đơn nguyên 3) đến H1 SN128 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 38 | | | |
| | Từ HPD8 (ngõ sau giữa đơn nguyên 2 và đơn nguyên 3) đến H1 SN131 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 37 | | | |
| | Từ HPD8 (ngõ sau giữa đơn nguyên 2 và đơn nguyên 3) đến H1 treo tại cột CS | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 29 | | | |
| | Từ HPD8 (ngõ sau giữa đơn nguyên 2 và đơn nguyên 3) đến H1 SN137 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 24 | | | |

## BẢNG KÊ THU HỒI ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ

| STT | Vị trí treo | Loại Hộp công tơ thu hồi | | | | Hộp phân dây | Cáp ngầm | | | | Cáp vặn xoắn | | | | | Cáp hạ thế treo Cu/XLPE | Cáp xuống Hộp công tơ | | | | | Cột BT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TH-H1 | TH-H2 | TH-H4 | TH-H3f | TH-HPD | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | TH-ABC 4x120 | TH-ABC 4x70 | TH-ABC 4x50 | TH-ABC 4x25 | TH-ABC 2x25 | TH-Cu/XLPE-4x70 | TH-Cu/XLPE-4x35 | TH-Cu/XLPE-4x25 | TH-Cu/XLPE-2x25 | TH-Cu/XLPE-2x16 | TH-Cu/XLPE-2x10 | TH-H5,5 | TH-H8,5 | TH-LT8,5 |
| | Từ HPD9 đến 2H4 (tầng 1 đơn nguyên 3) | | | 2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | 6 | | | | | |
| | Từ HPD9 đến 3H4 (tầng 1 đơn nguyên 3) | | | 3 | | | | | | | | | | | | | | | 9 | | | | | |
| | Từ HPD9 đến 2H1, H4 (tầng 1 đơn nguyên 3) | 2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | 8 | | | |
| | Từ HPD10 đến 4H1, 3H4 (tầng 2 đơn nguyên 3) | 4 | | 3 | | 1 | | | | | | | | | | | | | 6 | | 8 | | | |
| | Từ HPD11 đến H2, 3H4, 2H3f (tầng 2 đơn nguyên 3) | | 1 | 3 | 2 | 1 | | | | | | | | | | | | 4 | 6 | 2 | | | | |
| **TBA Vọng Đức** | | **8** | **2** | **3** | **3** | **2** | | | **9** | | | | | | | | **25** | **48** | **31** | **16** | **151** | | | |
| | **Ngõ 7 Vọng Đức** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar VĐ-PL2 đến HPD1 trên cột CS | | | | | 1 | | | 9 | | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD1 đến H2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 4 | | | | |
| | Từ HPD1 đến H1, H3f | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 9 | | | 9 | | | |
| | Từ HPD1 đến H2 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | 12 | | | | |
| | Từ HPD1 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 18 | | | |
| | Từ HPD1 đến H1, H4 | 1 | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 19 | | 19 | | | |
| | Từ HPD1 đến HPD2 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 25 | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 5 | | | | | | |
| | Từ HPD2 đến H4 | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | |
| | Từ HPD2 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 10 | | | |
| | Từ HPD2 đến H4 (tầng 3) | | | 1 | | | | | | | | | | | | | | | 11 | | | | | |
| | Từ HPD2 đến 2H1 | 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 42 | | | |
| | Từ HPD2 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 26 | | | |
| | Từ HPD2 đến H1 | 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | 27 | | | |
| | Từ HPD2 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 34 | | | | | | |
| **TBA Hàm Long 1** | | | | | | | **8** | | | | **50** | | | | | | | | | | | | | **1** |
| | **Ngõ 57 Hàm Long** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ hạ thế TBA đến cột C1 | | | | | | 8 | | | | | | | | | | | - | - | - | - | | | 1 |
| | Từ cột C1 đến cột C2 | | | | | | | | | | 50 | | | | | | | | | | | | | |
| **TBA Đình Lễ 1** | | **6** | | | **5** | | | | | | | | | | | | | **19** | | | | | | |
| | **Ngõ 39 Tràng Tiền** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | 6 hòm H1 cuối ngõ | 6 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | **Ngõ 57 Tràng Tiền** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ HPD1 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 3 | | | | | | |
| | Từ HPD2 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 1 | | | | | | |
| | Từ HPD2 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 11 | | | | | | |
| | Từ HPD3 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | | | | | | |

## BẢNG KÊ THU HỒI ĐƯỜNG TRỤC HẠ THẾ

| STT | Vị trí treo | Loại Hộp công tơ thu hồi | | | | Hộp phân dây | Cáp ngầm | | | | Cáp vặn xoắn | | | | | Cáp hạ thế treo Cu/XLPE | Cáp xuống Hộp công tơ | | | | | Cột BT | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TH-H1 | TH-H2 | TH-H4 | TH-H3f | TH-HPD | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | TH-ABC 4x120 | TH-ABC 4x70 | TH-ABC 4x50 | TH-ABC 4x25 | TH-ABC 2x25 | TH-Cu/XLPE-4x70 | TH-Cu/XLPE-4x35 | TH-Cu/XLPE-4x25 | TH-Cu/XLPE-2x25 | TH-Cu/XLPE-2x16 | TH-Cu/XLPE-2x10 | TH-H5,5 | TH-H8,5 | TH-LT8,5 |
| | Từ HPD3 đến H3f | | | | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | | | | | | |
| **TBA Tổng công ty Thực phẩm** | | **2** | **1** | **3** | **2** | **1** | | **2** | | | | | | | | | **22** | **4** | **6** | **2** | **4** | **2** | | |
| | **Ngõ 18B Tông Đản** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar mặt phố Tông Đản đến cột C1 | | | | | | | 2 | | | | | | | | | | - | - | - | - | 1 | | |
| | Từ cột C1 đến 2H1, H2, H4, H3f | 2 | 1 | 1 | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | 2 | 2 | 4 | | | |
| | Từ cột C1 đến cột C2 | | | | | 1 | | | | | | | | | | | 22 | - | - | - | - | 1 | | |
| | Từ cột C2 đến 2H4 trên cột, H3f-treo tường SN14 | | | 2 | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | 4 | | | | | |
| **TBA Phan Chu Trinh** | | **4** | **2** | **6** | **1** | **2** | | **29** | | | | | | | | | | **2** | **18** | **6** | **14** | | | |
| | **Ngõ 23 Phan Chu Trinh** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Từ tủ pillar PCT-PL2 đến HPD2.2 | | | | | 1 | | 12 | | | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2.2 đến 3H1, H2, 3H4 | 3 | 1 | 3 | | | | | | | | | | | | | | | 12 | 4 | 12 | | | |
| | Từ tủ pillar PCT-PL2 đến HPD2.1 | | | | | 1 | | 17 | | | | | | | | | | - | - | - | - | | | |
| | Từ HPD2.1 đến H1, H2, 3H4, H3f | 1 | 1 | 3 | 1 | | | | | | | | | | | | | 2 | 6 | 2 | 2 | | | |
| | | | | | | | | | | | | | - | | | | - | - | - | - | - | | | |
| | **Tổng cộng** | **63** | **20** | **69** | **23** | **32** | **8** | **31** | **50** | **11** | **69** | **33** | **40** | **20** | **38** | **10** | **237** | **126** | **288** | **133** | **627** | **3** | **1** | **1** |

**BẢNG KÊ THÍ NGHIỆM THIẾT BỊ - VẬT LIỆU PHẦN CÁP NGẦM HẠ THẾ**

**CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

| STT | Mã áp dụng | Hạng mục công việc | Đơn vị | Tổng khối lượng | TBA Viện Dược Liệu | TBA Trung tâm thể dục thể thao | TBA Nhà Thờ -M2 | TBA Săm Lốp | TBA Bông Nhuộm | TBA Trường Việt Đức | TBA Vọng Đức | TBA Hàm Long 1 | TBA Đinh Lễ 1 | TBA Tổng công ty Thực phẩm | TBA Phan Chu Trinh |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| I | | **PHẦN CÁP NGẦM HẠ THẾ** | | | | | | | | | | | | | |
| *I.1* | | Phần vật liệu | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TNcap0,4-1 | Cáp lực, điện áp 1-35kV | sợi | 47 | 1 | 7 | 2 | 10 | - | 8 | 6 | 4 | - | 5 | 4 |
| 2 | TN-TĐPL | Tiếp địa tủ | 1 vị trí | 12 | - | - | 1 | 2 | - | 2 | 2 | 1 | - | 2 | 2 |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

Biểu mẫu 02

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI
**CÔNG TY ĐIỆN LỰC HOÀN KIẾM**
Số: /

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

# BIÊN BẢN
## Xác nhận danh mục VTTB dự kiến thu hồi (khi lập BCKTKT, TKBVTC & DT)

TÊN CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN HẠ THẾ TẠI CÁC NGÕ TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG CỬA NAM NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI
MÃ CÔNG TRÌNH:
NỘI DUNG CÔNG VIỆC: Thu hồi vật tư, thiết bị phần đường dây hạ thế

| STT | Tên VTTB | Ký hiệu mã, quy cách, nước (hãng) SX, (Serial number VTTB nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng | Tình trạng vận hành VTTB | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **TBA Viện Dược Liệu** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Hòm | 6 | | |
| 2 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Hòm | 6 | | |
| 3 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Hộp | 4 | | |
| 4 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | Mét | 8 | | |
| 5 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x120mm2 | TH-ABC 4x120 | Mét | 19 | | |
| 6 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x50mm2 | TH-ABC 4x50 | Mét | 24 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 14 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 24 | | |
| **II** | **TBA Trung tâm thể dục thể thao** | | | | | |
| 1 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Hòm | 5 | | |
| 2 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Hòm | 8 | | |
| 3 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Hộp | 5 | | |
| 4 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x50mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x50 | Mét | 11 | | |
| 5 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-2x25mm2 | TH-ABC 2x25 | Mét | 18 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 106 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 46 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 31 | | |
| **III** | **TBA Nhà Thờ-M2** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 13 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 2 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 1 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 1 | | |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 2 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 30 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 11 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 4 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 13 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 192 | | |
| **IV** | **TBA Săm Lốp** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 2 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 3 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 7 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 5 | | |

| STT | Tên VTTB | Ký hiệu mã, quy cách, nước (hãng) SX, (Serial number VTTB nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng | Tình trạng vận hành VTTB | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 2 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | Mét | 30 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE-4x70 | Mét | 10 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 27 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 31 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 82 | | |
| 11 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 42 | | |
| 12 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 23 | | |
| 13 | Cột bê tông vuông | TH-H5,5 | Cái | 1 | | |
| 14 | Cột bê tông vuông | TH-H8,5 | Cái | 1 | | |
| **V** | **TBA Bông Nhuộm** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 9 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 1 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 7 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 1 | | |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 3 | | |
| 6 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x50mm2 | TH-ABC 4x50 | Mét | 16 | | |
| 7 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-2x25mm2 | TH-ABC 2x25 | Mét | 20 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 20 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 2 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 20 | | |
| 11 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 9 | | |
| 12 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 40 | | |
| **VI** | **TBA Trường Việt Đức** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 13 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 4 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 28 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 5 | | |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 11 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | Mét | 3 | | |
| 7 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x70mm2 | TH-ABC 4x70 | Mét | 33 | | |
| 8 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x25mm2 | TH-ABC 4x25 | Mét | 20 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 7 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 9 | | |
| 11 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 67 | | |
| 12 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 14 | | |
| 13 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 179 | | |
| **VII** | **TBA Vọng Đức** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 8 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 2 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 3 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 3 | | |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 2 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x70 | Mét | 9 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 25 | | |

| STT | Tên VTTB | Ký hiệu mã, quy cách, nước (hãng) SX, (Serial number VTTB nếu có) | Đơn vị tính | Số lượng | Tình trạng vận hành VTTB | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 48 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 31 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 16 | | |
| 11 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 151 | | |
| **VIII** | **TBA Hàm Long 1** | | | | | |
| 1 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x150 | Mét | 8 | | |
| 2 | Cáp điện vặn xoắn 0,6/1kV-4x120mm2 | TH-ABC 4x120 | Mét | 50 | | |
| 3 | Cột bê tông ly tâm | TH-LT8,5 | Cái | 1 | | |
| **IX** | **TBA Đình Lễ 1** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 6 | | |
| 2 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 5 | | |
| 3 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 19 | | |
| **X** | **TBA Tổng công ty Thực phẩm** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 2 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 1 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 3 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 2 | | |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 1 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x95mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | Mét | 2 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x35mm2 | TH-Cu/XLPE-4x35 | Mét | 22 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 4 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 6 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 2 | | |
| 11 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 4 | | |
| 12 | Cột bê tông vuông | TH-H5,5 | Cái | 2 | | |
| **XI** | **TBA Phan Chu Trinh** | | | | | |
| 1 | Hộp 1 công tơ 1 pha-Composit | TH-H1 | Cái | 4 | | |
| 2 | Hộp 2 công tơ 1 pha-Composit | TH-H2 | Cái | 2 | | |
| 3 | Hộp 4 công tơ 1 pha-Composit | TH-H4 | Cái | 6 | | |
| 4 | Hộp 1 công tơ 3 pha-Trực tiếp-Composit | TH-H3f | Cái | 1 | | |
| 5 | Hộp phân dây Composit | TH-HPD | Cái | 2 | | |
| 6 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x95mm2 | TH-Cu/XLPE/PVC-4x95 | Mét | 29 | | |
| 7 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-4x25mm2 | TH-Cu/XLPE-4x25 | Mét | 2 | | |
| 8 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x25mm2 | TH-Cu/XLPE-2x25 | Mét | 18 | | |
| 9 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x16mm2 | TH-Cu/XLPE-2x16 | Mét | 6 | | |
| 10 | Cáp hạ áp 0,6/1(1,2)kV-Cu/XLPE/PVC-2x10mm2 | TH-Cu/XLPE-2x10 | Mét | 14 | | |

**CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN**

Tạ Thị Thanh Hoa

***Nơi nhận:***
- Công ty ĐL Hoàn Kiếm
- Công ty CP TV XD ĐLHN
- Lưu: VT

**ĐƠN VỊ TVTK**

M.S.D.N: 0101886923 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN LỰC HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Huy Hiệu

**GIÁM ĐỐC**